



Chinh phục

NÂNG CAO

TOÁN

**ôn tập nâng cao
35 tuần học**

5

QUÉT MÃ QR ĐỂ XEM ĐÁP ÁN

KẾT NỐI TRI THỨC



- ✓ Đa dạng các bài tập **NÂNG CAO**.
- ✓ Hơn 600 câu hỏi trắc nghiệm trọn bộ 35 tuần học cả năm.
- ✓ Có **ĐÁP ÁN CHI TIẾT & VIDEO BÀI GIẢNG** chi tiết.
- ✓ Giúp học sinh chinh phục các dạng bài thường gặp trong các kì thi học sinh giỏi, Trạng Nguyên, Violympic, Vioedu...



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



Câu 1 Số liền sau của số gồm **7 chục triệu, 9 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 3 nghìn và 1 đơn vị** viết là:

- A. 70 943 000 B. 70 943 001 C. 79 430 001 D. 70 943 002

Câu 2 Trong số **49 572 103**, giá trị của chữ số **4** gấp giá trị chữ số **2** số lần là:

- A. 20 000 B. 2 000 000 C. 2 000 D. 40 000

Câu 3 Số?

$$\frac{1}{5} < \frac{?}{?} < \frac{2}{3}$$

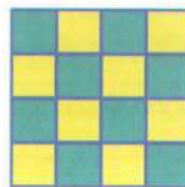
- A. $\frac{4}{3}$ B. $\frac{1}{10}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{7}{6}$

Câu 4 Số lớn nhất có bảy chữ số khác nhau khi làm tròn đến hàng chục nghìn được:

- A. 9 870 000 B. 9 880 000 C. 9 876 543 D. 9 877 000

Câu 5 Phân số tối giản chỉ số ô vuông đã tô màu trong hình bên là:

- A. $\frac{8}{16}$ B. $\frac{6}{16}$
C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{3}{8}$



Câu 6 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $85\,903 + 12\,556$ B. $98\,652 - 23\,148$
C. $3\,812 \times 14$ D. $45\,900 : 15$

Câu 7 Số liền sau của số chẵn nhỏ nhất có bảy chữ số khác nhau là:

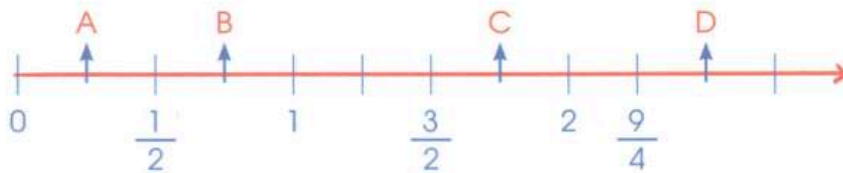
- A. 1 023 457 B. 1 023 455 C. 1 023 458 D. 1 023 459

Câu 8 Giá trị của biểu thức **$1\,249 \times 7 - 50$** khi làm tròn đến hàng nghìn là:

- A. 8 000 B. 8 700 C. 8 693 D. 9 000

Câu 9

Giá trị của điểm A, B, C, D trên trục số lần lượt là:



- A. $\frac{1}{4}, \frac{7}{4}, \frac{5}{2}, \frac{3}{4}$ B. $\frac{1}{4}, \frac{3}{4}, \frac{7}{4}, \frac{5}{2}$ C. $\frac{3}{4}, \frac{5}{2}, \frac{7}{4}, \frac{1}{4}$ D. $\frac{3}{4}, \frac{7}{4}, \frac{5}{2}, \frac{1}{4}$

Câu 10

Rút gọn hai phân số $\frac{117}{143}$ và $\frac{64}{154}$ thành phân số tối giản, sau đó quy đồng mẫu số ta được hai phân số lần lượt là:

- A. $\frac{63}{77}$ và $\frac{32}{77}$ B. $\frac{35}{115}$ và $\frac{45}{115}$ C. $\frac{3}{143}$ và $\frac{8}{143}$ D. $\frac{5}{119}$ và $\frac{9}{115}$

Câu 11

Bốn bạn Huyền, An, Chi, Hương cùng nhau gấp thuyền giấy. Thời gian gấp một con thuyền của mỗi bạn lần lượt là: $\frac{11}{10}$ phút, $\frac{19}{20}$ phút, $\frac{5}{4}$ phút và $\frac{9}{10}$ phút. Vậy bạn gấp nhanh nhất là:



- A. Huyền B. Hương C. Chi D. An

Câu 12

Lớp 5A nhận từ căng tin 38 hộp sữa gồm hai loại: sữa có đường và sữa ít đường. Số hộp sữa có đường nhiều hơn số hộp sữa ít đường là 6 hộp. Biết lớp 5A có 4 tổ và mỗi tổ nhận về số hộp sữa ít đường như nhau. Vậy mỗi tổ nhận về số hộp sữa ít đường là:

- A. 4 hộp B. 8 hộp C. 5 hộp D. 16 hộp

Câu 13

Tổng hai kho thóc có chứa 112 tạ thóc. Lúc sau người ta chuyển 3 tấn ở kho thứ nhất sang kho thứ hai thì số thóc ở kho thứ nhất hơn kho thứ hai là 22 tạ. Vậy số thóc ban đầu của kho thứ hai là:

- A. 22 tạ B. 16 tạ C. 97 tạ D. 15 tạ

Câu 14

Từ các số **8, 0, 9, 5, 1, 4, 7**, Hiệu lập số lớn nhất có bảy chữ số giống nhau và lập số nhỏ nhất có bảy chữ số khác nhau. Hiệu của hai số đó được làm tròn đến hàng chục nghìn là:

- A. 8 930 000 B. 8 940 000 C. 8 950 000 D. 8 960 000



Câu 1 Phân số nào là phân số tối giản có tử số bé hơn mẫu số?

- A. $\frac{20}{11}$ B. $\frac{144}{1\,000}$ C. $\frac{112}{80}$ D. $\frac{15}{34}$

Câu 2 Phân số nhỏ hơn phân số $\frac{13}{20}$ là:

- A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{20}{13}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 3 Phân số tối giản lớn nhất có mẫu số bằng 3 và tử số là số có 3 chữ số là:

- A. $\frac{100}{3}$ B. $\frac{999}{3}$ C. $\frac{998}{3}$ D. $\frac{349}{3}$

Câu 4 Phân số thập phân nhỏ nhất mà mẫu số là số có bốn chữ số là:

- A. $\frac{1}{100}$ B. $\frac{11}{1\,000}$ C. $\frac{1}{1\,000}$ D. $\frac{99}{1\,000}$

Câu 5 Phân số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống là:

$$\frac{1}{5} < \frac{?}{?} < \frac{4}{5}$$

- A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{9}{10}$ D. $\frac{2}{10}$

Câu 6 Phép tính đúng là:

- A. $\frac{5}{14} + \frac{2}{7} = \frac{7}{14} = \frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{10} \times \frac{4}{5} = \frac{4}{50} = \frac{2}{25}$
C. $\frac{17}{35} - \frac{12}{7} = \frac{5}{35} = \frac{1}{7}$ D. $\frac{9}{20} : \frac{2}{5} = \frac{18}{100} = \frac{9}{50}$



Câu 7 Giá trị của biểu thức $(\frac{12}{35} + \frac{4}{5}) : \frac{1}{2}$ là:

- A. $\frac{8}{7}$ B. $\frac{68}{35}$ C. $\frac{8}{5}$ D. $\frac{16}{7}$

Câu 8 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả bé nhất là:

- A. $\frac{1}{27} + 5$ B. $\frac{34}{9} - 3$ C. $3 \times \frac{14}{18}$ D. $8 : \frac{45}{4}$

Câu 9 Phân số thập phân có tử số là số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và mẫu số là 100 là:

A. $\frac{99}{100}$

B. $\frac{89}{100}$

C. $\frac{98}{100}$

D. $\frac{100}{99}$

Câu 10 Kết quả của phép tính $\frac{1}{4} + \frac{2}{9} + \frac{3}{4} + \frac{8}{15} + \frac{7}{9} + \frac{22}{15}$ là:

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 11 Từ các thẻ số **3; 13; 34; 57; 100**, My lập các phân số thập phân bằng cách dùng 1 thẻ cho tử số, dùng 1 thẻ cho mẫu số. My lập được số phân số thập phân là:

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 12 Có bao nhiêu phân số thập phân mà tử số trừ mẫu số bằng 1, biết rằng mẫu số là số bé hơn 1 000?

A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 13 Đội I và đội II tham gia trồng cây. Số cây đội I trồng được là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số và bằng $\frac{5}{4}$ số cây đội II trồng được. Cả hai đội trồng được số cây là:



A. 126 cây

B. 72 cây

C. 90 cây

D. 162 cây

Câu 14 Bác Hoàng dùng các tấm kính hình vuông cạnh $\frac{1}{5}$ m lắp sát nhau thành một vách ngăn hình chữ nhật có chiều dài 4 m và chiều rộng 2 m. Số tấm kính bác Hoàng dùng để lắp vách ngăn đó là:



A. 20 tấm kính

B. 40 tấm kính

C. 200 tấm kính

D. 10 tấm kính

Câu 15 Cô Hiền đổ $\frac{1}{2}$ l nước cốt dâu tằm vào $\frac{5}{2}$ l nước lọc để pha nước dâu. Cô rót đều nước dâu vào các cốc, mỗi cốc chứa $\frac{3}{10}$ l. Sau đó, cô Hiền đã uống hết 2 cốc. Số cốc nước dâu còn lại là:

A. 8 cốc

B. 10 cốc

C. 12 cốc

D. 13 cốc

Tuần 3

CỘNG, TRỪ HAI PHẦN SỐ KHÁC MẪU SỐ
HỖN SỐ
ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (TIẾT 1)



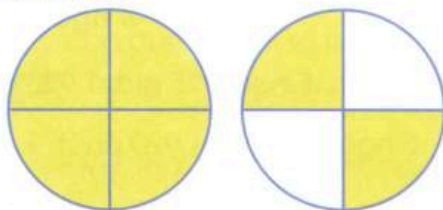
Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Quy đồng hai phân số $\frac{3}{7}$ và $\frac{4}{5}$ ta được hai phân số lần lượt là:

- A. $\frac{3}{15}$ và $\frac{4}{15}$ B. $\frac{5}{20}$ và $\frac{7}{20}$ C. $\frac{7}{12}$ và $\frac{5}{12}$ D. $\frac{15}{35}$ và $\frac{28}{35}$

Câu 2 Hỗn số chỉ số phần đã tô màu trong hình bên là:

- A. $1\frac{2}{8}$ B. $1\frac{6}{8}$
C. $1\frac{1}{2}$ D. $1\frac{2}{5}$



Câu 3 Phân số $\frac{35}{4}$ được viết dưới dạng hỗn số là:

- A. $8\frac{3}{4}$ B. $8\frac{1}{4}$ C. $7\frac{3}{4}$ D. $7\frac{1}{4}$

Câu 4 Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} + \frac{1}{3} : \frac{2}{5}$ là:

- A. $\frac{7}{11}$ B. $\frac{37}{30}$ C. $\frac{11}{7}$ D. $\frac{30}{17}$

Câu 5 Viết số đo sau dưới dạng hỗn số:

$7\text{ m } 37\text{ cm} = \boxed{}\text{ m}$

- A. $7\frac{37}{10}$ B. $7\frac{37}{100}$ C. $37\frac{7}{10}$ D. $37\frac{7}{100}$

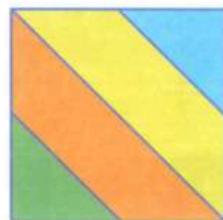
Câu 6 Số?

$15\text{ dm}^2\ 8\text{ cm}^2 = \boxed{}\text{ cm}^2$

- A. 1 805 B. 1 058 C. 1 085 D. 1 508

Câu 7 Hình vẽ bên có bao nhiêu góc tù?

- A. 3 góc B. 4 góc
C. 5 góc D. 6 góc



Câu 8 Tổng hai số là $\frac{5}{12}$. Nếu thêm vào số thứ nhất $\frac{1}{7}$ thì tổng hai số là:

- A. $\frac{32}{84}$ B. $\frac{23}{84}$ C. $\frac{74}{84}$ D. $\frac{47}{84}$

Câu 9 Phân số thích hợp điền vào ô trống là:

$$\frac{12}{7} - \frac{?}{?} = \frac{7}{5} - \frac{2}{3}$$

A. $\frac{103}{104}$

B. $\frac{103}{105}$

C. $\frac{11}{15}$

D. $\frac{257}{105}$

Câu 10 Sắp xếp các số đo thời gian dưới đây theo thứ tự từ lớn đến bé:

5 ngày, 75 giờ, 1 920 phút, 1 tuần.

A. 1 tuần, 5 ngày, 75 giờ, 1 920 phút.

B. 5 ngày, 1 tuần, 75 giờ, 1 920 phút.

C. 5 ngày, 75 giờ, 1 920 phút, 1 tuần.

D. 75 giờ, 1 920 phút, 1 tuần, 5 ngày.

Câu 11 Cho hỗn số có phần nguyên là số chẵn lớn nhất có hai chữ số giống nhau. Tử số của phân số là số lẻ nhỏ nhất có một chữ số và mẫu số là số tròn chục bé nhất. Vậy hỗn số đó là:

A. $98\frac{1}{10}$

B. $98\frac{9}{10}$

C. $88\frac{1}{10}$

D. $88\frac{9}{10}$

Câu 12 Cho hỗn số có phần nguyên và tử số của phân số là số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau. Mẫu số của phân số là số lớn nhất có hai chữ số khác nhau. Vậy hỗn số đó là:

A. $10\frac{1}{98}$

B. $11\frac{10}{99}$

C. $11\frac{11}{98}$

D. $22\frac{1}{98}$

Câu 13 Kết quả của biểu thức $\frac{9}{12} - \frac{2}{5} + \frac{3}{4}$ được viết dưới dạng hỗn số là:

A. $\frac{3}{7}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{1}{4}$

D. $1\frac{1}{10}$

Câu 14 Trung bình cộng của hai phân số bằng $\frac{7}{2}$. Nếu gấp phân số thứ nhất lên 2 lần thì trung bình cộng của chúng bằng $\frac{19}{5}$. Vậy phân số thứ hai là:

A. $\frac{5}{7}$

B. $\frac{16}{5}$

C. $\frac{3}{10}$

D. $\frac{32}{5}$

Câu 15 Một miếng bìa hình chữ nhật có chu vi bằng 50 cm. Nếu tăng chiều rộng thêm 9 cm, tăng chiều dài thêm 4 cm thì miếng bìa trở thành một hình vuông. Diện tích miếng bìa ban đầu là:

A. 150 cm^2

B. 75 cm^2

C. 100 cm^2

D. 245 cm^2

Câu 16 Trung bình cộng của hai phân số bằng $2\frac{9}{10}$, phân số thứ hai lớn hơn phân số thứ nhất là $\frac{13}{5}$. Vậy phân số thứ nhất là:

A. $\frac{21}{5}$

B. $\frac{5}{7}$

C. $\frac{8}{5}$

D. $\frac{5}{7}$

Câu 17 Một đội công nhân đắp một con đường trong 3 ngày, ngày thứ nhất đắp được $\frac{1}{3}$ con đường, ngày thứ hai đắp được $\frac{2}{5}$ con đường, ngày thứ ba đắp 900 m thì hoàn thành con đường. Vậy con đường dài số mét là:

A. 1 350 m

B. 240 m

C. 3 375 m

D. 2 250 m

Câu 18 Một cửa hàng có một số lít nước mắm, ngày thứ nhất cửa hàng bán $\frac{2}{5}$ số lít nước mắm đó. Ngày thứ hai cửa hàng nhập về thêm 46 l nước mắm thì số lít nước mắm trong cửa hàng lúc này bằng $\frac{10}{9}$ số lít nước mắm ban đầu. Vậy ban đầu cửa hàng có số lít nước mắm là:

A. 90 l

B. 64 l

C. 41 l

D. 115 l

Câu 19 Năm ngoái, bác Bảo thu hoạch được 5 tấn thóc, năm nay bác chỉ thu hoạch được số thóc bằng $\frac{3}{4}$ số thóc năm ngoái. Biết giá bán của mỗi ki-lô-gam thóc là 6 500 đồng. Vậy số tiền bác Bảo bán thóc trong năm nay ít hơn năm ngoái là:

A. 32 500 000 đồng

B. 24 375 000 đồng

C. 8 125 000 đồng

D. 9 450 000 đồng



Câu 20 Một trường tiểu học có sân trường dạng hình chữ nhật với chiều dài bằng 40 m và hơn chiều rộng $\frac{15}{2}$ m. Ở giữa sân trường, người ta xây một bồn hoa dạng hình vuông có cạnh là 6 m. Vậy diện tích còn lại của sân trường đó là:



A. 1 221 m²

B. 36 m²

C. 1 300 m²

D. 1 264 m²

Tuần 4

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (TIẾT 2)

LUYỆN TẬP CHUNG

KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và video bài giảng chi tiết

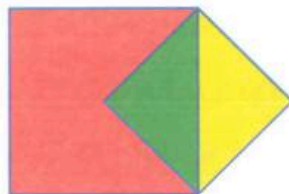
Câu 1 Hình vẽ bên có số góc vuông là:

A. 4

B. 8

C. 6

D. 10



Câu 2 Số thập phân gồm **9 chục, 1 đơn vị, 5 phần mười, 3 phần nghìn** là:

A. 91,035

B. 90,305

C. 91,503

D. 90,503

Câu 3 Phân số $\frac{5}{4}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 1,25

B. 1,5

C. 2,25

D. 2,15

Câu 4 Phân số $\frac{47}{15}$ viết dưới dạng hỗn số là:

A. $2\frac{2}{15}$

B. $3\frac{2}{15}$

C. $1\frac{7}{15}$

D. $4\frac{1}{15}$

Câu 5 Dãy số được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là:

A. 509 531; 509 513; 509 351; 509 315

B. 509 513; 509 351; 509 315; 509 531

C. 509 315; 509 531; 509 513; 509 351

D. 509 315; 509 513; 509 351; 509 531

Câu 6 Giá trị của biểu thức $3 \times (\frac{4}{7} - \frac{2}{5}) + \frac{3}{10}$ là:

A. $\frac{57}{70}$

B. $\frac{183}{70}$

C. $\frac{45}{14}$

D. $\frac{3}{14}$

Câu 7 Từ các chữ số **2; 5; 0; 9** có thể viết được bao nhiêu số thập phân mà phần nguyên và phần thập phân đều có hai chữ số?

A. 15 số

B. 16 số

C. 17 số

D. 18 số

Câu 8 Cho một số thập phân là 9,15. Nếu ta dịch dấu phẩy của số đó sang bên trái một chữ số thì số đó sẽ thay đổi như thế nào?

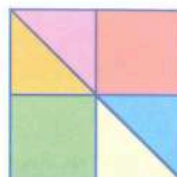
A. Tăng gấp 10 lần

B. Tăng lên 10 đơn vị

C. Giảm đi 10 đơn vị

D. Giảm đi 10 lần

Câu 9 Hình bên có số hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác lần lượt là:



- A. 4, 5, 6 B. 3, 6, 4
C. 5, 4, 6 D. 5, 4, 6

Câu 10 Có bao nhiêu số thập phân có tổng tất cả các chữ số bằng 10? Biết phần nguyên của số thập phân đó là số có một chữ số và phần thập phân là số có hai chữ số giống nhau.

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 11 Bác Tiến dự định trồng ngô trên mảnh đất dạng hình chữ nhật có chiều dài bằng $\frac{31}{2}$ m và hơn chiều rộng $\frac{5}{2}$ m. Chu vi mảnh đất trồng ngô của bác Tiến là:



- A. 36 m B. 57 m C. 42 m D. 16 m

Câu 12 Một cửa hàng có hai bao gạo, bao thứ nhất có 30 kg gạo. Sau khi cửa hàng bán đi 8 kg gạo trong mỗi bao thì số gạo còn lại trong bao thứ nhất bằng $\frac{2}{3}$ số gạo còn lại trong bao thứ hai. Vậy lúc đầu bao thứ hai có số ki-lô-gam gạo là:

- A. 58 kg B. 34 kg C. 50 kg D. 41 kg

Câu 13 Cô My có 6 bao thóc nếp non, mỗi bao đựng 110 kg thóc. Cô dùng số thóc nếp đó để làm cốm tươi, biết cứ 2 kg thóc nếp non cô làm được $\frac{5}{12}$ kg cốm tươi. Nếu dùng hết tất cả số thóc nếp non đó thì cô My làm được số cốm tươi là:

- A. 257 kg B. $\frac{257}{2}$ kg C. 275 kg D. $\frac{275}{2}$ kg

Câu 14 Một nhà máy có 536 công nhân. Sau khi 20 công nhân nữ nghỉ việc thì số công nhân nữ của nhà máy ít hơn số công nhân nam là 50 người. Vậy lúc đầu nhà máy có số công nhân nữ là:



- A. 253 công nhân B. 283 công nhân
C. 250 công nhân D. 273 công nhân

Tuần 5

KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 2, 3)
SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHẦN
VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và video bài giảng chi tiết

Câu 1 Số thập phân **5,702** đọc là:

- A. Năm phẩy bảy trăm linh hai B. Năm phẩy bảy mươi hai
C. Năm phẩy bảy hai D. Năm phẩy bảy linh hai

Câu 2 Số thập phân **0,059** được viết dưới dạng phân số thập phân là:

- A. $\frac{59}{10\,000}$ B. $\frac{59}{100}$ C. $\frac{590}{1\,000}$ D. $\frac{590}{10\,000}$

Câu 3 Hỗn số $11\frac{710}{1\,000}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 110,71 B. 11,0071 C. 11,71 D. 11,071

Câu 4 Số?

$5 \text{ tấn } 75 \text{ kg} = ? \text{ tấn}$

- A. 5,57 B. 5,075 C. 5,75 D. 5 750

Câu 5 Trong số thập phân 127,981 giá trị của chữ số 7 gấp giá trị của chữ số 1 số lần là:

- A. 7 lần B. 70 lần C. 700 lần D. 7 000 lần

Câu 6 Dãy số thập phân nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

- A. 0,18; 0,31; 0,07; 0,55. B. 0,07; 0,18; 0,31; 0,55.
C. 0,18; 0,55; 0,31; 0,07. D. 0,07; 0,18; 0,55; 0,31.

Câu 7 Chữ số **không** thích hợp để điền vào ô trống là:

$75,4 \text{ ? } < 75,43$

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 8 Cho một số thập phân có phần nguyên là số nhỏ nhất có một chữ số và phần thập phân là số lớn nhất có hai chữ số. Vậy số thập phân đó là:

- A. 1,98 B. 0,98 C. 0,99 D. 1,99



Câu 9 Cho các số 4,65; 4,650; $\frac{465}{100}$; $4\frac{65}{100}$. Có tất cả các số bằng nhau là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 10 Con mèo cân nặng số ki-lô-gam là:



- A. 4,35 kg B. 4,035 kg C. 2,235 kg D. 2,35 kg

Câu 11 Cho số thập phân 8,669. Khi rời dấu phẩy sang bên phải hai chữ số thì giá trị chữ số 9 lúc này gấp giá trị của chữ số 9 ban đầu là:

- A. $\frac{1}{10}$ lần B. 1 000 lần C. 100 lần D. 10 lần

Câu 12 Các số đo độ dài được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 17,8 km; 1 780 dm; 170,8 m; 1,78 cm B. 1,78 cm; 170,8 m; 1 780 dm; 17,8 km
C. 1 780 dm; 17,8 km; 1,78 cm; 170,8 m D. 170,8 m; 1 780 dm; 17,8 km; 1,78 cm

Câu 13 Có bao nhiêu số thập phân có một chữ số ở phần nguyên và một chữ số ở phần thập phân mà khi đổi vị trí của chữ số ở phần nguyên với chữ số ở phần thập phân thì số đó không đổi?

- A. 0 B. 3 C. 6 D. 9

Câu 14 Từ năm tấm thẻ 8; 5; 0; 6; , lập được tất cả bao nhiêu số thập phân có phần nguyên gồm hai chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số và lớn hơn 60,58?

- A. 11 số B. 10 số C. 5 số D. 18 số

Câu 15 Cô Hiền nhập về bốn cây vải màu xanh, màu đỏ, màu vàng và màu tím có độ dài bằng nhau. Cô đã bán được 5,13 m vải xanh, 6 m 5 cm vải đỏ, 4,43 m vải vàng và 5 m 71 cm vải tím. Lúc này, cây vải có độ dài lớn nhất là:

- A. Vải xanh B. Vải đỏ C. Vải vàng D. Vải tím

Tuần 6

VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP
PHÂN (TIẾT 2, 3)
LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN
LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Số?



$$34 / 5 \text{ ml} = ? /$$

- A. 3,45 l B. 34,5 l C. 34,05 l D. 34,005 l

Câu 2 Một cây tre cao 223 cm. Cây tre đó cao số mét là:

- A. 2 230 m B. 22,3 m C. 223 m D. 2,23 m



Câu 3 Một con cá chép cân nặng 1,94 kg. Ta nói, con cá chép đó nặng khoảng:

- A. 1 kg B. 2 kg
C. 1,5 kg D. 5 kg



Câu 4 Số thập phân 0,125 được viết dưới dạng phân số thập phân là:

- A. $\frac{125}{10}$ B. $\frac{125}{100}$ C. $\frac{125}{1\ 000}$ D. $\frac{125}{10\ 000}$

Câu 5 Sau khi làm tròn số thập phân 547,958 đến hàng phần trăm, ta được số mới và số đó đọc là:

- A. Năm trăm bốn mươi bảy phẩy chín mươi sáu.
B. Năm trăm bốn mươi bảy phẩy chín mươi lăm.
C. Năm trăm bốn mươi bảy phẩy chín.
D. Năm trăm bốn mươi bảy phẩy chín trăm năm mươi tám.

Câu 6 Dãy số thập phân được sắp xếp theo thứ tự **tăng dần** là:

- A. 350,48; 909,99; 17,521; 0,653; 9,536 B. 17,521; 0,653; 350,48; 909,99; 9,536
C. 17,521; 350,48; 909,99; 0,653; 9,536 D. 0,653; 9,536; 17,521; 350,48; 909,99

Câu 7 Các số thập phân khi làm tròn đến số tự nhiên gần nhất được số 157 là:

- A. 156,8 và 157,15 B. 157,5 và 158,45
C. 156,47 và 158,23 D. 156,12 và 157,43

Câu 8 Trong các số thập phân: 76,54; 74,65; 75,46; 76,45, số bé nhất là:

A. 76,54

B. 74,65

C. 75,46

D. 76,45

Câu 9 Cho một số sau khi làm tròn đến hàng đơn vị được kết quả là 32. Trong các số dưới đây, số lớn nhất có thể là:

A. 32,099

B. 31,999

C. 31,499

D. 30,099

Câu 10 Các số đo được sắp xếp theo thứ tự từ **lớn đến bé** là:

A. 9 m^2 ; 2 dm^2 ; 95 000 cm^2 ; 905 dm^2 ; $9,03\text{ m}^2$ B. $9,03\text{ m}^2$; 95 000 cm^2 ; 905 dm^2 ; 9 m^2 ; 2 dm^2 C. 95 000 cm^2 ; 905 dm^2 ; $9,03\text{ m}^2$; 9 m^2 ; 2 dm^2 D. 95 000 cm^2 ; 9 m^2 ; 2 dm^2 ; 905 dm^2 ; $9,03\text{ m}^2$ 

Câu 11 Cho một số thập phân có phần nguyên là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số, phần thập phân là số bé nhất có ba chữ số mà tổng các chữ số bằng 9. Số đó là:

A. 90,108

B. 99,018

C. 90,027

D. 99,027

Câu 12 Cho các thẻ số 5; 8; 9; 6; . Làm tròn số thập phân lớn nhất viết được từ các thẻ số trên đến hàng phần trăm, ta được số:

A. 9,865

B. 9,86

C. 9,89

D. 9,87

Câu 13 Năm ngoái, bác Giang thu hoạch được 79,641 tạ dưa. Bác nói đã thu hoạch được khoảng 80 tạ dưa. Vậy bác Giang đã làm tròn số tạ dưa thu hoạch được đến:

A. Hàng đơn vị

B. Hàng phần trăm

C. Hàng phần mười

D. Hàng phần mười

Câu 14 Từ năm thẻ số 8; 9; 1; 0; , lập tất cả các số thập phân bé hơn 2 có phần thập phân gồm 2 chữ số. Sắp xếp các số thập phân đó theo thứ tự từ bé đến lớn, ta được dãy số:

A. 0,81; 0,18; 0,19; 0,91; 1,08; 1,09; 1,89; 1,98; 1,80; 1,90.

B. 0,18; 0,19; 0,91; 1,08; 1,09; 1,90; 8,09; 8,91; 9,08; 9,81

C. 0,18; 0,19; 0,81; 0,89; 0,91; 0,98; 1,08; 1,09; 1,80; 1,89; 1,90; 1,98.

D. 1,98; 1,90; 1,89; 1,80; 1,09; 1,08; 0,98; 0,91; 0,89; 0,81; 0,19; 0,18.





Câu 1 Số thập phân “Sáu trăm chín mươi phẩy không trăm linh ba” được viết là:

- A. 609,003 B. 690,303 C. 609,030 D. 690,003

Câu 2 Kết quả của phép tính $459 \text{ m}^2 + 813 \text{ m}^2$ là:

- A. 12,72 km^2 B. 12,72 m^2 C. 0,1722 ha D. 0,1272 ha

Câu 3 Số?

$$23 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 12 \text{ cm}^2 = ? \text{ m}^2$$

- A. 23,0512 B. 23,512 C. 23,5012 D. 23,5102

Câu 4 Trong các số đo dưới đây, số đo không bằng các số còn lại là:

- A. 7,65 ha B. 0,0765 km^2 C. 76 500 m^2 D. 765 000 dm^2

Câu 5 Trong các số đo dưới đây, số đo bằng 14,03 ha là:

- A. 14 030 m^2 B. 140 030 km^2 C. 0,1403 km^2 D. 14 000 300 dm^2

Câu 6 Trong các số đo dưới đây, số đo bé nhất là:

- A. 753 km^2 B. 753 000 ha C. 75 300 000 m^2 D. $75 \frac{3}{1000} \text{ km}^2$

Câu 7 Điền dấu (>, <, =) vào ô trống cho thích hợp.

$$5 \text{ ha } 2 \text{ 304 m}^2 \quad ? \quad 52 \text{ 037 m}^2 + 39 \text{ m}^2$$

- A. > B. < C. =

Câu 8 Dãy số đo được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 5 km^2 ; 30 ha; 990 dm^2 ; 8 m^2 ; 5 000 cm^2
B. 5 000 cm^2 ; 5 km^2 ; 990 dm^2 ; 8 m^2 ; 30 ha
C. 990 dm^2 ; 8 m^2 ; 5 000 cm^2 ; 5 km^2 ; 30 ha
D. 990 dm^2 ; 8 m^2 ; 30 ha; 5 000 cm^2 ; 5 km^2



Câu 9 Các số thập phân có ba chữ số ở phần thập phân mà lớn hơn 0,509 và nhỏ hơn 0,513 là:

- A. 0,51; 0,52; 0,53 B. 0,501; 0,502; 0,503
C. 0,511; 0,512; 0,513 D. 0,510; 0,511; 0,512

Câu 10 Từ các thẻ 3; 2; 0; , lập được bao nhiêu số thập phân có 3 chữ số lớn hơn 1?

- A. 6 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 11 Mẹ mua một quả sầu riêng nặng 2,72 kg. Cô bán hàng làm tròn số cân nặng đến hàng phần mười và đọc là:



- A. Ba ki-lô-gam B. Hai phẩy tám ki-lô-gam
C. Hai phẩy bảy ki-lô-gam D. Hai phẩy bảy mươi ba ki-lô-gam

Câu 12 Từ bốn thẻ 9; 5; 8; , lập số thập phân lớn hơn 9,5 và nhỏ hơn 9,8. Trong số thập phân đó, chữ số 5 thuộc hàng:

- A. Hàng phần mười B. Hàng đơn vị
C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

Câu 13 Bác Duy trồng vải và nhãn trên một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 400 m, chiều rộng 300 m. Bác dùng $\frac{2}{3}$ diện tích mảnh đất đó để trồng nhãn. Vậy diện tích đất bác Duy dùng để trồng vải là:



- A. 6 ha B. 5 ha C. 8 ha D. 4 ha

Câu 14 Nền của căn phòng nhà chú Tuấn dạng hình vuông có chu vi bằng 240 dm. Chú lát gạch nền căn phòng bằng các viên gạch dạng hình vuông có cạnh 50 cm. Biết giá mỗi viên gạch là 35 000 đồng. Vậy số tiền chú Tuấn mua gạch để lát hết nền căn phòng đó là:

- A. 1 069 000 đồng B. 5 140 000 đồng
C. 5 040 000 đồng D. 891 000 đồng

Câu 15 Vụ mùa năm nay, bác Huy trồng được 0,0625 km² rừng cà phê. Trung bình mỗi héc-ta rừng, bác trồng được 2 600 cây cà phê. Biết mỗi cây cà phê thu hoạch được 5 kg quả cà phê chín. Số tấn quả cà phê bác Huy thu được trong vụ mùa năm nay là:



- A. 72,5 tấn B. 81,25 tấn
C. 75,2 tấn D. 82,51 tấn

Tuần 8

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ
ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG
LUYỆN TẬP CHUNG
PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Diện tích mặt cửa tủ lạnh khoảng:

- A. $90,6 \text{ dm}^2$ B. $90,6 \text{ cm}^2$
C. $90,6 \text{ mm}^2$ D. $90,6 \text{ m}^2$



Câu 2 Số?



$$\boxed{?} - 5,75 = 3,19$$

- A. 2,56 B. 2,65 C. 8,94 D. 8,49

Câu 3 Làm tròn kết quả của phép tính $24,51 + 173,072$ đến hàng phần trăm ta được:

- A. 231,29 B. 197,58 C. 197,582 D. 244,78

Câu 4 Số?



$$17 \text{ km}^2 30 \text{ ha} = \boxed{?} \text{ ha}$$

- A. 1,73 B. 17,3 C. 173 D. 1 730

Câu 5 Có bao nhiêu số tự nhiên thích hợp điền vào ô trống?



$$30,56 + 1,92 < \boxed{?} < 35,81 + 1,09$$

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 6 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $13,97 + 3,81$ B. $32,8 + 1,5$ C. $23,43 + 12,4$ D. $25 + 4,7$

Câu 7 Dãy các số đo được sắp xếp theo thứ tự lớn đến bé là:

- A. 470 dm^2 ; 67 cm^2 ; $2 530 \text{ ha}$; $0,38 \text{ km}^2$ B. $0,38 \text{ km}^2$; $2 530 \text{ ha}$; 67 cm^2 ; 470 dm^2
C. 67 cm^2 ; 470 dm^2 ; $0,38 \text{ km}^2$; $2 530 \text{ ha}$ D. $2 530 \text{ ha}$; $0,38 \text{ km}^2$; 470 dm^2 ; 67 cm^2

Câu 8 Ba bạn Huy, Khang và Hiếu cùng tham gia đo chiều cao tại lớp. Huy cao $133,4 \text{ cm}$ và thấp hơn Khang 26 mm . Khang thấp hơn Hiếu $1,21 \text{ cm}$. Chiều cao của ba bạn Huy, Khang và Hiếu lần lượt là:



- A. 133,4 cm; 137,21 cm; 136 cm
- B. 133,4 cm; 130,8 cm; 129,59 cm
- C. 133,4 cm; 136 cm; 137,21 cm
- D. 133,4 cm; 129,59 cm; 130,8 cm



Câu 9 Trong các hình dưới đây, hình có diện tích lớn nhất là:



Câu 10 Mảnh đất hình chữ nhật nhà bác Nam có nửa chu vi bằng 54 m, chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Vậy diện tích mảnh đất nhà bác Nam là:

- A. 7,2 ha
- B. 0,72 ha
- C. 720 m²
- D. 72 m²

Câu 11 Anh Tiến câu được một con cá trê, anh chia con cá trê thành ba phần gồm đầu, thân và đuôi. Anh Tiến chia thân cá và đuôi cá nặng gấp 3 lần đầu cá, thân cá nặng bằng $\frac{5}{3}$ đầu cá. Biết đầu cá nặng 1 kg 200 g. Vậy khối lượng của đuôi cá là:



- A. 2 kg
- B. 1 kg 600 g
- C. 900 g
- D. 1 kg 150 g

Câu 12 Cho ba hình, hình vuông có cạnh 12,25 cm, hình chữ nhật có chiều dài 14,5 cm, chiều rộng 10 cm và hình tam giác có ba cạnh đều bằng 4 cm. Trong ba hình, các hình có chu vi bằng nhau là:

- A. Hình vuông và hình tam giác
- B. Hình chữ nhật và hình vuông
- C. Hình chữ nhật và hình tam giác
- D. Cả ba hình

Câu 13 Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 25,16 m vải. Ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 32,25 m vải và ít hơn ngày thứ ba 19,06 m vải. Vậy trong cả ba ngày, cửa hàng bán được số mét vải là:

- A. 159,4 m
- B. 195,4 m
- C. 159,04 m
- D. 195,04 m



Tuần 9

PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 2)
PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHẦN
PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHẦN (TIẾT 1, TIẾT 2)



Quét mã QR xem đáp án và video bài giảng chi tiết

Câu 1 Kết quả của phép tính $235,74 - 65,14$ được đọc là:

- A. Hai trăm bảy tám mươi tám
- B. Một trăm tám mươi sáu phẩy năm mươi mốt
- C. Một trăm bảy mươi sáu
- D. Một trăm bảy mươi bảy phẩy ba mươi ba



Câu 2 Số?

$$45,26 - \boxed{?} = 93,84 - 71,29$$

- A. 22,71
- B. 55,22
- C. 22,17
- D. 22,55

Câu 3 Tích của $5,23$ và $7,8$ được làm tròn đến hàng phần mười là:

- A. 40,7
- B. 40,79
- C. 40,794
- D. 40,8

Câu 4 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $17,65 - 3,42$
- B. $12,6 + 6,6$
- C. $10,12 \times 2,3$
- D. $9,85 \times 4$

Câu 5 Số?

$$\boxed{?} : 4,5 = 95,8$$

- A. 43,1
- B. 42,1
- C. 431,1
- D. 421,1

Câu 6 Kết quả của biểu thức $5,8 + 4,7 \times 1,3$ có chữ số 9 thuộc hàng:

- A. Hàng chục
- B. Hàng đơn vị
- C. Hàng phần mười
- D. Hàng phần trăm

Câu 7 Kết quả của phép tính $164,72 + 59,78 + 35,28 + 140,22$ là:

- A. 100
- B. 200
- C. 300
- D. 400

Câu 8 Điền dấu thích hợp vào ô trống:

$$25,665 - 4,86 \boxed{?} 5,87 \times 4$$

- A. >
- B. <
- C. =

Câu 9 Cho một số. Biết rằng nếu giảm số đó đi 5 lần, rồi bớt đi 76,6 thì được kết quả là 168. Số đó là:

- A. 244,6
- B. 249,6
- C. 1 223
- D. 2 223

Câu 10 Kết quả các phép tính dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. $2,03 + 0,85$; $21,3 - 19,2$; $1,05 \times 2,1$; $0,56 \times 2$
- B. $0,56 \times 2$; $21,3 - 19,2$; $1,05 \times 2,1$; $2,03 + 0,85$
- C. $0,56 \times 2$; $21,3 - 19,2$; $2,03 + 0,85$; $1,05 \times 2,1$
- D. $2,03 + 0,85$; $1,05 \times 2,1$; $21,3 - 19,2$; $0,56 \times 2$



Câu 11 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 11,4 m, chiều rộng kém chiều dài 2,8 m. Chu vi và diện tích mảnh đất đó lần lượt là:

- A. 20 m và $98,04 \text{ m}^2$
- B. 40 m và $98,04 \text{ m}^2$
- C. 20 m và $94,08 \text{ m}^2$
- D. 40 m và $94,08 \text{ m}^2$

Câu 12 Cho một số thập phân, biết rằng nếu lấy số đó chia cho 5,6 rồi cộng với 12,9 thì được kết quả là 18,7. Số thập phân đó là:

- A. 32,48
- B. 26
- C. 34,28
- D. 38,41

Câu 13 Cho hai số thập phân. Biết nếu thêm vào số lớn 17,7 đơn vị và thêm vào số bé 11,5 đơn vị thì hiệu mới bằng 20,08. Hiệu ban đầu của hai số đó là:

- A. 12,87
- B. 19,98
- C. 24,08
- D. 13,88

Câu 14 Cho một số thập phân. Biết nếu giảm số đó đi 4 lần rồi bớt đi 22,25 thì được 40,56. Số đó là:

- A. 62,75
- B. 251,24
- C. 87,14
- D. 89

Câu 15 Từ 5 thẻ: 5; 0; 9; 1; , lập tất cả các số thập phân có phần nguyên gồm 2 chữ số và phần thập phân gồm 2 chữ số. Vậy tổng của số thập phân lớn nhất và nhỏ nhất được lập từ các thẻ trên là:

- A. 105,96
- B. 10,59
- C. 95,10
- D. 105,69

Câu 16 Cho hai số thập phân. Biết rằng tổng của hai số thập phân là 59,16 và gấp 10 lần số bé. Hiệu của hai số đó là:

- A. 5,368
- B. 53,68
- C. 47,328
- D. 59,06

Câu 17 Có ba tổ công nhân tham gia đắp đường. Tổ một và tổ hai đắp được tất cả 231,5 m, tổ hai và tổ ba đắp được tất cả 220,5 m, tổ một và tổ ba đắp được tất cả 268 m. Vậy tổ ba đắp được số mét đường là:

- A. 193,7 m
- B. 139,7 m
- C. 91,8 m
- D. 128,5 m

Câu 18 Một mũi khoan dầu dài 15,35 m được khoan xuống lòng đất. Ban đầu, người ta khoan xuống lòng đất với độ sâu là 5,67 m. Sau đó, người ta khoan tiếp 2,8 m nữa. Lúc này, độ dài của mũi khoan dầu còn trên mặt đất là:

- A. 8,47 m B. 6,88 m C. 8,74 m D. 8,66 m

Câu 19 Một cửa hàng buổi sáng bán được 42,74 kg gạo, buổi chiều cửa hàng đó bán được ít hơn buổi sáng 14,25 kg gạo. Biết mỗi yến gạo cửa hàng bán với giá 200 000 đồng. Vậy cả ngày hôm đó cửa hàng bán được số tiền là:

- A. 854 800 đồng B. 1 994 600 đồng
C. 1 642 400 đồng D. 1 424 600 đồng



Câu 20 Trong ba ngày, bác Hà bán được 55 kg muối. Ngày thứ nhất, bác bán được 15,5 kg muối. Ngày thứ hai bác bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 5,1 kg. Vậy ngày thứ ba bác Hà bán được số ki-lô-gam muối là:

- A. 19,4 kg B. 18,9 kg C. 20,1 kg D. 21 kg



Câu 21 Một người trung bình mỗi phút hít thở 15 lần, mỗi lần hít thở 0,55 lít không khí. Biết mỗi lít không khí nặng 1,3 g. Khối lượng không khí 10 người hít thở trong 1 giờ là:

- A. 6,435 kg B. 64,35 kg C. 643,5 kg D. 6 435 kg

Câu 22 Cho hai số thập phân, số lớn là tích của 7,6 và 4,4. Nếu dời dấu phẩy của cả hai số sang trái một chữ số, ta được hiệu mới của hai số là 0,38. Số bé là:

- A. 33,60 B. 29,46 C. 33,06 D. 29,64

Câu 23 Một cửa hàng nhập 1 tạ ngô về để bán. Trong ngày thứ nhất cửa hàng bán được 25,33 kg ngô, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 5,12 kg ngô, ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 4,73 kg ngô. Sau ba ngày bán, cửa hàng còn lại số ki-lô-gam ngô là:

- A. 15,5 kg ngô B. 17,5 kg ngô
C. 16,5 kg ngô D. 18,5 kg ngô





Câu 1 Thương của $224,7 : 14$ được đọc là:

- A. Một trăm linh sáu phẩy không năm B. Mười sáu phẩy không năm
C. Mười sáu phẩy năm trăm D. Mười sáu phẩy năm mươi

Câu 2 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $2,6 \times 3,7$ B. $34,23 : 4,2$ C. $3,94 \times 2,5$ D. $53,3 : 5,2$

Câu 3 Làm tròn kết quả của phép tính $14,832 : 1,2$ đến hàng phần mười ta được:

- A. 12,63 B. 12,3 C. 12,4 D. 12,36

Câu 4 Số chẵn liền sau của kết quả biểu thức $15 : 2,5 : 0,12$ là:

- A. 51 B. 48 C. 50 D. 52

Câu 5 Điền dấu thích hợp vào ô trống:

$65,25 : 5$? $2,7 \times 5$

- A. > B. < C. =

Câu 6 Số?

? $\times 2,1 = 32,27 + 2,8$

- A. 71,6 B. 16,7 C. 17,6 D. 61,7

Câu 7 Số liền trước của kết quả phép tính $126 : 4,2 : 3$ là:

- A. 12 B. 11 C. 9 D. 10

Câu 8 Số?

$55,44 : ? = 3,6 + 5,2$

- A. 4,8 B. 5,1 C. 5,4 D. 6,3

Câu 9 Trong phép chia có số chia là $238,1$ và thương là $2,3$, số bị chia là:

- A. 129,03 B. 123,09 C. 547,63 D. 574,36

Câu 10 Trung bình cộng của các số $17,3$; $29,8$ và $66,3$ là:

- A. 37,8 B. 38,7 C. 36,9 D. 39,1



Câu 11 Các số thích hợp điền vào ô trống theo thứ tự từ trái sang phải là:



- A. 8,8; 42,24; 70,4
B. 42,24; 8,8; 70,4
C. 8,8; 70,4; 42,24
D. 42,24; 70,4; 8,8

Câu 12 Từ năm thẻ: 1; 6; 9; 2; , lập tất cả các số thập phân có phần nguyên gồm ba chữ số. Thương của số thập phân lớn nhất vừa lập được và số lớn nhất có một chữ số là:

- A. 962,1
B. 106,9
C. 196
D. 109,6

Câu 13 Ngày thứ nhất cô Ngân bán được 36,8 kg cam. Số ki-lô-gam cam cô Ngân bán được ngày thứ hai bằng số ki-lô-gam cam của ngày thứ nhất giảm đi 1,6 lần và gấp 0,8 lần ngày thứ ba. Vậy số ki-lô-gam cam cô Ngân bán được trong cả ba ngày là:

- A. 88,55 kg
B. 55,88 kg
C. 78,2 kg
D. 72,8 kg

Câu 14 Cửa hàng nhà bác Hoa có 3 bao đường. Bao thứ nhất nặng 40,6 kg, bao thứ hai nặng hơn bao thứ nhất 12,2 kg. Bao thứ ba nặng bằng $\frac{2}{3}$ bao thứ hai. Vậy cả ba bao đường nặng số ki-lô-gam là:



- A. 88 kg
B. 35,2 kg
C. 52,8 kg
D. 128,6 kg

Câu 15 Hai số thập phân có hiệu là 3,7. Nếu dời dấu phẩy của hai số đó sang phải một chữ số, ta được tổng mới của hai số đó là 552,2. Hai số đó là:

- A. Số lớn: 36,7; Số bé: 18,5
B. Số lớn: 38,7; Số bé: 16,5
C. Số lớn: 29,46; Số bé: 25,76
D. Số lớn: 38,5; Số bé: 16,7

Câu 16 Một cửa hàng nhập về hai thùng dầu. Thùng thứ nhất chứa 25 l dầu và chứa nhiều hơn thùng thứ hai 10 l dầu. Cửa hàng chia nhỏ số lít dầu ở cả hai thùng đó vào các chai như nhau, mỗi chai chứa 800 ml dầu. Cửa hàng chia được tất cả số chai dầu là:

- A. 10 chai dầu
B. 50 chai dầu
C. 20 chai dầu
D. 100 chai dầu



Câu 17 Một cửa hàng có 40,8 tạ gạo. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được $\frac{1}{4}$ số gạo, ngày thứ hai cửa hàng bán được $\frac{3}{4}$ số gạo còn lại. Vậy cửa hàng còn lại số gạo là:



- A. 17,85 tạ B. 7,65 tạ C. 10,8 tạ D. 22,95 tạ

Câu 18 Dương có một tờ giấy hình chữ nhật với chiều rộng 2,6 cm và diện tích của tờ giấy đó bằng diện tích hình vuông cạnh 5,2 cm. Chiều dài của tờ giấy hình chữ nhật đó là:

- A. 18,9 cm B. 7,8 cm C. 27,04 cm D. 10,4 cm

Câu 19 Khu vườn hình chữ nhật của cô Oanh có chu vi bằng 31,2 m. Biết nếu chiều rộng của khu vườn tăng thêm 2,3 m thì diện tích của khu vườn tăng thêm 20,01 m². Chiều rộng khu vườn của cô Oanh là:



- A. 6,9 m B. 8,7 m C. 13,8 m D. 17,4 m

Câu 20 Cho hai số thập phân. Nếu lấy số thứ nhất nhân với 1,8 rồi chia cho 4,2 thì được số thứ hai. Biết số thứ hai là số thập phân lớn nhất có hai chữ số. Số thứ nhất là:

- A. 23,1 B. 4,24 C. 21,3 D. 4,42

Câu 21 Chị Mai pha 2 bình nước chanh, mỗi bình chứa 3,6 l nước chanh. Chị chia đều số nước chanh trong 2 bình này vào các cốc, mỗi cốc chứa 300 ml nước chanh. Nếu mỗi cốc chị Mai bán với giá 15 000 đồng thì số tiền chị Mai thu được là:

- A. 300 000 đồng B. 420 000 đồng
C. 360 000 đồng D. 450 000 đồng



Câu 22 Bác Quân có ba sợi dây, sợi dây thứ nhất dài 16,2 m, sợi dây thứ hai dài bằng $\frac{3}{5}$ sợi dây thứ nhất. Sợi dây thứ ba dài gấp 1,2 lần sợi dây thứ hai. Vậy trung bình mỗi sợi dây dài số mét là:

- A. 9,72 m B. 11,664 m C. 12,528 m D. 18,792 m

Tuần 11

NHÂN, CHIA SỐ THẬP PHÂN VỚI 10; 100; 1 000;...
HOẶC VỚI 0,1; 0,01; 0,001;...
LUYỆN TẬP CHUNG



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Tích của **45,32** và **100** là:

- A. 4,532 B. 45,32 C. 453,2 D. 4 532

Câu 2 Thương của **81,27** và **0,1** là:

- A. 8 127 B. 812,7 C. 81,27 D. 8,127

Câu 3 Số?  **54,4 dm 3 cm = ? cm** 

- A. 547 B. 54,7 C. 5,47 D. 0,547

Câu 4 Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

 **$3,007 \times 1\,000 : 0,1$? $370 \times 0,001 : 0,1$** 

- A. > B. < C. =

Câu 5 Số?  **$238,9 \times 0,01 = ? : 100$** 

- A. 2 389 B. 2,389 C. 23,89 D. 238,9

Câu 6 Làm tròn kết quả của phép tính **$184,58 : 5,5$** đến hàng phần mười là:

- A. 33,65 B. 33,56 C. 33,6 D. 33,5

Câu 7 Kết quả của phép tính **$25,89 \times 0,01 \times 10$** là:

- A. 0,2589 B. 2,589 C. 258,9 D. 2 589

Câu 8 Giá trị của biểu thức **$98,6 : 2 - 1,3 \times 9$** được đọc là:

- A. Ba mươi phẩy sáu bảy B. Ba mươi bảy phẩy sáu
C. Ba mươi phẩy bảy mươi sáu D. Ba mươi sáu phẩy bảy

Câu 9 Kết quả của phép tính **$2 : 0,01 - 199,9$** là:

- A. 0,1 B. 0,01 C. 0,001 D. 0,0001

Câu 10 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $78,4 : 10$ B. $77,4 : 10$ C. $717,6 : 100$ D. $7\,176,3 : 1\,000$

Câu 11 Số?

 $25,1 \text{ m} + 9,81 \text{ m} = \boxed{?} \text{ m} = \boxed{?} \text{ cm}$ 

- A. 34,91 và 3 491 B. 34,91 và 349,1
C. 34,91 và 349,1 D. 123,2 và 12 320

Câu 12 Biểu thức có giá trị bằng giá trị của biểu thức

$123,58 \times 456 + 123,58 \times 543 + 123,58$ là:

- A. $123,58 + (456 \times 543 \times 1)$ B. $123,58 \times (456 + 543 + 1) + 123,58$
C. $123,58 \times (456 + 543 + 1)$ D. $123,58 + (456 \times 543 \times 1) + 123,58$

Câu 13 Điền dấu thích hợp vào ô trống:

 $25,6 \times 40 \times 0,25 \boxed{?} 12,5 \times 8 \times 1,92$ 

- A. > B. < C. =

Câu 14 Một mảnh đất hình chữ nhật có tổng chiều dài và chiều rộng là 23,8 m. Chiều dài hơn chiều rộng 6,6 m. Vậy diện tích của mảnh đất đó là:



- A. $130,32 \text{ m}^2$ B. $130,72 \text{ m}^2$ C. $130,16 \text{ m}^2$ D. $132,12 \text{ m}^2$

Câu 15 Trong một phép chia hai số thập phân, số bị chia gấp 3,5 lần thương và gấp 4,15 lần số chia. Số bị chia là:

- A. 14,855 B. 14,775 C. 14,875 D. 14,525

Câu 16 Trong một phép trừ, biết tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 65,4. Số trừ lớn hơn hiệu là 4,3. Vậy số bị trừ và số trừ lần lượt của phép trừ đó là:

- A. 37,2 và 15,8 B. 18,5 và 14,2
C. 32,7 và 18,5 D. 15,8 và 12,4

Câu 17 Một câu lạc bộ từ thiện gây quỹ ủng hộ được 2,32 tấn gạo và ủng hộ cho 100 hộ gia đình bị thiệt hại nặng sau bão. Số hộ gia đình ở xóm 1 nhiều hơn xóm 2 là 26 hộ. Biết mỗi hộ gia đình nhận được số gạo như nhau. Vậy xóm 1 nhận được số ki-lô-gam gạo là:

- A. 885,4 kg B. 1 461,6 kg C. 858,4 kg D. 1 641,6 kg

Câu 18

Bác Định có ba thửa ruộng trồng khoai. Thửa ruộng thứ nhất bác thu hoạch được 22,75 tạ khoai. Thửa ruộng thứ hai bác thu hoạch được ít hơn thửa ruộng thứ nhất 5,3 tạ khoai và nhiều hơn thửa ruộng thứ ba 3,7 tạ khoai. Cả ba thửa ruộng của bác Định thu hoạch được tất cả số tạ khoai là:



- A. 40,2 tạ khoai B. 17,45 tạ khoai C. 13,75 tạ khoai D. 53,95 tạ khoai

Câu 19

Chú Quang có bốn sợi dây thừng. Sợi dây thừng thứ nhất dài 15,6 m và bằng $\frac{4}{5}$ sợi dây thừng thứ hai. Sợi dây thừng thứ ba dài gấp 1,2 lần sợi dây thứ hai, và dài gấp 2 lần sợi dây thừng thứ tư. Vậy trung bình mỗi sợi dây thừng dài số mét là:

- A. 17,55 m B. 19,5 m C. 23,4 m D. 11,7 m

Câu 20

Một kho bảo quản tại một cửa hàng chứa 58,5 tạ rau. Lần thứ nhất người ta lấy ra $\frac{1}{10}$ số rau trong kho để bán, lần thứ hai người ta lấy ra $\frac{1}{100}$ số rau còn lại trong kho. Lần thứ hai người ta lấy ra khỏi kho số ki-lô-gam rau là:



- A. 5,265 kg B. 5 850 kg C. 52,65 kg D. 5 365 kg

Câu 21

Có ba tổ công nhân tham gia đắp 38,2 m đường. Số mét đường của tổ một và tổ hai đắp được là 27,4 m, số mét đường của tổ hai và tổ ba đắp được là 25,5 m. Vậy tổ hai đắp được số mét đường là:

- A. 12,7 m B. 14,7 m C. 10,8 m D. 19,3 m

Câu 22

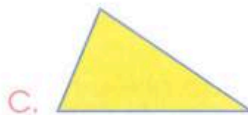
Một đội xe tải cần vận chuyển 47,6 tấn sắt. Lần thứ nhất, đội chở được $\frac{2}{7}$ số sắt đó, mỗi xe chở được 1,7 tấn sắt. Lần thứ hai, đội chở hết số sắt còn lại với số xe bằng một nửa số xe lần một. Vậy trung bình mỗi xe lần thứ hai chở được số tấn sắt là:



- A. 13,6 tấn B. 8 tấn C. 5,8 tấn D. 8,5 tấn



Câu 1 Trong các hình dưới đây, hình nào là hình tam giác vuông?



Câu 2 Trong các hình dưới đây, hình nào là hình thang?

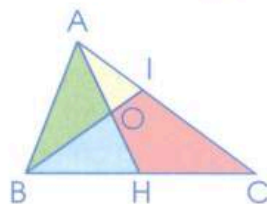


Câu 3 Hình tam giác có một góc tù được gọi là:

- A. Tam giác vuông B. Tam giác đều C. Tam giác tù D. Tam giác nhọn

Câu 4 Hình vẽ bên có số hình tam giác nhọn là:

- A. 7 B. 4
C. 5 D. 6

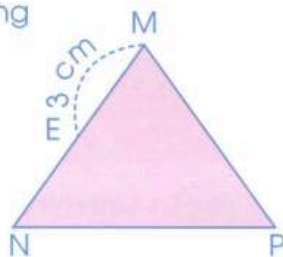


Câu 5 Đặc điểm nào sau đây nói về tam giác đều?

- A. Có hai cạnh không bằng nhau B. Có một góc lớn hơn 90°
C. Có ba góc bằng nhau D. Có một góc vuông

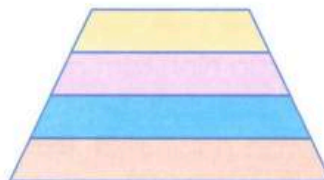
Câu 6 Hình tam giác MNP có các góc bằng nhau và đều bằng 60° . Biết E là trung điểm của cạnh MN, cạnh EM bằng 3 cm. Vậy chu vi của hình tam giác MNP là:

- A. 9 cm B. 24 cm C. 12 cm D. 18 cm



Câu 7 Hình vẽ bên có bao nhiêu hình thang?

- A. 11 B. 10
C. 12 D. 9

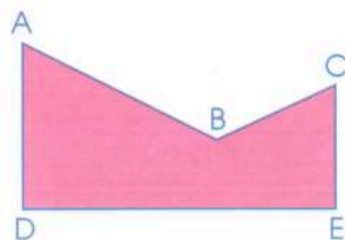


Câu 8 Tam giác ABC có chu vi bằng 36 m, trong đó độ dài cạnh AB bằng trung bình cộng độ dài của hai cạnh còn lại. Độ dài của cạnh AB là:

- A. 12 m B. 9 m C. 15 m D. 18 m

Câu 9 Vẽ thêm ít nhất mấy đoạn thẳng vào hình vẽ bên để được 2 hình thang và 2 hình tam giác?

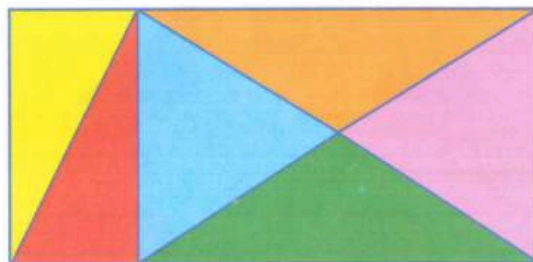
- A. 2 B. 1
C. 3 D. 4



Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi:

Câu 10 Hình bên có bao nhiêu hình thang vuông?

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6



Câu 11 Chọn đáp án đúng:

- A. Hình trên có 5 tam giác vuông.
B. Hình trên có 4 tam giác nhọn.
C. Hình trên có 2 tam giác tù.
D. Hình trên có 3 hình thang.

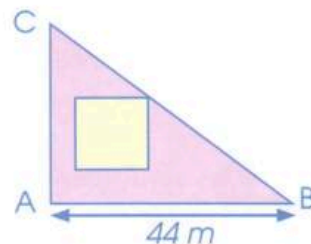
Câu 12 Khi tăng chiều cao của một tam giác lên 2 lần và giảm độ dài đáy đi một nửa, diện tích của tam giác đó sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Không đổi B. Tăng lên 4 lần C. Tăng lên 3 lần D. Giảm đi 2 lần

Câu 13 Một hình thang có diện tích là 180 m^2 và chiều cao là 32 m. Vậy trung bình độ dài hai đáy của hình thang đó là:

- A. 5,6 m B. 11,25 m C. 11,2 D. 5,625 m

Câu 14 Cho hình tam giác vuông ABC (như hình vẽ). Biết độ dài cạnh AC bằng $\frac{3}{4}$ độ dài cạnh AB và chu vi hình vuông bằng 48 m. Vậy diện tích còn lại của hình tam giác vuông đó là:



- A. 870 m^2 B. 582 m^2 C. 144 m^2 D. 726 m^2

Câu 15 Cho tam giác ABC vuông góc tại B. Cạnh AB bằng $\frac{2}{3}$ cạnh AC, cạnh BC bằng $\frac{4}{5}$ cạnh AC. Biết cạnh AB dài 10 dm. Diện tích của hình tam giác ABC là:

A. 70 dm^2 B. 60 dm^2 C. 65 dm^2 D. 75 dm^2 **Câu 16**

Một chiếc băng đô hình tam giác có trung bình cộng độ dài đáy và chiều cao tương ứng bằng 6 cm . Biết độ dài đáy hơn chiều cao là 2 cm . Vậy chiếc băng đô có diện tích là:

A. 35 cm^2 B. 17 cm^2 C. $17,5 \text{ cm}^2$ D. 20 cm^2 **Câu 17**

Một hình tam giác có độ dài cạnh đáy bằng $3,5 \text{ m}$. Nếu kéo dài cạnh đáy thêm $2,7 \text{ m}$ thì diện tích tam giác tăng thêm $5,265 \text{ m}^2$. Vậy diện tích hình tam giác đó là:

A. $6,825 \text{ m}^2$ B. $6,725 \text{ m}^2$ C. $6,625 \text{ m}^2$ D. $6,925 \text{ m}^2$ **Câu 18**

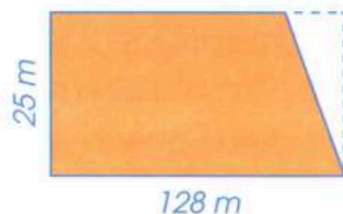
Một lá cờ lưu niệm dạng hình tam giác có tổng độ dài cạnh đáy và chiều cao tương ứng bằng 36 cm . Cạnh đáy hơn chiều cao 12 cm . Diện tích của lá cờ đó là:

A. 144 cm^2 B. 288 cm^2 C. 198 cm^2 D. 204 cm^2 **Câu 19**

Một miếng bìa hình tam giác có diện tích gấp 4 lần diện tích hình vuông cạnh 20 cm . Biết chiều cao tương ứng với cạnh đáy là $0,8 \text{ m}$. Vậy độ dài cạnh đáy của miếng giấy đó là:

A. 30 cm B. 40 cm C. 50 cm D. 60 cm **Câu 20**

Cô Trang trồng hoa trên một thửa ruộng hình thang vuông có kích thước như hình vẽ. Nếu giữ nguyên đáy lớn và mở rộng thửa ruộng thành hình chữ nhật thì diện tích thửa ruộng tăng thêm 500 m^2 . Thửa ruộng có độ dài đáy bé là:

A. 75 m B. 88 m C. 93 m D. 112 m **Câu 21**

Một hình tam giác có diện tích bằng $\frac{2}{3}$ diện tích hình thang có tổng độ dài hai đáy là $50,9 \text{ cm}$ và chiều cao là 30 cm . Biết cạnh đáy hình tam giác dài 40 cm . Khi tăng cạnh đáy thêm 7 cm thì diện tích tam giác tăng thêm số xăng-ti-mét vuông là:

A. $88,58 \text{ cm}^2$ B. $23,5 \text{ cm}^2$ C. $89,075 \text{ cm}^2$ D. $54,2 \text{ cm}^2$



Câu 1 Trong một hình thang có nhiều nhất bao nhiêu góc tù?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

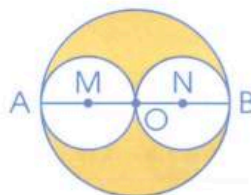


Câu 2 Bạn Nam nói: "Trong một hình tròn có duy nhất một đường kính". Bạn Nam nói đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Câu 3 Cho hình tròn tâm O đường kính AB bằng 16 cm. Người ta vẽ hai đường tròn có tâm M và N (như hình vẽ). Độ dài MN là:

- A. 10 cm B. 16 cm C. 4 cm D. 8 cm



Câu 4 Cho một hình thang. Nếu chiều cao của hình thang đó tăng lên 3 lần thì diện tích hình thang sẽ thay đổi như thế nào?

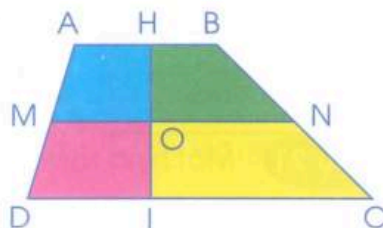
- A. Tăng lên 3 lần B. Tăng lên 9 lần
C. Giảm đi 3 lần D. Không thay đổi

Câu 5 Chọn đáp án đúng:

- A. Hình thang có 3 góc vuông là hình thang vuông
B. Hình thang có hai cạnh bên song song với nhau
C. Hình thang có hai cạnh đối song song với nhau
D. Hình thang có hai cạnh bên cùng vuông góc với một đáy là hình thang vuông

Câu 6 Hình vẽ bên có bao nhiêu hình thang vuông?

- A. 4 B. 6
C. 5 D. 7



Câu 7 Hình thang vuông là:

- A. Hình thang có hai cạnh bên vuông góc với hai đáy
B. Hình thang có hai đáy vuông góc với nhau
C. Hình thang có hai cạnh bên vuông góc với nhau
D. Hình thang có một cạnh bên vuông góc với hai đáy



Câu 8 Sáng nay, Quang đi bộ tập thể dục quanh một hồ nước có bán kính 50 m. Biết mỗi bước chân của Quang dài 50 cm. Khi đi hết một vòng quanh hồ thì Quang đã đi số bước chân là:

- A. 705 bước chân B. 652 bước chân
C. 628 bước chân D. 675 bước chân

Câu 9 Cho hai hình tròn có tổng bán kính bằng 16 cm. Hình tròn bé có bán kính nhỏ hơn hình tròn lớn là 4 cm. Vậy chu vi của hình tròn bé và hình tròn lớn lần lượt là:

- A. 62,8 cm và 37,68 cm B. 37,68 cm và 68,2 cm
C. 68,37 cm và 62,8 cm D. 37,68 cm và 62,8 cm

Câu 10 Một mảnh đất hình thang có độ dài đáy lớn là 18 m, chiều cao là 10 m. Độ dài đáy bé bằng trung bình cộng chiều cao và độ dài đáy lớn. Nếu kéo dài mỗi cạnh đáy thêm 4 m thì diện tích thửa ruộng là:



- A. 220 m² B. 180 m² C. 200 m² D. 160 m²

Câu 11 Một chiếc xe đạp dùng để làm xiếc có đường kính bánh sau gấp 2,5 lần đường kính bánh trước. Khi bánh sau lăn được 50 vòng thì bánh trước lăn được số vòng là:

- A. 120 vòng B. 215 vòng C. 20 vòng D. 125 vòng

Câu 12 Một thửa ruộng hình thang có độ dài đáy lớn bằng $\frac{5}{3}$ độ dài đáy bé, và gấp 4 lần chiều cao. Biết độ dài đáy lớn hình thang là 16 m. Để làm sạch cỏ trên thửa ruộng, bác Đạt cần $\frac{1}{4}$ giờ cho mỗi mét vuông đất. Vậy để làm sạch cỏ trên cả thửa ruộng, bác Đạt cần số giờ là:

- A. 12,8 giờ B. 18,2 giờ C. 10,8 giờ D. 11,8 giờ

Câu 13 Một tấm kính dạng hình thang vuông có độ dài đáy lớn là 54 m, độ dài đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn và bằng $\frac{3}{2}$ chiều cao. Diện tích tấm kính đó là:



- A. 1 080 m² B. 2 160 m² C. 543 m² D. 783 m²

Câu 14 Cho hình tròn nhỏ có bán kính bằng $\frac{1}{4}$ bán kính hình tròn lớn. Chu vi hình tròn lớn gấp số lần chu vi tròn nhỏ là:

- A. 2 lần B. 4 lần C. 8 lần D. 16 lần

Câu 15 Một hình thang có chiều cao 35 cm, độ dài đáy lớn hơn đáy bé 6 cm. Biết diện tích hình thang bằng diện tích hình chữ nhật có chiều dài 25 cm và chiều rộng bằng 14 cm. Vậy độ dài đáy lớn của hình thang là:

- A. 6 cm B. 13 cm C. 7 cm D. 8 cm

Câu 16 Một thửa ruộng hình thang có chiều cao là 60 m. Biết rằng độ dài đáy lớn hơn đáy bé 30 m và gấp đôi chiều cao. Vậy diện tích của thửa ruộng hình thang đó là:

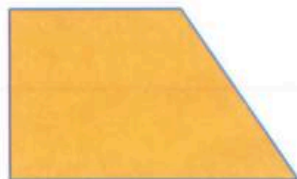


- A. 0,63 ha B. 63 ha C. 630 ha D. 6 300 ha

Câu 17 Một mảnh vườn hình thang có chiều cao bằng 24 m, độ dài đáy bé bằng 18,5 m và kém đáy lớn 8 m. Người ta dự định dùng $\frac{1}{4}$ diện tích đất để trồng vải, diện tích còn lại dùng để trồng nhãn. Diện tích đất trồng nhãn là:

- A. 135 m² B. 405 m² C. 540 m² D. 850,5 m²

Câu 18 Cho một hình thang vuông có đáy bé bằng 5,16 cm và chiều cao bằng 10 cm. Nếu thu hẹp hình thang thành hình vuông mà vẫn giữ nguyên đáy bé thì diện tích giảm đi 40 cm². Vậy diện tích hình thang ban đầu là:



- A. 58,6 cm² B. 56,8 cm² C. 91,6 cm² D. 65,8 cm²

Câu 19 Chú Dũng trồng hoa trên một thửa ruộng hình thang vuông có độ dài đáy lớn 60 m và chiều cao 30 m. Nếu mở rộng thửa ruộng thành mảnh đất hình chữ nhật mà vẫn giữ nguyên đáy lớn thì diện tích thửa ruộng đó tăng thêm 600 m². Cứ mỗi héc-ta hoa bán được 140 000 000 đồng. Vậy chú Dũng bán được số tiền hoa trên thửa ruộng đó là:

- A. 16 800 000 đồng B. 21 000 000 đồng
C. 29 400 000 đồng D. 28 000 000 đồng



Câu 1 Từ bốn hình tam giác đều không thể xếp thành hình nào dưới đây?

- A. Hình chữ nhật B. Hình vuông C. Hình tròn D. Hình tam giác

Câu 2 Bạn Bình nói: “Đường kính là đoạn thẳng dài nhất nối hai điểm nằm trên đường tròn”. Bạn Bình nói đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Câu 3 Một bánh xe đạp có bán kính 32 cm. Khi bánh xe lăn trên đường 100 vòng thì sẽ đi được quãng đường dài là:

- A. 2,96 m B. 20,96 m C. 200,96 m D. 2 000,96 m

Câu 4 Để tạo thành hình thoi thì cần ít nhất bao nhiêu tam giác đều?

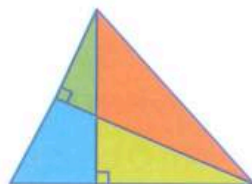
- A. 8 hình B. 6 hình C. 4 hình D. 2 hình

Câu 5 Trong một hình tròn, độ dài đường kính gấp bao nhiêu lần độ dài bán kính?

- A. 4 lần B. 3 lần C. 2 lần D. 1 lần

Câu 6 Hình vẽ bên có số tam giác vuông là:

- A. 3 B. 5
C. 4 D. 6



Câu 7 Nếu chu vi của hình tròn gấp đôi thì diện tích của hình tròn sẽ:

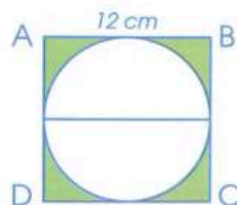
- A. Gấp đôi B. Gấp lên 4 lần
C. Không thay đổi D. Giảm đi một nửa

Câu 8 Một hình tròn lớn có chu vi gấp đôi chu vi của hình tròn nhỏ có bán kính 4 cm. Vậy chu vi của hình tròn lớn là:

- A. 52,12 cm B. 50,24 cm C. 22,25 cm D. 50,42 cm

Câu 9 Diện tích phần đã tô màu của hình vuông ABCD là:

- A. $30,96 \text{ cm}^2$ B. 144 cm^2
C. $113,04 \text{ cm}^2$ D. $156,8 \text{ cm}^2$

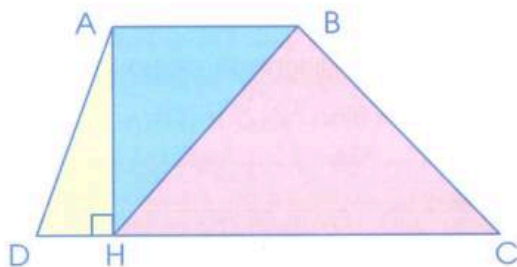


Câu 10 Diện tích của một hình tròn tăng gấp 9 lần khi:

- A. Bán kính của hình tròn tăng gấp 18 lần.
- B. Chu vi của hình tròn tăng gấp 9 lần.
- C. Bán kính của hình tròn tăng gấp 9 lần.
- D. Chu vi của hình tròn tăng gấp 3 lần.

Câu 11 Hình bên có:

- A. 3 tam giác vuông
- B. 1 tam giác vuông
- C. 2 hình thang vuông
- D. 1 hình thang vuông



Câu 12 Muốn cắt, dán một hình khối có các mặt đều là hình vuông bằng nhau (như hình bên) thì cần số mảnh giấy hình vuông là:

- A. 6
- B. 8
- C. 10
- D. 12

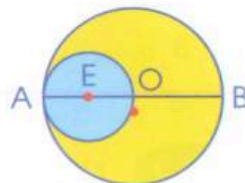


Câu 13 Một máy kéo có bán kính bánh xe lớn bằng 2 lần bán kính bánh xe bé. Vậy khi bánh xe bé lăn được 50 vòng thì bánh xe lớn lăn được số vòng là:

- A. 10 vòng
- B. 15 vòng
- C. 25 vòng
- D. 30 vòng

Câu 14 Cho hình tròn tâm E có đường kính AO và hình tròn tâm O có đường kính AB. Diện tích hình tròn lớn gấp diện tích hình tròn bé số lần là:

- A. 1 lần
- B. 2 lần
- C. 3 lần
- D. 4 lần

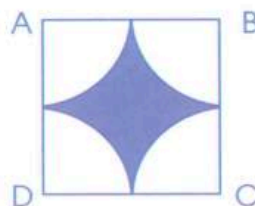


Câu 15 Một bảng quảng cáo dạng hình tròn có đường kính 100 cm. Người ta sơn hai mặt tấm bảng với giá mỗi mét vuông 100 000 đồng. Để sơn hết tấm bảng đó thì cần số tiền là:

- A. 314 000 đồng
- B. 157 000 đồng
- C. 310 000 đồng
- D. 620 000 đồng

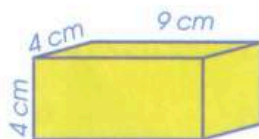
Câu 16 Cho hình vuông ABCD có cạnh 6 cm. Diện tích phần tô đậm là:

- A. 113,04 cm²
- B. 36 cm²
- C. 7,74 cm²
- D. 21,87 cm²



Câu 17 Bạn Hoa muốn xếp các hình vuông và hình chữ nhật thành một hình khối như hình bên. Bạn cần số hình vuông và số hình chữ nhật là:

- A. 2 hình vuông; 6 hình chữ nhật
- B. 4 hình vuông; 2 hình chữ nhật
- C. 2 hình vuông; 4 hình chữ nhật
- D. 5 hình chữ nhật; 2 hình vuông



Câu 18 Hải đi bộ một vòng xung quanh một cái hồ hình tròn có đường kính 120 m. Biết mỗi bước chân của Hải dài 4 dm và Hải đi bộ sát mép hồ. Vậy để đi hết vòng hồ đó Hải cần đi hết số bước chân là:

- A. 471 bước
- B. 924 bước
- C. 942 bước
- D. 1 884 bước

Câu 19 Chị Linh làm một chiếc bánh sinh nhật hai tầng có đáy dạng hình tròn. Biết bán kính đáy của tầng bánh thứ hai bằng $\frac{1}{2}$ bán kính đáy của tầng bánh thứ nhất. Vậy diện tích đáy của tầng bánh thứ nhất gấp số lần diện tích đáy của tầng bánh thứ hai là:



- A. 2 lần
- B. 4 lần
- C. 8 lần
- D. 6 lần

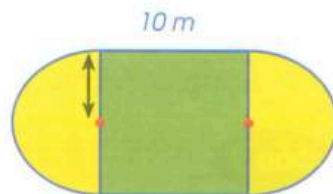
Câu 20 Di Bẫy xây một bồn hoa hình tròn bán kính 2 m ở giữa mảnh đất hình tam giác có độ dài đáy 35 m, chiều cao tương ứng 20 m. Phần đất còn lại di dùng để trồng rau. Cứ 1 m² đất di thu được 2 kg rau và mỗi ki-lô-gam rau bán với giá 11 000 đồng. Số tiền di Bẫy thu được nếu bán toàn bộ số rau trong mảnh đất đó là:

- A. 6 590 580 đồng
- B. 7 051 240 đồng
- C. 6 876 210 đồng
- D. 7 423 680 đồng

Câu 21 Bác Dũng đào một cái ao dạng nửa hình tròn có bán kính 6 m để nuôi cá. Bác muốn quây lưới xung quanh cái ao đó. Bác Dũng cần số mét lưới để quây ao cá là:

- A. 18,84 m
- B. 30,84 m
- C. 24,84 m
- D. 49,68 m

Câu 22 Sân vận động gần nhà Huy được xây dựng trên một mảnh đất tạo bởi hình vuông và hai nửa hình tròn có kích thước như hình bên. Vậy diện tích của mảnh đất đó là:



- A. 178,5 m²
- B. 139,25 m²
- C. 188,5 m²
- D. 257 m²



Câu 1 Số thập phân **“Chín trăm linh hai phẩy ba trăm năm mươi tám”** được viết là:

- A. 920,385 B. 902,358 C. 902,583 D. 920,380

Câu 2 Trong một hình tam giác có nhiều nhất số đường cao là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



Câu 3 Số?  $3 \text{ dm}^2 58 \text{ cm}^2 = ? \text{ dm}^2$ 

- A. 358 B. 35,8 C. 0,358 D. 3,58

Câu 4 Tam giác vuông là:

- A. Tam giác có 3 cạnh bằng nhau B. Tam giác có 1 góc vuông
C. Tam giác có 1 góc bằng 60° D. Tam giác có 1 góc tù

Câu 5 Trong số thập phân **43,165**; giá trị của chữ số **6** gấp giá trị chữ số **3** số lần là:

- A. $\frac{1}{500}$ B. $\frac{1}{50}$ C. 50 D. 500

Câu 6 Trong các số thập phân dưới đây, số thập phân lớn nhất là:

- A. 4 715,932 B. 4 715,923 C. 4 715,392 D. 4 715,329

Câu 7 Cho một số thập phân. Biết phần nguyên của số đó là số liền trước của số lớn nhất có một chữ số, phần thập phân là số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau. Làm tròn số thập phân đó đến hàng phần mười ta được:

- A. 8,1 B. 8,11 C. 8,2 D. 8,99

Câu 8 Cho các thẻ số $25,86$ $28,62$ $25,68$ $28,26$. Thẻ số nhỏ nhất có giá trị chữ số 8 thuộc hàng:

- A. Hàng đơn vị B. Hàng phần trăm
C. Hàng phần mười D. Hàng phần nghìn



Câu 9 Số?  $5 \text{ 126,754} < 5 \text{ 126,75} ? < 5 \text{ 126,756}$ 

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

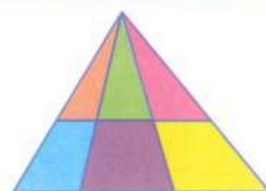
Câu 10 Trong hình bên có bao nhiêu tam giác tù?

A. 3

B. 5

C. 4

D. 6



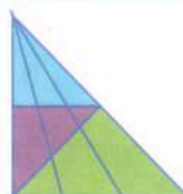
Câu 11 Hình vẽ bên có bao nhiêu hình thang vuông?

A. 2

B. 4

C. 3

D. 5



Câu 12 Hương cùng mẹ đi siêu thị mua trái cây về chuẩn bị cho Tết Trung thu. Mẹ mua 2,2 kg bưởi, 1 kg 800 g cam, 2 kg 400 g dưa hấu, 1,3 kg nho. Vậy loại trái cây Hương và mẹ mua ít nhất là:



A. Nho

B. Bưởi

C. Dưa hấu

D. Cam

Câu 13 Trong các cách đọc số thập phân dưới đây, số thập phân nhỏ nhất là:

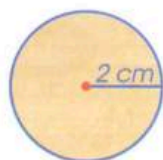
A. Hai trăm tám mươi ba phẩy không trăm linh một.

B. Hai trăm ba mươi tám phẩy một trăm linh một.

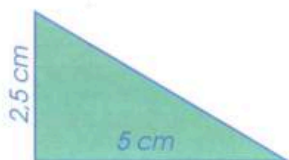
C. Hai trăm ba mươi tám phẩy không trăm linh một.

D. Hai trăm tám mươi ba phẩy một trăm linh một.

Câu 14 Sắp xếp các hình dưới đây theo thứ tự diện tích từ lớn đến bé.



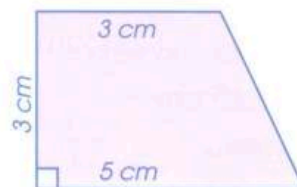
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1, hình 2, hình 3, hình 4.

B. Hình 2, hình 3, hình 4, hình 1.

C. Hình 3, hình 4, hình 2, hình 1.

D. Hình 3, hình 1, hình 4, hình 2.

Câu 15 Nếu chiều cao của một hình thang gấp lên 3 lần thì chu vi của hình thang đó sẽ:

A. Giữ nguyên.

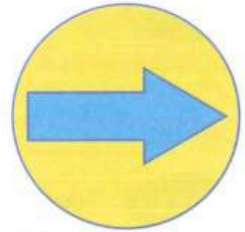
B. Tăng lên.

C. Giảm đi.

D. Giảm đi.

Câu 16

Một biển báo giao thông dạng hình tròn có đường kính 40 cm. Diện tích phần mũi tên trên biển báo bằng $\frac{1}{5}$ diện tích của biển báo. Diện tích phần mũi tên là:



- A. 1 256 cm² B. 251,2 cm² C. 1 265 cm² D. 352,1 cm²

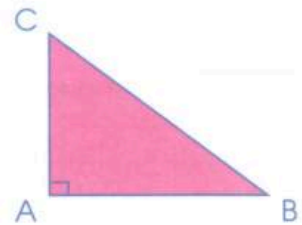
Câu 17

Một hình thang có chiều cao 75 cm và lớn hơn độ dài đáy bé 3 cm. Biết diện tích hình thang bằng diện tích hình chữ nhật có chiều dài 135 cm chiều rộng 50 cm. Độ dài đáy lớn, đáy bé của hình thang là:

- A. Đáy lớn 54 cm; đáy bé 36 cm B. Đáy lớn 90 cm; đáy bé 60 cm
C. Đáy lớn 72 cm; đáy bé 48 cm D. Đáy lớn 108 cm; đáy bé 72 cm

Câu 18

Cho tam giác ABC vuông (như hình vẽ). Cạnh AB bằng $\frac{4}{3}$ cạnh AC, cạnh BC bằng $\frac{5}{3}$ cạnh AC. Biết cạnh BC dài 37,5 cm. Diện tích hình tam giác ABC là:



- A. 357,5 cm² B. 337,5 cm² C. 347,5 cm² D. 367,5 cm²

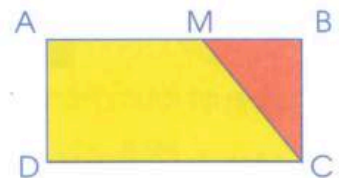
Câu 19

Một hình chữ nhật có diện tích 630 cm² và diện tích này bằng $\frac{7}{10}$ diện tích hình tam giác. Biết chiều cao tương ứng là 2,4 dm, độ dài cạnh đáy hình tam giác là:

- A. 65 cm B. 75 cm C. 70 cm D. 60 cm

Câu 20

Cho hình chữ nhật ABCD có AB = 24,4 cm; BC = 11 cm. Điểm M nằm trên cạnh AB sao cho $AM = \frac{3}{5} AB$. Diện tích hình thang AMCD là:



- A. 214,72 cm² B. 214 cm² C. 212,72 cm² D. 212 cm²

Câu 21

Một khu đất dạng hình tam giác có độ dài cạnh đáy bằng 12 m, chiều cao bằng 16 m. Người ta xây một bể hình tròn có bán kính 1 m để dựng tượng đài và dùng $\frac{1}{4}$ diện tích còn lại để trồng hoa. Vậy diện tích phần đất trồng hoa là:

- A. 22,315 m² B. 98,62 m² C. 23,215 m² D. 92,86 m²



Câu 1 Trong số thập phân **94,218**, chữ số thuộc hàng phần nghìn là:

- A. 9 B. 4 C. 2 D. 8

Câu 2 Nối hai phép tính có cùng kết quả.

$9,5 \times 2$

$4,4 \times 2$

$10,6 + 5,6$

$9,86 : 3,4$

$12,6 - 9,7$

$3,6 \times 4,5$

$17,6 : 2$

$3,8 \times 5$

Câu 3 Làm tròn số thập phân **561,028** đến hàng phần trăm ta được:

- A. Năm trăm sáu mươi mốt phẩy hai mươi tám.
B. Năm trăm sáu mươi mốt phẩy không hai.
C. Năm trăm sáu mươi mốt phẩy không trăm hai mươi tám.
D. Năm trăm sáu mươi mốt phẩy không hai.

Câu 4 Số?

$75 \text{ dm } 55 \text{ mm} = ? \text{ m}$

- A. 7,055 B. 7,505 C. 7,555 m D. 0,755

Câu 5 Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

$(8,2 + 0,8) \times 0,1$? $(12,75 - 1,75) \times 0,01$

- A. > B. < C. =

Câu 6 Số?

$? \times 0,001 = 90,2 - 52,35 + 1,8$

- A. 36 650 B. 37 650 C. 38 650 D. 39 650

Câu 7 Số thập phân bé nhất viết bởi 4 chữ số 0; 1; 5; 7 mà phần thập phân có hai chữ số là:

- A. 01,57 B. 15,07 C. 10,57 D. 75,01

Câu 8 Làm tròn kết quả của phép tính **72,591 + 11,12** đến hàng phần mười ta được:

A. 83,72

B. 83,8

C. 83,711

D. 83,7

Câu 9 Số?

$$8,718 > 8,7 \boxed{?} 8$$



A. 0

B. 3

C. 5

D. 9

Câu 10 Trong kết quả của biểu thức $5,42 \times 1,4 - 2,19$, giá trị của số 9 là:

A. 900

B. $\frac{9}{100}$

C. 90

D. $\frac{9}{10}$ **Câu 11** Từ năm thẻ số $\boxed{9}$; $\boxed{5}$; $\boxed{0}$; $\boxed{7}$; $\boxed{}$, có thể lập được bao nhiêu số thập phân bé hơn 1 mà phần thập phân có ba chữ số?

A. 4 số

B. 6 số

C. 8 số

D. 10 số

Câu 12 Cho ba số thập phân có tổng là 82,2. Tổng của số thứ nhất và số thứ hai là 63,15. Số thứ ba kém số thứ nhất là 7,85. Số thứ hai là:

A. 19,05

B. 26,9

C. 63,15

D. 36,25

Câu 13 Cho hai số thập phân có hiệu bằng 15,8. Biết nếu lấy số lớn cộng với số thứ hai và cộng với tổng của chúng thì được 77,2. Vậy số lớn và số bé lần lượt là:

A. 22,7 và 11,4

B. 26,4 và 22,1

C. 27,2 và 11,4

D. 24,6 và 22,1

Câu 14 Khu vườn nhà bác Dũng dạng hình chữ nhật có chiều dài 3,6 km, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Bác dùng $\frac{1}{3}$ diện tích khu vườn để trồng cây ăn quả. Vậy diện tích trồng cây ăn quả nhà bác Dũng là:A. 259,2 km²

B. 777,6 ha

C. 259,2 ha

D. 777,6 km²**Câu 15** Một cửa hàng có một số tạ đường. Ngày thứ nhất, cửa hàng bán 9,5 tạ đường, số đường còn lại của hàng chia đều vào 18 bao. Ngày thứ hai, cửa hàng bán 12 bao và còn lại 3,12 tạ đường. Vậy ban đầu cửa hàng có số tạ đường là:

A. 19,86 tạ

B. 20,5 tạ

C. 17,66 tạ

D. 18,86 tạ

Câu 16 Từ các thẻ số $\boxed{5}$; $\boxed{6}$; $\boxed{7}$; $\boxed{8}$; $\boxed{}$, ta viết được tất cả các số thập phân mà phần thập phân có ba chữ số là:

- A. 22 số B. 23 số C. 24 số D. 25 số

Câu 17 Khi cộng và trừ một số tự nhiên với một số thập phân mà phần nguyên có hai chữ số, một học sinh đã quên dấu phẩy của số thập phân và tiến hành phép tính như cộng và trừ hai số tự nhiên nên được kết quả lần lượt là 183 và 93. Hai số đó là:

- A. 13,8 và 45 B. 12,8 và 45 C. 12,8 và 55 D. 13,8 và 55

Câu 18 Bác Tú dùng 500 viên gạch hình vuông để lát hết một nền nhà hình chữ nhật. Biết diện tích mỗi viên gạch là $0,25 \text{ m}^2$ và chiều rộng của nền nhà là 10 m. Chu vi của nền nhà bác Tú đã lát là:

- A. 45 m B. 22,5 m
C. 54 m D. 25,2 m



Câu 19 Một xưởng sản xuất mua 6 320 kg cá cơm và cá chỉ vàng tươi để phơi khô đem bán. Số cá chỉ vàng nhiều hơn số cá cơm là 250 kg. Biết cứ 4 kg cá chỉ vàng tươi thì thu được 1 kg cá chỉ vàng khô. Vậy số cá chỉ vàng khô mà xưởng đó thu được sau khi phơi khô là:

- A. 8,2125 tạ B. 7,5875 kg C. 7,5875 tạ D. 8,2125 kg

Câu 20 Trong một kho chứa dầu, thùng thứ nhất chứa 11,6 l và ít hơn thùng thứ hai 4,6 l dầu. Thùng thứ ba chứa nhiều hơn trung bình cộng số lít dầu của thùng thứ nhất và thùng thứ hai là 2,05 l dầu. Vậy thùng thứ ba chứa số lít dầu là:

- A. 16,2 l B. 15,95 l C. 11,75 l D. 13,8 l



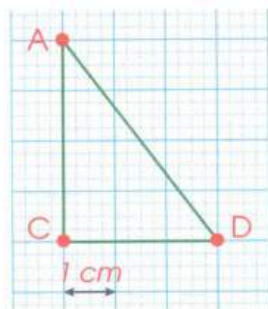
Câu 21 Nhà bác Quỳnh có hai kho gạo. Biết rằng số gạo ở kho thứ nhất nhiều hơn số gạo ở kho thứ hai là 15,8 tạ. Nếu lấy số gạo ở kho thứ nhất cộng với số gạo ở kho thứ hai và cộng với số gạo ở cả hai kho thì được 78,8 tạ. Vậy số gạo ở kho thứ nhất và kho thứ hai lần lượt là:

- A. 26,7 tạ và 11,8 tạ B. 27,6 tạ và 11,8 tạ
C. 18,1 tạ và 26,7 tạ D. 11,8 tạ và 27,6 tạ



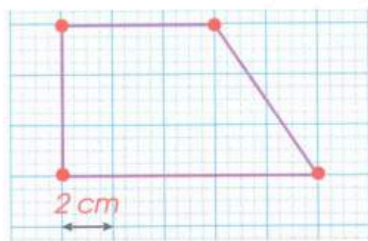
Câu 1 Diện tích tam giác trong hình bên là:

- A. 6 cm^2 B. 12 cm^2
C. 8 cm^2 D. 16 cm^2



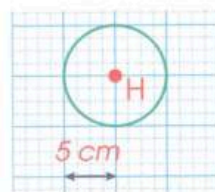
Câu 2 Diện tích hình thang trong hình bên là:

- A. 16 cm^2
B. 48 cm^2
C. 52 cm^2
D. 60 cm^2



Câu 3 Chu vi hình tròn trong hình bên là:

- A. 15,7 cm
B. 31,4 cm
C. 47,1 cm
D. 78,5 cm



Câu 4 Nếu tăng chiều cao của một tam giác lên 2 lần và giảm độ dài đáy của tam giác đó đi 4 lần, diện tích của tam giác đó sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Giảm đi 2 lần B. Giảm đi 4 lần
C. Tăng lên 3 lần D. Tăng lên 2 lần

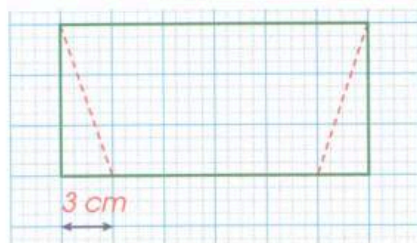


Câu 5 Một hình chữ nhật có chu vi là 220 cm. Chiều dài hơn chiều rộng là 4 dm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

- A. $2\,625 \text{ dm}^2$ B. $26,25 \text{ dm}^2$ C. $26,25 \text{ cm}^2$ D. $2\,652 \text{ cm}^2$

Câu 6 Minh vẽ một hình chữ nhật như hình bên, sau đó Minh đã cắt đi hai phần hình tam giác (như hình vẽ) để tạo thành một hình thang. Diện tích của phần hình bị cắt đi là:

- A. $1,5 \text{ cm}^2$ B. 3 cm^2 C. $13,5 \text{ cm}^2$ D. 27 cm^2



Câu 7 Trong hình bên có số hình tam giác nhọn là:

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8



Câu 8 Nếu đường kính của một hình tròn gấp lên 4 lần thì diện tích của hình tròn đó sẽ:

- A. Gấp lên 16 lần
- B. Gấp lên 4 lần
- C. Giảm đi 16 lần
- D. Giảm đi 4 lần

Câu 9 Một khu dân cư hình chữ nhật có diện tích bằng 1,2 ha và chiều rộng bằng 75 m. Người ta dự định làm hàng rào xung quanh khu dân cư và để lại 5 m để làm cổng ra vào. Vậy số mét làm hàng rào của khu dân cư đó là:

- A. 935 m
- B. 940 m
- C. 465 m
- D. 470 m

Câu 10 Hằng ngày, Hiền đạp xe từ nhà đến trường. Biết bánh xe đạp có bán kính bằng 30 cm và để đi hết quãng đường từ nhà đến trường, bánh xe phải lăn 800 vòng. Hôm nay, Hiền đi được 413 m thì dừng lại mua đồ ăn sáng. Vậy Hiền còn phải đạp số mét nữa để đến trường là:

- A. 1 049,2 m
- B. 1 094,2 m
- C. 1 507,2 m
- D. 1 705,2 m

Câu 11 Bác Tâm dùng sợi dây dài 42,4 m để uốn thành một cái khung hình tròn, biết sau khi bác Tâm uốn xong thì sợi dây còn lại 11 m. Vậy bác Tâm uốn được khung hình tròn có đường kính là:

- A. 60 m
- B. 20 m
- C. 10 m
- D. 1 m

Câu 12 Người ta sử dụng những viên gạch hình chữ nhật có chiều dài 40 cm và dài hơn chiều rộng 10 cm để lát một mặt sàn có diện tích 10,8 m². Số viên gạch cần dùng để lát hết mặt sàn đó là:

- A. 70 viên
- B. 80 viên
- C. 90 viên
- D. 100 viên



Câu 13 Một sợi dây thừng quấn quanh một gốc cây đúng 5 vòng. Mỗi vòng có dạng đường tròn với bán kính 3 dm. Phần dây không quấn vào thân cây dài 1,8 m. Sợi dây thừng đó dài số mét là:

- A. 12,56 m
- B. 37,68 m
- C. 15,82 m
- D. 11,22 m

Câu 14 Trước sân làng, người ta đào một cái giếng có miệng giếng dạng hình tròn với đường kính bằng 4 m. Xung quanh miệng giếng người ta xây thành giếng rộng 100 cm. Diện tích của thành giếng là:

- A. $26,28 \text{ m}^2$ B. $12,56 \text{ m}^2$ C. $3,14 \text{ m}^2$ D. $15,7 \text{ m}^2$

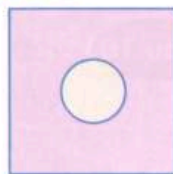
Câu 15 Một miếng đất hình thang vuông có đáy lớn hơn đáy bé 5 m, được chia làm hai phần: một hình chữ nhật và một hình tam giác. Biết chu vi hình chữ nhật là 56 m và diện tích hình tam giác là 23 m^2 . Vậy diện tích miếng đất đó là:

- A. $195,96 \text{ m}^2$ B. $109,48 \text{ m}^2$ C. $54,74 \text{ m}^2$ D. $65,32 \text{ m}^2$

Câu 16 Huyền dán liền nhau 110 con tem hình chữ nhật lên một tấm bìa hình vuông cạnh dài 0,3 m, biết mỗi con tem có chiều dài 3 cm, chiều rộng 2 cm. Diện tích phần bìa Huyền không dán tem là:

- A. 240 cm^2 B. 300 cm^2 C. 320 cm^2 D. 350 cm^2

Câu 17 Cho hình vuông có cạnh là 9 cm, đường kính hình tròn 4 cm (như hình bên). Vậy diện tích phần tô màu của hình bên là:



- A. 81 cm^2 B. $68,44 \text{ cm}^2$ C. $63,44 \text{ cm}^2$ D. $48,44 \text{ cm}^2$

Câu 18 Vườn vải nhà bác Tiến có diện tích 2 km^2 . Trong đợt bón phân vừa rồi, bác Tiến tính cứ mỗi gốc vải bón hết 200 g phân lân. Biết cứ 10 m^2 thì trồng được một gốc vải. Vườn vải nhà bác Tiến bón hết số tấn phân lân là:

- A. 2 tấn B. 4 tấn C. 20 tấn D. 40 tấn

Câu 19 Trong một khu dân cư, người ta dùng một nửa diện tích đất để làm đường đi và các công trình công cộng, nửa diện tích đất còn lại được chia đều thành 1 000 mảnh đất hình chữ nhật. Biết mỗi mảnh đất đó có chiều rộng 10 m, chiều dài 25 m. Diện tích khu dân cư đó là:

- A. 50 ha B. 5 km^2 C. 5 m^2 D. 5 ha

Câu 20 Chú Hoàng xây thành giếng xung quanh một miệng giếng có đường kính là 1,6 m. Biết thành giếng rộng 2 dm. Diện tích của cái giếng sau khi chú Hoàng xây thành giếng là:

- A. $3,41 \text{ m}^2$ B. $2,0069 \text{ m}^2$ C. $3,14 \text{ m}^2$ D. $2,0096 \text{ m}^2$



Câu 1 Hỗn số $3\frac{1}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 2,8 B. 2,4 C. 3,2 D. 3,6

Câu 2 Số?



$$2,05 \text{ km}^2 \text{ } 82 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$$

- A. 2 050 082 B. 2 500 082 C. 2 005 082 D. 2 000 582

Câu 3 Từ 4 chữ số 0, 2, 5, 7 ta lập được số thập phân bé nhất có 4 chữ số khác nhau mà phần thập phân có hai chữ số là:

- A. 02,57 B. 20,57 C. 25,07 D. 27,05

Câu 4 Một hình chữ nhật có chu vi bằng chu vi hình vuông có cạnh 8 cm. Biết chiều rộng hình chữ nhật kém chiều dài hình chữ nhật là 9,6 cm. Vậy diện tích hình chữ nhật đó là:

- A. 4 096 cm² B. 409,6 cm² C. 49,06 cm² D. 40,96 cm²

Câu 5 Cứ 4 xe tải thì vận chuyển được 21 tấn hàng. Vậy có 15 xe tải như thế thì vận chuyển được số hàng hóa là:



- A. 787,5 tạ B. 78,75 kg C. 7 875 tấn D. 7,875 yến

Câu 6 Cô Đào dệt 12 chiếc khăn hết 480 g sợi tơ tằm. Biết giá của mỗi ki-lô-gam tơ tằm cô Đào nhập về là 800 000 đồng. Vậy số tiền cô Đào mua sợi tơ tằm để dệt 20 chiếc khăn như vậy là:



- A. 540 000 đồng B. 740 000 đồng C. 640 000 đồng D. 840 000 đồng

Câu 7 Một quãng đường đang trong quá trình sửa chữa, ngày thứ nhất đã sửa được $\frac{2}{5}$ quãng đường. Ngày thứ hai sửa được $\frac{3}{4}$ quãng đường sửa được của ngày thứ nhất. Sau 2 ngày sửa chữa thì quãng đường đó còn lại số phần quãng đường chưa sửa là:

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{3}{10}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{3}{8}$

Câu 8 Một đội công nhân sửa được 453,39 m đường trong vòng 1 tuần. Biết mỗi ngày đội đó sửa được quãng đường là như nhau. Vậy nếu làm thêm 3 ngày nữa thì đội công nhân đó sửa được tất cả số mét đường là:

- A. 64,77 m B. 194,31 m C. 486,43 m D. 647,7 m

Câu 9 Một đơn vị bộ đội chuẩn bị vừa đủ 4 500 kg gạo cho 180 người ăn trong 50 ngày. Biết mỗi người ăn số gạo là như nhau. Nếu số người trong đơn vị tăng lên 200 người thì số gạo đó đủ ăn trong số ngày là:

- A. 20 ngày B. 45 ngày C. 47 ngày D. 50 ngày

Câu 10 Người ta dùng một thanh sắt để uốn thành 1 khung cửa (như hình vẽ). Biết khung cửa đó được ghép bởi một hình vuông có chu vi bằng 20 dm và một nửa hình tròn. Vậy chiều dài của thanh sắt cần dùng để làm khung cửa đó là:



- A. 27,85 dm B. 22,85 dm C. 32,85 dm D. 30,7 dm

Câu 11 Chị Hoa có 4 cuộn vải màu trắng, đỏ, xanh và vàng. Cuộn vải trắng dài hơn cuộn vải đỏ là 0,8 m. Cuộn vải đỏ ngắn hơn cuộn vải xanh là 1,23 m. Cuộn vải xanh dài hơn cuộn vải vàng là 4,22 m. Biết rằng cuộn vải vàng dài 22,24 m. Vậy cuộn vải trắng dài số mét là:

- A. 25 m B. 26,46 m C. 25,23 m D. 26,03 m

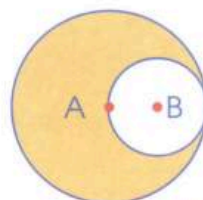
Câu 12 Trinh đến cửa hàng bán truyện cũ và mua một quyển truyện tranh gồm 180 trang không kể bìa. Về đến nhà, Trinh phát hiện ra từ trang 119 đến trang 130 đã bị xé đi. Quyển truyện tranh Trinh mua còn lại số trang là:

- A. 171 trang B. 170 trang C. 169 trang D. 168 trang

Câu 13 Từ các thẻ số $\boxed{8}$; $\boxed{2}$; $\boxed{5}$; $\boxed{0}$; $\boxed{}$ lập tất cả các số thập phân có 2 chữ số ở phần nguyên và 2 chữ số ở phần thập phân. Tổng của số thập phân lớn nhất và số thập phân nhỏ nhất lập được là:

- A. 107,58 B. 108,57 C. 105,78 D. 108,75

Câu 14 Khoảng cách từ tâm A đến tâm B là 3 cm. Vậy diện tích phần được tô màu ở hình bên là:



- A. 84,78 cm² B. 87,46 cm² C. 339,12 cm² D. 139,32 cm²

Câu 15 Một thửa ruộng hình thang có diện tích là 232 m^2 , độ dài đáy lớn hơn đáy bé là $21,6 \text{ m}$. Biết rằng nếu tăng đáy bé thêm $4,6 \text{ m}$ thì diện tích của thửa ruộng sẽ tăng thêm 23 m^2 . Vậy độ dài của đáy bé là:



- A. $46,4 \text{ m}$ B. 34 m C. $12,4 \text{ m}$ D. 10 m

Câu 16 Chú Dương có 3 mảnh gỗ hình chữ nhật có kích thước như nhau với chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Biết chú ghép 3 mảnh gỗ đó lại thì được một hình vuông có chu vi bằng 180 cm . Vậy diện tích mỗi mảnh gỗ hình chữ nhật đó là:

- A. 625 cm^2 B. 605 cm^2 C. 695 cm^2 D. 675 cm^2

Câu 17 Một cửa hàng nhập về 36 chai nước mắm loại I có giá bán của mỗi chai là $90\,000$ đồng và nhập thêm 78 chai nước mắm loại II có giá bán của mỗi chai là $42\,000$ đồng, biết giá nhập vào của mỗi loại bằng $\frac{2}{3}$ giá bán. Vậy cửa hàng đã nhập nước mắm hết số tiền là:

- A. $3\,240\,000$ đồng B. $6\,516\,000$ đồng
C. $2\,172\,000$ đồng D. $4\,344\,000$ đồng

Câu 18 Mảnh đất nhà bác Tư có dạng hình chữ nhật với chiều rộng $20,5 \text{ m}$ và bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Trên mảnh đất đó, bác Tư trồng cà chua, biết mỗi mét vuông đất bác Tư thu hoạch được 6 kg cà chua. Vậy bác Tư thu hoạch được số tạ cà chua trên mảnh đất đó là:



- A. $50,43 \text{ tạ}$ B. $126,075 \text{ tạ}$ C. $61,5 \text{ tạ}$ D. $5,043 \text{ tạ}$

Câu 19 Nhà bác Thảo có ba kho chứa ngô. Biết rằng số ngô ở kho thứ hai nhiều hơn số ngô ở kho thứ nhất là $15,1 \text{ tạ}$. Nếu lấy số ngô ở kho thứ nhất cộng với số ngô ở kho thứ hai và cộng với số ngô ở cả hai kho thì được $80,2 \text{ tạ}$. Số ngô ở kho thứ ba nhiều hơn số ngô ở kho thứ nhất là $7,55 \text{ tạ}$. Vậy số ngô ở kho thứ ba là:

- A. $15,1 \text{ tạ}$ B. $20,05 \text{ tạ}$
C. $27,6 \text{ tạ}$ D. $12,5 \text{ tạ}$



Câu 1 Tỉ số nào dưới đây **không** phải tỉ số phần trăm?

A. $\frac{28}{100}$

B. $\frac{5}{9}$

C. $\frac{540}{100}$

D. $\frac{55}{100}$

Câu 2 Tổng của hai số thập phân **0,19** và **4,23** viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

A. 442%

B. 42%

C. 4,2%

D. 0,42%

Câu 3 Một đội văn nghệ có tất cả 40 thành viên. Trong đó, số thành viên nam bằng tổng số thành viên giảm đi 4 lần. Vậy tỉ số giữa số thành viên nam và số thành viên nữ trong đội văn nghệ đó là:

A. $\frac{1}{4}$

B. $\frac{4}{1}$

C. $\frac{1}{3}$

D. $\frac{3}{1}$

Câu 4 Chị Kim ra vườn hái được 50 quả cam và quả táo, trong đó có 24 quả cam, còn lại là quả táo. Vậy tỉ số phần trăm của số quả táo và tổng số trái cây chị Kim đã hái được là:

A. 50%

B. 51%

C. 52%

D. 53%

Câu 5 Trong giờ thể dục, lớp 5A có 40 bạn học sinh cùng tham gia một cuộc thi chạy cự li 200 m. Biết có 8 bạn về đích trong khoảng thời gian dưới 1 phút. Vậy tỉ số phần trăm của số bạn có thời gian về đích từ 1 phút trở lên và tổng số học sinh lớp 5A là:



A. 20%

B. 40%

C. 60%

D. 80%

Câu 6 Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 200, một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài bằng 10 cm, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Vậy diện tích của khu vườn đó trong thực tế là:

A. 180 m²

B. 240 m²

C. 280 m²

D. 300 m²

Câu 7 Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 150 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Vậy diện tích của mảnh đất hình chữ nhật đó là:

A. 135 m^2 B. $1\,035 \text{ m}^2$ C. $1\,305 \text{ m}^2$ D. $1\,350 \text{ m}^2$ **Câu 8**

Để đi từ nhà đến trường học, Hùng phải đi qua công viên. Trên bản đồ tỉ lệ $1 : 20\,000$, Hùng đo được khoảng cách từ nhà đến công viên là $5,4 \text{ cm}$. Biết trong thực tế, khoảng cách từ công viên đến trường học dài gấp 2 lần khoảng cách từ nhà Hùng đến công viên. Vậy khoảng cách từ nhà Hùng đến trường học trong thực tế là:

A. $3,24 \text{ km}$ B. $8,1 \text{ km}$ C. $16,2 \text{ km}$ D. $32,4 \text{ km}$ **Câu 9**

Một đội công nhân sửa được 300 m đường trong 3 ngày. Biết trong ngày thứ nhất đội sửa được 106 m đường và nhiều hơn ngày thứ hai 8 m đường. Vậy tỉ số phần trăm của số mét đường đội công nhân sửa được trong ngày thứ ba và tổng số mét đường đội đó đã sửa trong cả 3 ngày là:

A. 30% B. 32% C. $0,3\%$ D. $0,32\%$ **Câu 10**

Di Hoa nuôi gà và vịt. Tổng số con gà và con vịt đi nuôi là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Biết $\frac{1}{2}$ số con gà bằng $\frac{1}{3}$ số con vịt. Vậy Di Hoa nuôi số con vịt là:



A. 54 con

B. 50 con

C. 36 con

D. 28 con

Câu 11

Hiếu và Bình cùng vẽ bản đồ một căn phòng hình vuông. Trên bản đồ của Hiếu, căn phòng có cạnh bằng 12 cm . Trên bản đồ của Bình, căn phòng có chu vi bằng 32 cm . Biết Hiếu vẽ bản đồ với tỉ lệ $1 : 50$. Vậy Bình vẽ bản đồ với tỉ lệ là:

A. $1 : 50$ B. $1 : 75$ C. $1 : 100$ D. $1 : 125$ **Câu 12**

Hương và Loan cùng vào hiệu sách mua vở. Nếu Hương mua thêm 5 quyển vở và Loan mua thêm 3 quyển vở thì hai bạn sẽ mua tất cả 48 quyển. Biết 3 lần số vở của Hương thì bằng 2 lần số vở của Loan. Vậy Hương mua số quyển vở là:

A. 16 quyển

B. 24 quyển

C. 26 quyển

D. 30 quyển

Câu 13

Mảnh vườn nhà cô Tú dạng hình chữ nhật có chiều dài là 32 m . Biết trên bản đồ tỉ lệ $1 : 300$, mảnh vườn có diện tích là 80 cm^2 . Trên bản đồ, chiều rộng của mảnh vườn nhà cô Tú là:

A. 7,5 cm

B. 75 cm

C. 750 cm

D. 7 500 cm

Câu 14 Cửa hàng nhà bác Hùng có hai thùng dầu. Nếu bác bán đi 5 l dầu ở thùng thứ nhất và đổ thêm 13 l dầu vào thùng thứ hai thì hai thùng sẽ đựng tất cả 120 l dầu. Biết rằng 5 lần số dầu ở thùng thứ nhất bằng 3 lần số dầu ở thùng thứ hai. Vậy số lít dầu ở thùng thứ nhất và thùng thứ hai của cửa hàng nhà bác Hùng lần lượt là:

A. 48 l dầu và 64 l dầu

B. 50 l dầu và 62 l dầu

C. 51 l dầu và 61 l dầu

D. 42 l dầu và 70 l dầu



Câu 15 Chị An có một mảnh đất dùng để canh tác. Chị sử dụng $\frac{2}{5}$ diện tích mảnh đất để trồng cây xanh, $\frac{1}{5}$ diện tích mảnh đất để trồng rau sạch và $\frac{1}{5}$ diện tích đất còn lại để trồng hoa. Vậy tỉ số phần trăm của phần diện tích đất chị chưa canh tác và tổng diện tích mảnh đất là:

A. 25%

B. 30%

C. 32%

D. 35%

Câu 16 Hà và Thủy cùng vẽ bản đồ một hồ cá hình vuông với tỉ lệ lần lượt là 1 : 400 và 1 : 250. Biết trên bản đồ Hà vẽ, hồ cá có độ dài cạnh là 7,5 cm. Vậy diện tích của hồ cá trên bản đồ Thủy vẽ là:

A. 144 cm²B. 14,4 cm²C. 48 cm²D. 4,8 cm²

Câu 17 Sơn và Dũng sưu tầm được tất cả 138 con tem. Biết sau khi Sơn sưu tầm thêm được 8 con tem và Dũng sưu tầm thêm được 4 con tem thì số tem của Sơn gấp lên hai lần sẽ bằng số tem của Dũng. Vậy ban đầu Sơn có số con tem là:

A. 52 con tem

B. 42 con tem

C. 60 con tem

D. 50 con tem



Câu 18 Chú Phát làm việc tại một xưởng cơ khí dạng hình chữ nhật có chiều dài bằng 0,45 km và chiều rộng bằng 300 m. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 5 000, xưởng cơ khí chú Phát làm việc có diện tích bằng số đề-xi-mét vuông là:

A. 0,054 dm²B. 0,54 dm²C. 5,4 dm²D. 54 dm²



Câu 1 63% là tỉ số phần trăm của hai số nào dưới đây?

- A. 126 và 200 B. 125 và 200 C. 195 và 300 D. 124 và 200

Câu 2 Tỉ số phần trăm của số lớn nhất có một chữ số và số bé nhất có ba chữ số là:

- A. 0,9% B. 99% C. 90% D. 9%

Câu 3 Cho $a - b = c - 32$. Biết rằng $c = 62$ và $a : b = \frac{7}{5}$. Vậy a và b lần lượt là:

- A. 75 và 105 B. 105 và 75 C. 112 và 80 D. 80 và 112

Câu 4 Tổng của hai số là số bé nhất có ba chữ số khác nhau. Biết số lớn gấp 5 lần số bé. Vậy số lớn và số bé lần lượt là:

- A. 85 và 17 B. 17 và 85 C. 85 và 15 D. 15 và 85

Câu 5 Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được ít hơn ngày thứ hai 21 cốc nước ép và số cốc nước ép ngày thứ nhất của hàng bán được bằng $\frac{3}{10}$ ngày thứ hai. Biết rằng ngày thứ ba cửa hàng bán được ít cốc nước ép hơn ngày thứ hai 8 cốc. Vậy ngày thứ ba cửa hàng bán được số cốc nước ép là:

- A. 3 cốc nước ép B. 22 cốc nước ép
C. 9 cốc nước ép D. 30 cốc nước ép

Câu 6 Hôm nay, cửa hàng nhà cô Chi bán được 35 m vải đỏ và ít hơn số mét vải xanh mà cửa hàng nhà cô bán được là 5 m vải. Vậy tỉ số phần trăm của số mét vải đỏ và số mét vải xanh mà cửa hàng nhà cô Chi bán được trong hôm nay là:

- A. 87,5 B. 8,75% C. 0,875 D. 87,5%

Câu 7 Hoa có nhiều hơn Lan 8 cái kẹo, biết rằng sau khi Hoa cho Lan 2 cái kẹo thì số kẹo của Lan bằng $\frac{7}{9}$ số kẹo của Hoa. Vậy lúc đầu Lan có số cái kẹo là:

- A. 14 cái kẹo B. 18 cái kẹo C. 12 cái kẹo D. 20 cái kẹo

Câu 8

Hôm nay, một cửa hàng bán được 54 chiếc bánh ngọt và nhiều hơn số chiếc bánh mặn của hàng bán được là 18 chiếc bánh. Vậy tỉ số phần trăm của số chiếc bánh mặn của hàng bán được và tổng số chiếc bánh của hàng bán được là:

- A. 60% B. 0,4 C. 40 D. 40%

Câu 9

Một trang trại gà có số gà mái nhiều hơn số gà trống là 220 con. Sau khi trang trại đó bán đi 25 con gà mái thì số gà mái bằng $\frac{8}{3}$ số gà trống. Vậy lúc đầu trang trại có số gà mái là:

- A. 337 con gà mái B. 352 con gà mái
C. 44 con gà mái D. 195 con gà mái

**Câu 10**

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi là 30 m. Biết rằng 2 lần chiều dài của mảnh vườn bằng 3 lần chiều rộng của mảnh vườn. Vậy diện tích của mảnh vườn đó bằng số mét vuông là:

- A. 216 m B. 216 m² C. 54 m² D. 54 m

Câu 11

Hai số tự nhiên có hiệu là **1 107**, biết rằng khi thêm một chữ số **0** vào bên phải số bé thì được số lớn. Vậy số lớn và số bé lần lượt là:

- A. 1 320 và 132 B. 1 230 và 123 C. 123 và 1 230 D. 132 và 1 320

Câu 12

Theo kế hoạch, một đội công nhân cần trồng 560 cây xanh trong vòng 1 tháng. Nhưng vì lí do thời tiết nên tháng đó đội công nhân trồng còn thiếu 70 cây so với kế hoạch. Vậy đội công nhân đó mới hoàn thành được số phần trăm kế hoạch là:

- A. 0,125% B. 0,875% C. 12,5% D. 87,5%

Câu 13

Hai số tự nhiên có hiệu là **164**, biết rằng tổng của số lớn và số bé gấp **6** lần số bé. Vậy số lớn là:

- A. 205 B. 41 C. 246 D. 123

Câu 14

Bác Nam có 2 thùng nước mắm, trung bình mỗi thùng chứa 16 l nước mắm. Biết $\frac{1}{3}$ số lít nước mắm ở thùng thứ nhất bằng $\frac{1}{5}$ số lít nước mắm ở thùng thứ hai. Vậy thùng thứ nhất có số lít nước mắm là:

- A. 18 l B. 12 l C. 20 l D. 6 l

Câu 15 Số học giấy Tú gấp được nhiều hơn số học giấy Hoa gấp được là 16 con. Sau khi Tú gấp thêm được 3 con học giấy và Hoa gấp thêm được 4 con học giấy thì số học giấy của Tú bằng $\frac{10}{7}$ số học giấy của Hoa. Vậy lúc đầu số học giấy của Tú và Hoa lần lượt là:

- A. 31 con học giấy và 47 con học giấy
- B. 42 con học giấy và 36 con học giấy
- C. 47 con học giấy và 31 con học giấy
- D. 36 con học giấy và 42 con học giấy



Câu 16 Một vườn cây ăn quả trồng tất cả 80 cây gồm cây nhãn, cây bưởi và cây cam. Biết rằng số cây cam là 32 cây và số cây nhãn nhiều hơn số cây bưởi là 2 cây. Vậy tỉ số phần trăm của số cây bưởi và tổng số cây trong vườn cây ăn quả đó là:

- A. 40%
- B. 31,25%
- C. 0,2875
- D. 28,75%

Câu 17 Lan vào hiệu sách mua 3 quyển sách cùng loại và 3 quyển truyện cùng loại. Biết số tiền Lan mua sách nhiều hơn mua truyện là 45 000 đồng và tổng số tiền mua sách gấp hai lần tổng số tiền mua truyện. Vậy nếu Lan mua 3 quyển sách và 2 quyển truyện thì cần trả số tiền là:



- A. 120 000 đồng
- B. 30 000 đồng
- C. 90 000 đồng
- D. 45 000 đồng

Câu 18 Hai khúc gỗ có chiều dài trung bình là 9 dm. Biết rằng 7 lần chiều dài của khúc gỗ thứ nhất bằng 2 lần chiều dài của khúc gỗ thứ hai. Vậy chiều dài của khúc gỗ thứ nhất là:



- A. 7 dm
- B. 14 dm
- C. 2 dm
- D. 4 dm

Câu 19 Một câu lạc bộ có tất cả 35 học sinh tham gia, trong đó số học sinh nam gấp 4 lần số học sinh nữ. Vậy tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh nam tham gia câu lạc bộ đó là:



- A. 85%
- B. 25%
- C. 75%
- D. 15%



Câu 1 Trong các giá trị dưới đây, giá trị nhỏ nhất là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 12% của 160 B. 11% của 201 C. 38% của 50 D. 5,9% của 400

Câu 2 Giá trị của biểu thức $45,6 \times 3 + 190,2 : 6$ là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 168,5 B. 54 C. 168 D. 54,5

Câu 3 Một cửa hàng hoa có số bó hoa hồng bằng số bó hoa ly. Sau khi cửa hàng bán đi $\frac{1}{4}$ số bó hoa hồng thì số bó hoa ly còn lại ở cửa hàng nhiều hơn số bó hoa hồng là 12 bó. Vậy cửa hàng hoa đó còn lại số bó hoa hồng là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 24 bó hoa hồng B. 48 bó hoa hồng
C. 12 bó hoa hồng D. 36 bó hoa hồng



Câu 4 Lớp 5A có trung bình cộng số học sinh nam và số học sinh nữ là 20 học sinh. Biết rằng số học sinh nam chiếm 60% số học sinh cả lớp. Vậy số học sinh nữ của lớp 5A là:

- A. 28 học sinh B. 16 học sinh
C. 24 học sinh D. 12 học sinh

Câu 5 Kết quả của phép tính $10\,326 - 7\,800$ bằng với kết quả phép tính nào dưới đây? (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 407×5 B. $20\,208 : 8$ C. $2\,109 + 407$ D. $7\,725 - 5\,719$

Câu 6 Bác Hùng dự định lái xe tải vận chuyển hàng hoá trong hai ngày. Bác xem bản đồ tỉ lệ 1 : 2 000 000 thì thấy quãng đường ngày thứ nhất bác cần đi dài 12 cm và quãng đường ngày thứ hai bác cần đi ngắn hơn quãng đường ngày thứ nhất 3 cm. Vậy trong thực tế, tổng quãng đường bác Hùng cần di chuyển trong 2 ngày dài số ki-lô-mét là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 30 km B. 300 km C. 420 km D. 42 km

Câu 7 Nhân dịp khai trương, một cửa hàng áp dụng chương trình khuyến mãi giảm giá 5% cho đơn hàng từ 200 000 đồng, giảm giá 10% cho đơn hàng từ 500 000 đồng và 20% cho đơn hàng từ 1 000 000 đồng. Vậy với đơn hàng hết 550 000 đồng thì số tiền cần phải trả là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 490 000 đồng B. 522 500 đồng C. 495 000 đồng D. 440 000 đồng

Câu 8 Tiền lương tháng này của mẹ Lan là 16 000 000 đồng. Mẹ Lan gửi tiết kiệm 40% số tiền lương đó với lãi suất mỗi tháng là 0,7%. Vậy sau một tháng số tiền gốc và lãi mẹ Lan nhận được là:

- A. 6 400 000 đồng B. 6 444 800 đồng C. 444 800 đồng D. 9 600 000 đồng

Câu 9 Nhi mua 3 chiếc bút chì và 5 chiếc bút bi. Biết rằng mỗi chiếc bút chì có giá 5 500 đồng và ít hơn giá mỗi chiếc bút bi là 2 500 đồng. Vậy số tiền Nhi cần trả cho người bán hàng là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 56 500 đồng B. 40 000 đồng C. 16 500 đồng D. 8 000 đồng

Câu 10 Một kho chứa tất cả 5 tấn gạo tẻ và gạo nếp, trong đó số gạo nếp chiếm 40% tổng số gạo trong kho. Sau đó, kho nhập thêm số gạo tẻ bằng 60% số gạo tẻ hiện có trong kho. Vậy kho đã nhập thêm số ki-lô-gam gạo tẻ là:

- A. 3 000 kg B. 1 800 kg C. 600 kg D. 1 200 kg

Câu 11 Năm nay nhà di Ba thu hoạch được 30 tấn trái cây, trong đó khối lượng dưa hấu chiếm 65%. Biết rằng khối lượng cam nhà di Ba thu hoạch được bằng 40% khối lượng dưa hấu. Vậy nhà di Ba thu hoạch được số tạ cam là: (Sử dụng máy tính cầm tay)

- A. 195 tạ B. 120 tạ C. 117 tạ D. 78 tạ

Câu 12 Một siêu thị đang có chương trình giảm giá cho một số sản phẩm. Cô Lan đến siêu thị đó mua 1 chai dầu ăn, 1 chai nước rửa chén, 1 yến gạo có giá chưa giảm lần lượt là 70 000 đồng, 65 000 đồng và 270 000 đồng. Biết chai dầu ăn được giảm giá 10% và chai nước rửa chén được giảm giá 5%. Vậy cô Lan cần thanh toán số tiền sau khi được giảm giá là:

- A. 405 000 đồng B. 364 500 đồng
C. 394 750 đồng D. 384 750 đồng





Câu 1 Trong các giá trị dưới đây, giá trị lớn nhất là:

- A. 56% của 60 cm^3 B. 60% của 54 cm^3
C. 5,7% của $0,6 \text{ dm}^3$ D. 49% của $0,065 \text{ dm}^3$

Câu 2 Số đo "**Năm trăm bảy mươi tám phẩy ba trăm sáu mươi hai đề-xi-mét khối**" bằng số đo nào dưới đây?

- A. $578\,362 \text{ cm}^3$ B. $578,362 \text{ cm}^3$ C. $57\,836,2 \text{ cm}^3$ D. $578,326 \text{ dm}^3$

Câu 3 Lớp 5A có 40 học sinh. Trong đó có 8 học sinh tham gia câu lạc bộ bóng rổ và bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh tham gia câu lạc bộ bóng đá. Số học sinh còn lại tham gia câu lạc bộ võ. Vậy tỉ số phần trăm của số học sinh tham gia câu lạc bộ võ và số học sinh lớp 5A là:

- A. 60% B. 20% C. 40% D. 80%

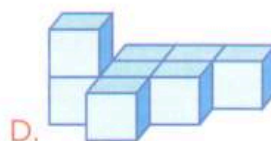
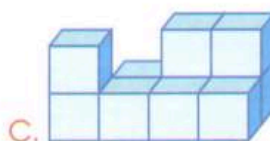
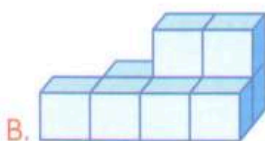
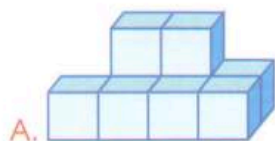
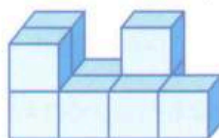
Câu 4 Trong các số đo dưới đây, số đo nhỏ nhất là:

- A. 51 cm^3 B. $0,052 \text{ dm}^3$ C. 51 dm^3 D. 62 cm^3

Câu 5 Trên bản đồ khuôn viên trường học có tỉ lệ 1 : 75, nhà thể chất của trường có dạng hình chữ nhật với tổng chiều dài và chiều rộng là 28 cm, chiều dài hơn chiều rộng 4 cm. Vậy diện tích của nhà thể chất trong thực tế bằng số mét vuông là:

- A. 21 m^2 B. 108 m^2 C. 192 m^2 D. 144 m^2

Câu 6 Thể tích của hình bên bằng thể tích của hình nào dưới đây?



Câu 7 12% của $4\,128 \text{ dm}^3$ là:

- A. $495,36 \text{ dm}$ B. $49,536 \text{ dm}^3$ C. $495\,360 \text{ cm}^3$ D. $495\,360 \text{ cm}$

Câu 8 Theo kế hoạch, hai đội công nhân cần sản xuất 520 đôi giày. Trong thực tế, mỗi đội công nhân đều sản xuất vượt kế hoạch 10 đôi giày và số đôi giày đội thứ nhất sản xuất được bằng $\frac{5}{4}$ số đôi giày đội thứ hai sản xuất được. Vậy theo kế hoạch đội thứ hai cần sản xuất số đôi giày là:

- A. 230 đôi giày
B. 240 đôi giày
C. 250 đôi giày
D. 290 đôi giày



Câu 9 Trong các phép so sánh dưới đây, phép so sánh đúng là:

- A. $8\,509\text{ dm}^3 > 8,509\text{ m}^3$
B. $0,39\text{ dm}^3 = 390\text{ cm}^3$
C. $587,1\text{ cm}^3 < 0,05871\text{ dm}^3$
D. $12,46\text{ cm}^3 = 1,246\text{ dm}^3$

Câu 10 Một giá sách có 2 ngăn. Nếu chuyển 2 quyển từ ngăn trên xuống ngăn dưới thì số sách ở ngăn dưới hơn số sách ở ngăn trên 27 quyển và gấp 4 lần số sách ở ngăn trên. Vậy số sách ở ngăn trên và ngăn dưới lần lượt là:

- A. 9 quyển sách và 36 quyển sách
B. 36 quyển sách và 9 quyển sách
C. 11 quyển sách và 34 quyển sách
D. 34 quyển sách và 11 quyển sách

Câu 11 Dãy số đo được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. $25,08\text{ dm}^3$; 26 dm^3 ; $25\,800\text{ cm}^3$; $26\text{ dm}^3\,2\text{ cm}^3$; $25\text{ dm}^3\,30\text{ cm}^3$
B. $25\text{ dm}^3\,30\text{ cm}^3$; $25,08\text{ dm}^3$; $25\,800\text{ cm}^3$; 26 dm^3 ; $26\text{ dm}^3\,2\text{ cm}^3$
C. $26\text{ dm}^3\,2\text{ cm}^3$; 26 dm^3 ; $25\,800\text{ cm}^3$; $25,08\text{ dm}^3$; $25\text{ dm}^3\,30\text{ cm}^3$
D. $25\text{ dm}^3\,30\text{ cm}^3$; $25\,800\text{ cm}^3$; $25,08\text{ dm}^3$; 26 dm^3 ; $26\text{ dm}^3\,2\text{ cm}^3$



Câu 12 Để xếp đầy hình bên cần số hình lập phương cạnh 1 cm là:

- A. 11 hình lập phương cạnh 1 cm
B. 12 hình lập phương cạnh 1 cm
C. 13 hình lập phương cạnh 1 cm
D. 14 hình lập phương cạnh 1 cm



Câu 13 Giá niêm yết của một chiếc ti vi trong cửa hàng là 11 500 000 đồng. Do cửa hàng đang có chương trình giảm giá tri ân khách hàng nên khi bố Nam mua ti vi đã được cửa hàng giảm giá 8%. Vậy số tiền mà bố Nam cần trả sau khi được giảm giá là:

- A. 10 580 000 đồng
B. 12 420 000 đồng
C. 920 000 đồng
D. 11 500 000 đồng

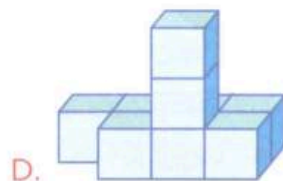
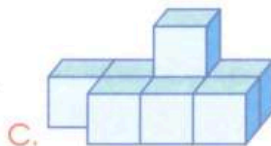
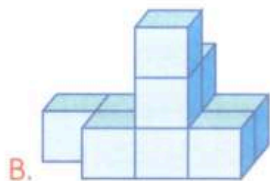
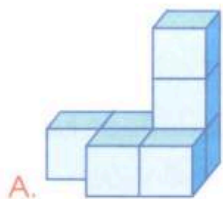




Câu 1 Số đo **842 345 dm³** sau khi đổi đơn vị sang mét khối được đọc là:

- A. Tám mươi tư phẩy hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm mét khối
- B. Tám nghìn bốn trăm hai mươi ba phẩy bốn mươi lăm mét khối
- C. Tám trăm bốn mươi hai phẩy ba trăm bốn mươi lăm mét khối
- D. Tám phẩy bốn mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm mét khối

Câu 2 Trong các hình dưới đây, hình có thể tích lớn nhất là:

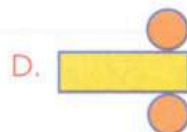
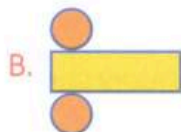
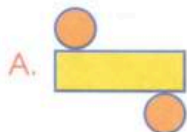


Câu 3 Số?

1 654 dm³ 300 cm³ = ? m³

- A. 1,657
- B. 1 654,3
- C. 1 657
- D. 1,6543

Câu 4 Hình nào dưới đây không phải là hình khai triển của hình trụ?



Câu 5 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $176,25 \text{ m}^3 + 13,5 \text{ m}^3$
- B. $309 \text{ m}^3 - 121,1 \text{ m}^3$
- C. $4\,200 \text{ dm}^3 \times 45$
- D. $902\,400 \text{ dm}^3 : 4,8$

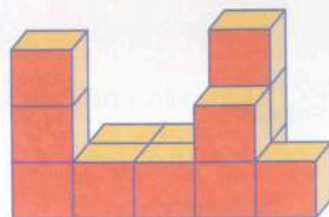
Câu 6 Các số đo được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là:

- A. $0,014 \text{ dm}^3$; $14,5 \text{ cm}^3$; $13 \text{ dm}^3\,21 \text{ cm}^3$; $15\,000 \text{ cm}^3$; $0,011 \text{ m}^3$
- B. $15\,000 \text{ cm}^3$; $13 \text{ dm}^3\,21 \text{ cm}^3$; $0,011 \text{ m}^3$; $14,5 \text{ cm}^3$; $0,014 \text{ dm}^3$
- C. $0,014 \text{ dm}^3$; $14,5 \text{ cm}^3$; $0,011 \text{ m}^3$; $13 \text{ dm}^3\,21 \text{ cm}^3$; $15\,000 \text{ cm}^3$
- D. $0,011 \text{ m}^3$; $0,014 \text{ dm}^3$; $13 \text{ dm}^3\,21 \text{ cm}^3$; $14,5 \text{ cm}^3$; $15\,000 \text{ cm}^3$



Câu 7 Hình bên được ghép bởi các hình lập phương có cạnh là 1 m. Vậy thể tích của hình bên là:

- A. 13 m^3 B. 14 m^3
C. 12 m^3 D. 11 m^3



Câu 8 Giá trị của biểu thức $4,75 \text{ m}^3 : 2,5 + 66,3 \text{ m}^3 : 3$ là:

- A. $24\,600 \text{ dm}^3$ B. $22\,100 \text{ dm}^3$ C. $68\,200 \text{ dm}^3$ D. $24\,000 \text{ dm}^3$

Câu 9 $175\,500 \text{ dm}^3$ là kết quả của phép tính nào dưới đây:

- A. $172,5 \text{ m}^3 + 4,5 \text{ m}^3$ B. $4,5 \text{ m}^3 \times 39$
C. $209 \text{ m}^3 - 29,5 \text{ m}^3$ D. $945 \text{ m}^3 : 5,4$



Câu 10 Trong tuần trước, nhà Tùng đã sử dụng hết $4,27 \text{ m}^3$ nước sinh hoạt. Vậy trung bình mỗi ngày, nhà Tùng sử dụng hết số lít nước sinh hoạt là:

- A. $0,61 \text{ l}$ B. 61 l C. 610 l D. $6,1 \text{ l}$

Câu 11 Từ một tấm bìa hình vuông, Hùng dự định cắt hình khai triển của một hình lập phương có cạnh bằng 5 cm. Vậy tấm bìa Hùng dự định cắt cần có độ dài cạnh ít nhất bằng:

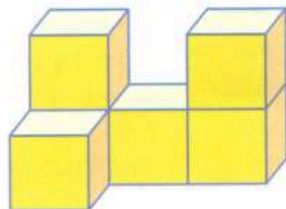
- A. 10 cm B. 15 cm C. 20 cm D. 25 cm

Câu 12 Một công xưởng có hai bể nước. Bể thứ nhất có thể tích bằng 16 m^3 và bằng $\frac{1}{2}$ thể tích của bể thứ hai. Biết lượng nước trong bể thứ hai chiếm 80% thể tích của bể. Vậy cần đổ thêm số lít nước nữa để bể thứ hai đầy nước là:

- A. $25,6 \text{ l}$ B. $6,4 \text{ l}$ C. $25\,600 \text{ l}$ D. $6\,400 \text{ l}$

Câu 13 Hình bên tạo bởi các hình lập phương có thể tích bằng $1\,331 \text{ cm}^3$. Vậy hình bên có thể tích là:

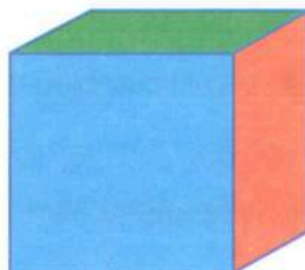
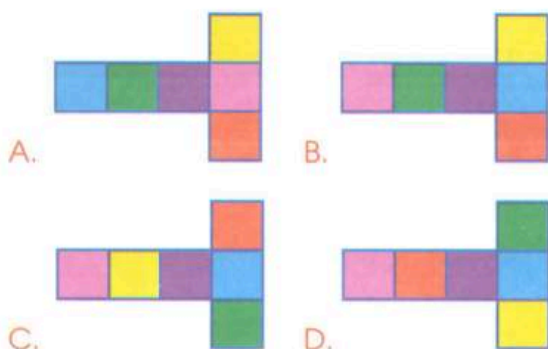
- A. $6,655 \text{ dm}^3$ B. $6,665 \text{ dm}^3$
C. $7,986 \text{ dm}^3$ D. $7,968 \text{ dm}^3$



Câu 14 Một thùng xe tải có thể tích là $33,6 \text{ m}^3$. Bác An xếp một số kiện hàng lên thùng xe tải và nhận thấy tổng thể tích của số kiện hàng đó chiếm 80% thể tích thùng hàng. Biết thể tích của mỗi kiện hàng là 120 dm^3 . Vậy bác An cần xếp thêm số kiện hàng nữa để đầy thùng xe tải là:

- A. 57 kiện hàng B. 56 kiện hàng C. 55 kiện hàng D. 54 kiện hàng

Câu 15 Hình nào ở dưới đây là hình khai triển của hình lập phương ở hình bên?



Câu 16 Hồng có một thùng bia cứng dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 6 dm, chiều rộng kém chiều dài 40 cm và chiều cao bằng 3 dm. Vậy Hồng có thể xếp nhiều nhất số hộp quà hình lập phương cạnh 1 dm vào thùng bia đó là:

- A. 36 hộp quà B. 12 hộp quà C. 18 hộp quà D. 60 hộp quà

Câu 17 Bác Liên mở hai vòi nước chảy đều vào một bể nước có thể tích bằng $31,5 \text{ m}^3$. Sau 1 giờ 30 phút, bác khoá vòi thứ hai lại. Bác thấy lúc này lượng nước trong bể bằng 21 m^3 . Biết vòi thứ nhất chảy tiếp trong 2 giờ 6 phút nữa thì bể đầy. Vậy mỗi giờ vòi thứ hai chảy được số lít nước là:

- A. 500 / nước B. 900 / nước C. 5 000 / nước D. 9 000 / nước

Câu 18 Người ta bơm nước vào một cái bể có thể tích bằng 200 m^3 , cứ 3 giờ lượng nước bơm được bằng 9% thể tích của bể. Biết rằng lúc đầu trong bể đang chứa 92 m^3 nước. Vậy thời gian bơm để bể đầy nước là:

- A. 8 giờ B. 18 giờ C. 9 giờ D. 10 giờ

Câu 19 Hình bên là hình khai triển của một hình hộp chữ nhật có các mặt đối diện cùng màu với nhau. Vậy màu của các mặt được đánh số 1, 2 và 3 lần lượt là:

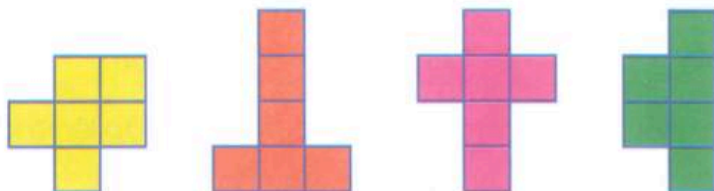


- A. Màu cam, màu đỏ, màu vàng B. Màu cam, màu vàng, màu đỏ
C. Màu vàng, màu đỏ, màu cam D. Màu vàng, màu cam, màu đỏ



Câu 1 Trong các hình bên, số hình gấp được thành hình lập phương là:

- A. 1 hình
- B. 2 hình
- C. 3 hình
- D. 4 hình



Câu 2 Một hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng 8 cm, chiều rộng bằng 6 cm và chiều cao hơn chiều rộng 4 cm. Vậy diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. 480 cm^2
- B. 140 cm^2
- C. 280 cm^2
- D. 112 cm^2

Câu 3 Một hình lập phương có diện tích toàn phần là 486 cm^2 . Vậy hình lập phương đó có độ dài cạnh bằng:

- A. 9 cm
- B. 10 cm
- C. 7 cm
- D. 6 cm

Câu 4 Một hộp thuốc có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài bằng 18,5 cm, chiều rộng kém chiều dài 8,5 cm và chiều cao bằng 9 cm. Vậy diện tích toàn phần của hộp thuốc đó là:

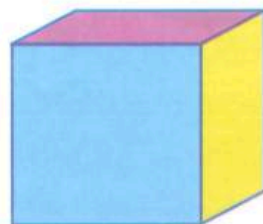
- A. 698 cm^2
- B. 883 cm^2
- C. $531,5 \text{ cm}^2$
- D. 550 cm^2

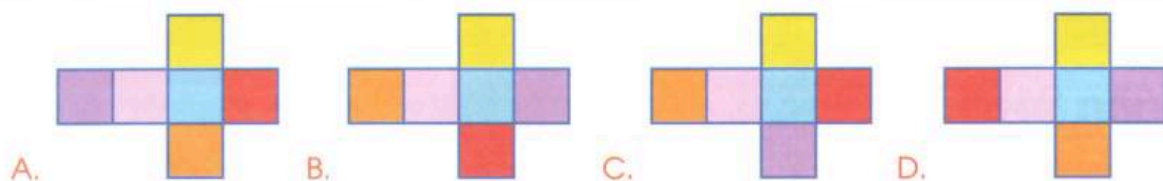
Câu 5 Một hộp trà sen dạng hình hộp chữ nhật với đáy là hình vuông có diện tích xung quanh 480 cm^2 . Biết rằng chiều cao của hộp trà bằng 1,2 dm. Vậy độ dài cạnh đáy của hộp trà bằng số xăng-ti-mét là:

- A. 8 cm
- B. 6 cm
- C. 7 cm
- D. 10 cm



Câu 6 Hình lập phương bên có mặt màu hồng đối diện mặt màu tím, mặt màu vàng đối diện mặt màu đỏ và mặt màu xanh đối diện mặt màu cam. Hình khai triển đúng của hình bên là:





Câu 7 Một hộp đựng giấy dạng hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh là 558 cm^2 . Biết chiều dài của hộp đó là 18 cm và chiều rộng kém chiều dài 5 cm . Vậy chiều cao của hộp đựng giấy đó bằng số xăng-ti-mét là:

- A. 11 cm B. 8 cm C. 9 cm D. 10 cm

Câu 8 Nếu một cạnh của hình lập phương gấp lên 6 lần thì diện tích toàn phần của hình lập phương đó gấp lên số lần là:

- A. 36 lần B. 6 lần C. 12 lần D. 9 lần

Câu 9 Người ta muốn sơn các bức tường xung quanh và trần nhà của một phòng học có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 9 m , chiều rộng 5 m và chiều cao $2,8 \text{ m}$. Biết rằng tổng diện tích các cửa là $9,7 \text{ m}^2$. Vậy diện tích tường cần sơn là:

- A. $68,7 \text{ m}^2$ B. $113,7 \text{ m}^2$
C. $123,4 \text{ m}^2$ D. $35,3 \text{ m}^2$



Câu 10 Một hộp bánh dạng hình hộp chữ nhật có diện tích toàn phần bằng $9,9 \text{ dm}^2$. Biết rằng đáy của hộp bánh có dạng hình vuông cạnh 9 cm . Vậy chiều cao của hộp bánh đó là:

- A. 24 cm B. 21 cm C. 22 cm D. 23 cm

Câu 11 Minh sơn trang trí xung quanh thùng gỗ đựng đồ chơi dạng hình hộp chữ nhật bằng hai màu xanh và trắng. Thùng gỗ đó có chiều dài $0,6 \text{ m}$, chiều rộng $0,4 \text{ m}$ và chiều cao 30 cm . Biết rằng Minh sơn 30% diện tích là màu trắng. Vậy diện tích gỗ Minh sơn màu xanh là:

- A. $0,6 \text{ m}^2$ B. $0,42 \text{ m}^2$ C. $0,18 \text{ m}^2$ D. $0,24 \text{ m}^2$

Câu 12 Chú Hùng làm một bể cá bằng kính không có nắp dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài $1,2 \text{ m}$ và chiều rộng 80 cm . Biết rằng chiều cao của bể cá bằng trung bình cộng của chiều dài và chiều rộng. Vậy diện tích kính để chú Hùng làm bể cá đó là:

- A. $5,29 \text{ m}^2$ B. $5,29 \text{ m}^2$ C. $4,69 \text{ m}^2$ D. $4,96 \text{ m}^2$



Câu 13 Nam sơn cả mặt trong và mặt ngoài của một thùng gỗ có nắp hình lập phương. Biết thùng gỗ đó có diện tích xung quanh bằng $73,96 \text{ cm}^2$. Vậy diện tích Nam cần sơn là:

- A. $221,88 \text{ cm}^2$ B. $110,94 \text{ cm}^2$ C. $212,88 \text{ cm}^2$ D. $110,49 \text{ dm}^2$

Câu 14 Vân gấp một chiếc hộp bằng giấy bìa có chiều dài 2 dm, chiều rộng 13 cm và diện tích toàn phần bằng 1 114 cm^2 . Vậy chiều cao của chiếc hộp Vân gấp là:

- A. 18 cm B. 9 cm C. 6 cm D. 4,5 cm

Câu 15 Một khối gỗ dạng hình hộp chữ nhật với đáy dạng hình vuông có cạnh bằng 9 cm. Biết chiều cao của khối gỗ nhỏ hơn cạnh đáy của khối gỗ là 2 cm. Vậy diện tích toàn phần của khối gỗ đó là:

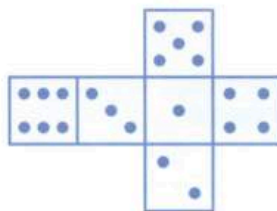
- A. 225 cm^2 B. 252 cm^2 C. 414 cm^2 D. 441 cm^2

Câu 16 Bác Lý sơn toàn bộ các mặt ngoài một thùng tôn dạng hình hộp chữ nhật có nắp với chiều dài bằng 7 dm, chiều rộng 4,5 dm và chiều cao 3,2 dm. Biết rằng để sơn mỗi mét vuông tôn cần dùng 0,4 kg sơn. Vậy bác Lý cần dùng số ki-lô-gam sơn để sơn mặt ngoài thùng tôn đó là:

- A. 0,5644 kg B. 0,5446 kg C. 0,546 kg D. 0,5464 kg

Câu 17 Bình gấp một tờ giấy như hình vẽ bên để làm một xúc xắc. Vậy đối diện với mặt 2 chấm là mặt:

- A. Mặt 5 chấm B. Mặt 4 chấm
C. Mặt 6 chấm D. Mặt 3 chấm



Câu 18 Một bể bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể như sau: chiều dài 21 m, chiều rộng 6 m và chiều cao 1,8 m. Người ta lát đáy và xung quanh hồ bơi bằng những viên gạch hình vuông có diện tích $0,04 \text{ m}^2$. Vậy số viên gạch cần dùng để lát bể bơi đó là:

- A. 585 viên gạch B. 5 580 viên gạch C. 558 viên gạch D. 5 850 viên gạch

Câu 19 Chú Tư đổ nước vào một bể cá bằng kính không nắp dạng hình lập phương cạnh 4 dm. Chú đổ đến khi mực nước cao 0,3 m thì dừng lại. Vậy diện tích kính mà lượng nước trong bể tiếp xúc là:

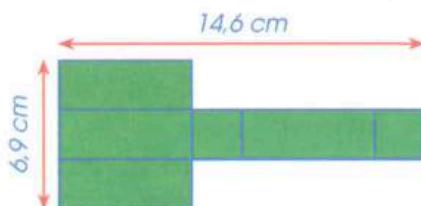
- A. 80 dm^2 B. $6,4 \text{ m}^2$ C. 8 m^2 D. 64 dm^2



Câu 1 Cho hình hộp chữ nhật có hình khai triển như hình bên. Biết chiều rộng và chiều cao của hình hộp đó bằng nhau.

Vậy thể tích của hình hộp đó là:

- A. $26,45 \text{ cm}^3$ B. $26,54 \text{ cm}^3$
C. $57,5 \text{ cm}^3$ D. $55,7 \text{ cm}^3$



Câu 2 Hiền có một tờ giấy màu hình chữ nhật với chiều dài và chiều rộng lần lượt là 36 cm và 30 cm. Hiền dùng tờ giấy màu đó để dán toàn bộ các mặt của các khối gỗ dạng hình lập phương có cạnh bằng 3 cm. Vậy Hiền dán được nhiều nhất số khối gỗ như thế là:

- A. 120 khối B. 60 khối C. 20 khối D. 10 khối

Câu 3 Một khối kim loại dạng hình lập phương có tổng độ dài các cạnh bằng 252 cm. Vậy thể tích của khối kim loại đó là:

- A. $9,621 \text{ dm}^3$ B. $9,261 \text{ dm}^3$ C. $4,41 \text{ dm}^2$ D. $9,261 \text{ dm}$



Câu 4 Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 3 m, chiều rộng 2,5 m và chiều cao kém chiều rộng 0,3 m. Lượng nước trong bể chiếm 80% thể tích bể. Vậy thể tích của lượng nước trong bể là:

- A. 16,5 m B. $16,5 \text{ m}^3$ C. $13,2 \text{ m}^2$ D. $13,2 \text{ m}^3$

Câu 5 Một hộp quà dạng hình lập phương có diện tích xung quanh là 324 cm^2 . Vậy thể tích của hộp quà đó là:

- A. 729 cm^2 B. 729 cm^3 C. 792 cm^2 D. 792 cm^3

Câu 6 Một hộp bánh dạng hình lập phương có chu vi một mặt là 60 cm. Vậy diện tích xung quanh của hộp bánh đó là:

- A. 900 cm^2 B. $1\,350 \text{ cm}^2$
C. 225 cm^2 D. $3\,375 \text{ cm}^3$



Câu 7

An có một thùng bìa cứng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 6 dm, chiều rộng 50 cm. Biết rằng thùng bìa đó có diện tích xung quanh bằng $70,84 \text{ dm}^2$. Vậy thể tích thùng bìa cứng của An là:



- A. $96,6 \text{ cm}^3$ B. 966 cm^3 C. $96,6 \text{ dm}^3$ D. $193,2 \text{ dm}^3$

Câu 8

Một khối sắt hình lập phương có diện tích xung quanh bằng 256 dm^2 . Biết mỗi mét khối sắt nặng 780 yến. Vậy khối sắt đó nặng số tạ là:

- A. 39,936 tạ B. 399,36 yến C. 64 tạ D. 0,512 tạ

Câu 9

Một hộp đựng bút dạng hình hộp chữ nhật với đáy là hình vuông có thể tích bằng 735 cm^3 . Biết tổng độ dài các cạnh đáy bằng 56 cm. Vậy chiều cao của hộp đựng bút đó là:

- A. 49 cm B. 26,25 cm C. 7 cm D. 15 cm

Câu 10

Một hình hộp chữ nhật có thể tích bằng $3,75 \text{ dm}^3$ với chiều dài 30 cm và chiều rộng 25 cm. Biết cạnh của một hình lập phương bằng trung bình cộng ba kích thước của hình hộp chữ nhật. Vậy thể tích của hình lập phương đó bằng số đề-xi-mét khối là:

- A. 8 dm^2 B. $8\,000 \text{ cm}^3$ C. 8 dm^3 D. 80 dm^3

Câu 11

Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật khi đựng đầy nước thì chứa được 72 l nước. Biết bể có chiều dài 6 dm và chiều rộng kém chiều dài 2 dm. Vậy diện tích xung quanh của bể cá đó là:

- A. 72 dm^3 B. 60 dm^3 C. 72 dm^2 D. 60 dm^2

Câu 12

Tú xếp các khối gỗ dạng hình lập phương có cạnh bằng 3 cm vào một chiếc hộp nhựa dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 9 cm và chiều cao 1 dm. Biết rằng tổng thể tích của các khối gỗ chiếm 90% thể tích của hộp. Vậy Tú xếp số khối gỗ vào chiếc hộp đó là:

- A. 37 khối B. 36 khối C. 34 khối D. 35 khối

Câu 13

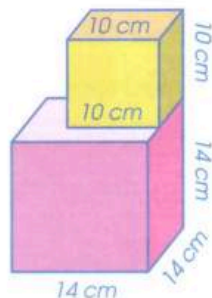
Ly xếp các khối nhựa hình lập phương có cạnh bằng 10 cm thành một khối hình hộp chữ nhật như hình bên. Vậy thể tích của khối hình hộp chữ nhật đó bằng số đề-xi-mét khối là:



- A. 80 dm^3 B. $8\,000 \text{ cm}^3$ C. $0,008 \text{ m}^3$ D. 8 dm^3

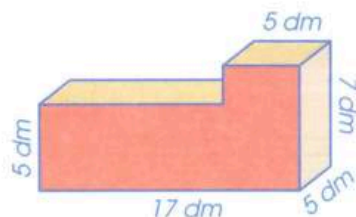
Câu 14 Thể tích của hình bên là:

- A. 3 744 cm³
- B. 3 477 dm³
- C. 3 474 cm³
- D. 3 447 cm²



Câu 15 Thể tích của hình bên là:

- A. 459 dm²
- B. 457 cm³
- C. 475 dm³
- D. 495 cm³



Câu 16 Bác Hải mua các viên gạch hình vuông cạnh bằng 30 cm để lát các mặt xung quanh của một bể nước dạng hình lập phương. Biết độ dài cạnh bể là 18 dm và giá tiền một viên gạch là 70 000 đồng.

Vậy bác Hải cần trả số tiền mua gạch là:

- A. 10 080 000 đồng
- B. 10 008 000 đồng
- C. 10 800 000 đồng
- D. 10 000 800 đồng



Câu 17 Bể nước nhà bác Nam dạng hình lập phương có cạnh 0,8 m, lượng nước trong bể chiếm $\frac{3}{4}$ thể tích bể. Bác Nam mở vòi nước để nước chảy đầy bể, mỗi phút vòi chảy được 6,4 l nước. Vậy thời gian bác Nam mở vòi để vòi chảy đầy bể là:

- A. 19 phút
- B. 22 phút
- C. 20 phút
- D. 21 phút

Câu 18 Hà thả một hòn đá vào một bể cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 0,9 m, chiều rộng 0,5 m và chiều cao 0,7 m. Hà thấy lượng nước trong bể lúc này cao 0,6 m. Biết lúc đầu, lượng nước trong bể cao 0,4 m. Vậy thể tích của hòn đá Hà đã thả vào bể cá là:

- A. 90 dm³
- B. 0,009 m³
- C. 9 dm²
- D. 0,9 m²

Câu 19 Một khối gỗ hình hộp chữ nhật có chiều dài 0,4 m; chiều rộng 0,35 m và chiều cao 6 dm. Người ta cắt đi một phần gỗ dạng hình lập phương có cạnh bằng 0,9 dm. Vậy thể tích phần gỗ còn lại bằng số đề-xi-mét khối là:

- A. 84 dm³
- B. 0,729 dm³
- C. 83,271 dm²
- D. 83,271 dm³



Câu 1 Số?



1 giờ 15 phút = ? giờ

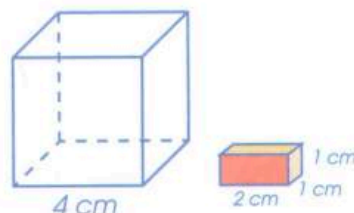
- A. 1,25 B. 1,15 C. 2 D. 2,5

Câu 2 Trong các phép so sánh dưới đây, phép so sánh đúng là:

- A. 1 giờ 24 phút < 75 phút + 9 phút B. 1 giờ + 1 giờ 30 phút > 2,8 giờ
C. 3 phút + 36 giây = 216 giây D. $\frac{1}{4}$ thế kỉ = 40 năm

Câu 3 Hình lập phương bên có thể xếp được số khối màu cam là:

- A. 32 khối B. 20 khối
C. 30 khối D. 16 khối



Câu 4 Bể cá cảnh nhà An có dạng hình hộp chữ nhật không nắp với tổng diện tích các mặt là $2,41 \text{ m}^2$. Biết bể có chiều dài bằng $0,9 \text{ m}$ và chiều rộng bằng $0,5 \text{ m}$. Vậy diện tích xung quanh của bể cá cảnh nhà An là:



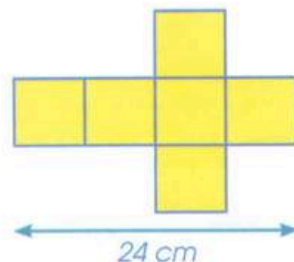
- A. $1,86 \text{ m}^2$ B. $1,69 \text{ m}^2$ C. $2,86 \text{ m}^2$ D. $1,96 \text{ m}^2$

Câu 5 Ngày 7 tháng 5 năm 2024, Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ đã được tổ chức tại thành phố Điện Biên Phủ. Vậy sự kiện chiến thắng Điện Biên Phủ thuộc thế kỉ:

- A. XVIII B. XX C. XIX D. XXI

Câu 6 Nam cắt một tờ giấy như hình bên để gấp thành một hình lập phương. Vậy thể tích của hình lập phương Nam gấp là:

- A. 36 cm^3 B. 432 cm^3
C. 216 cm^3 D. 261 cm^3



Câu 7 Một kho chứa có thể tích là $90\,000 \text{ dm}^3$, nếu sử dụng 80% thể tích kho để chứa các thùng hàng có thể tích 1 m^3 thì có thể xếp được số thùng hàng là:

- A. 90 thùng B. 80 thùng
C. 70 thùng D. 72 thùng



Câu 8 Một hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh là $1\,120\text{ cm}^2$. Biết chiều rộng bằng 7 cm và chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Vậy thể tích của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. $3\,136\text{ cm}^3$ B. $3\,316\text{ cm}^3$ C. $3\,163\text{ cm}^3$ D. $3\,136\text{ cm}^2$

Câu 9 Một hình hộp chữ nhật có thể tích bằng thể tích của một hình lập phương cạnh 2 dm . Biết rằng hình hộp chữ nhật đó có chiều dài 40 cm và chiều rộng 10 cm . Vậy diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. $2\,000\text{ cm}^2$ B. 200 dm^2 C. $2\,000\text{ cm}$ D. $0,2\text{ dm}^2$

Câu 10 Hiền xếp các khối hình lập phương có thể tích 8 dm^3 vào một chiếc thùng hình hộp chữ nhật có thể tích $1\,920\text{ dm}^3$. Biết tổng thể tích số khối hình lập phương Hiền đã xếp vào thùng bằng 40% thể tích của thùng. Vậy Hiền phải xếp số khối hình lập phương như thế nữa thì đầy thùng là:

- A. 141 khối B. 240 khối C. 144 khối D. 204 khối

Câu 11 Một khối gỗ dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài $0,8\text{ m}$; chiều rộng $0,5\text{ m}$ và chiều cao $0,7\text{ m}$. Bác Dũng cắt một phần gỗ có dạng hình lập phương cạnh 40 cm từ khối gỗ đó. Vậy thể tích khối gỗ còn lại là:

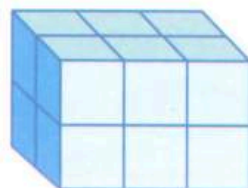
- A. $0,261\text{ m}^2$ B. $0,216\text{ m}^3$ C. $0,261\text{ m}^3$ D. $0,216\text{ m}^2$

Câu 12 Phòng tắm nhà cô Yến dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 4 m , chiều rộng $2,5\text{ m}$ và chiều cao 3 m . Cô muốn mua gạch để ốp xung quanh tường bằng các viên gạch hình vuông có diện tích 9 dm^2 . Biết rằng tổng diện tích các cửa là 3 m^2 . Vậy cô Yến cần mua số viên gạch để ốp là:



- A. 39 viên gạch B. 40 viên gạch C. 400 viên gạch D. 433 viên gạch

Câu 13 Hình hộp chữ nhật bên được tạo bởi các hình lập phương như nhau, mỗi hình lập phương có diện tích toàn phần là 150 cm^2 . Vậy thể tích của hình hộp chữ nhật bằng số đề-xi-mét khối là:



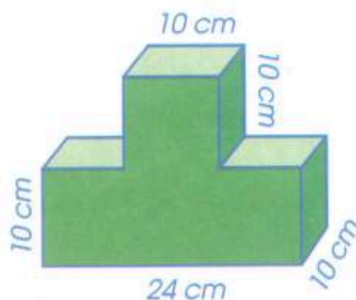
- A. 15 dm^3 B. $1,5\text{ dm}^3$
C. $1\,500\text{ cm}^3$ D. 150 cm^3

Câu 14 Bạn Hương xếp các khối lập phương nhỏ cạnh 3 cm thành một khối lập phương lớn có diện tích toàn phần là 486 cm^2 . Vậy khối lập phương lớn đó được xếp bởi số khối lập phương nhỏ là:

- A. 27 khối B. 26 khối C. 25 khối D. 28 khối

Câu 15 Thể tích của hình bên là:

- A. $2\,400 \text{ cm}^3$
B. $3\,400 \text{ cm}^3$
C. $3\,400 \text{ cm}^2$
D. $1\,000 \text{ cm}^3$



Câu 16 Một khối gỗ hình lập phương có cạnh bằng 3 dm. Người ta cắt một phần gỗ hình lập phương có cạnh bằng $\frac{1}{2}$ cạnh của khối gỗ ban đầu. Vậy phần gỗ còn lại có thể tích bằng số xăng-ti-mét khối là:

- A. $23\,625 \text{ cm}^3$ B. $23\,652 \text{ cm}^3$ C. $23\,625 \text{ cm}^2$ D. $23,625 \text{ dm}^3$

Câu 17 Bốn bạn Tùng, Hải, An và Thanh cùng tham gia thi chạy. Biết Tùng chạy hết 136 giây, Hải chạy hết 2 phút 12 giây, An chạy hết 2,3 phút và Thanh chạy hết $\frac{9}{4}$ phút. Vậy tên của các bạn được sắp xếp theo thứ tự chạy về đích từ nhanh nhất đến chậm nhất là:

- A. An, Tùng, Thanh, Hải B. Hải, Tùng, Thanh, An
C. An, Tùng, Hải, Thanh D. Hải, Thanh, Tùng, An



Câu 18 Cắn số khối lập phương cạnh 3 cm để xếp thành hình hộp chữ nhật có kích thước như hình bên là:

- A. 11 khối
B. 9 khối
C. 12 khối
D. 10 khối



Câu 19 Một bể cá hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,4 m và chiều rộng 0,8 m. Ban đầu mực nước trong bể cao 0,5 m. Sau khi thả một hòn đá vào bể thì mực nước dâng thêm 20% so với mực nước ban đầu. Vậy thể tích của hòn đá đó là:

- A. $0,211 \text{ m}^3$ B. $1,12 \text{ m}^3$ C. $0,112 \text{ m}^3$ D. $0,121 \text{ m}^3$



Câu 1 Kết quả của phép tính **2 giờ 35 phút + 5 giờ 45 phút** là:

- A. 7 giờ B. 8 giờ C. 8 giờ 20 phút D. 7 giờ 20 phút

Câu 2 Kết quả của phép tính **10 giờ 45 phút : 3** là:

- A. 3 giờ 25 phút B. 3 giờ 30 phút C. 3 giờ 15 phút D. 3 giờ 35 phút

Câu 3 Số?

9 phút 17 giây - ? = 2 phút 23 giây <

- A. 6 phút 54 giây B. 7 phút 54 giây C. 6 phút 5 giây D. 7 phút 5 giây

Câu 4 Số?

? phút 48 giây : 6 = 22 phút 18 giây <

- A. 122 B. 133 C. 123 D. 132

Câu 5 Giá trị của biểu thức **3 giờ 20 phút + 4 giờ 4 phút - 1 giờ 15 phút** là:

- A. 5 giờ 9 phút B. 2 giờ 49 phút C. 6 giờ 9 phút D. 7 giờ 24 phút

Câu 6 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. 1 giờ 15 phút + 2 giờ 8 phút B. 4 giờ 25 phút - 1 giờ 3 phút
C. 1 giờ 15 phút x 3 D. 7 giờ 21 phút : 3

Câu 7 Kết quả của phép tính **3 phút 50 giây + 4 phút 42 giây** bằng với kết quả của phép tính nào dưới đây?

- A. 33 phút 20 giây - 25 phút 33 giây B. 2 phút 37 giây + 4 phút 13 giây
C. 10 phút 50 giây - 2 phút 18 giây D. 6 phút 55 giây + 1 phút 22 giây

Câu 8 Giá trị của biểu thức **(2 giờ 17 phút + 1 giờ 13 phút) x 3** là:

- A. 6 giờ 90 phút B. 9 giờ 30 phút C. 4 giờ 30 phút D. 10 giờ 30 phút

Câu 9 Lúc 9 giờ 50 phút, một ô tô và một xe máy cùng xuất phát từ điểm A và đi đến điểm B. Biết xe máy đến B lúc 12 giờ 14 phút và ô tô đi nhanh gấp đôi xe máy. Vậy ô tô đến B lúc:



- A. 10 giờ 52 phút B. 13 giờ 26 phút C. 14 giờ 38 phút D. 11 giờ 2 phút

Câu 10 Cô Hoa muốn may 10 bộ quần áo. Cô đã may xong 3 bộ quần áo hết 8 giờ 15 phút. Biết thời gian cô may mỗi bộ quần áo là như nhau. Vậy cô Hoa còn cần may thêm số thời gian là:



- A. 19 giờ 15 phút B. 18 giờ 15 phút
C. 2 giờ 45 phút D. 14 giờ 15 phút

Câu 11 Vào ngày cuối tuần, chị Mai nướng 3 mẻ bánh. Thời gian chị nướng mẻ bánh thứ nhất hết 21 phút 55 giây và lâu hơn thời gian chị nướng mẻ bánh thứ hai là 20 giây. Biết thời gian chị nướng mẻ bánh thứ ba ít hơn trung bình cộng thời gian chị nướng hai mẻ bánh đầu tiên là 15 giây. Vậy chị Mai nướng mẻ bánh thứ ba hết số thời gian là:

- A. 22 phút B. 21 phút 30 giây C. 21 phút 15 giây D. 22 phút 15 giây

Câu 12 Bác Tú và bác Bảo cùng đóng tủ quần áo. Bác Tú đóng 3 chiếc tủ hết 7 giờ 6 phút. Biết thời gian bác Tú đóng mỗi chiếc tủ là như nhau và nhanh hơn thời gian bác Bảo đóng mỗi chiếc tủ là 12 phút. Vậy thời gian bác Bảo đóng 5 chiếc tủ quần áo như thế là:



- A. 11 giờ 50 phút B. 10 giờ 50 phút C. 13 giờ D. 12 giờ 50 phút

Câu 13 Vào ngày cuối tuần, bác Hải dự định sẽ bắt đầu đi từ nhà lúc 7 giờ 30 phút và về đến quê lúc 10 giờ 10 phút. Tuy nhiên, vì có vấn đề phát sinh nên bác khởi hành lúc 7 giờ 55 phút. Do đó, bác quyết định đi nhanh hơn dự tính nên thời gian đi đường trên thực tế của bác ít hơn thời gian theo kế hoạch là 12 phút. Vậy bác Hải về đến quê lúc:

- A. 10 giờ 23 phút B. 10 giờ 35 phút C. 9 giờ 58 phút D. 2 giờ 50 phút

Câu 14 Lan có thói quen đọc sách hằng ngày. Vào các ngày trong tuần, mỗi ngày Lan dành 45 phút để đọc sách. Vào hai ngày cuối tuần, mỗi ngày Lan dành 1 giờ 20 phút để đọc sách. Vậy thời gian Lan đọc sách mỗi tuần là:



- A. 5 giờ 25 phút B. 6 giờ 25 phút C. 5 giờ 15 phút D. 6 giờ 15 phút

Câu 15 Trung bình cộng của thời gian bác Trường đóng một chiếc bàn và thời gian bác đóng một chiếc ghế là 3 giờ 40 phút. Biết rằng thời gian bác đóng một chiếc ghế bằng $\frac{2}{3}$ thời gian bác đóng một chiếc bàn. Vậy thời gian bác Trường đóng một chiếc bàn là:

- A. 3 giờ 22 phút B. 4 giờ 22 phút C. 4 giờ 24 phút D. 3 giờ 24 phút

Câu 16 Chị An và em Tú cùng ngồi làm bài tập về nhà. Chị An nhiều bài tập hơn em Tú nên ngồi làm lâu hơn em Tú 23 phút. Biết thời gian em Tú ngồi làm bài bằng $\frac{3}{4}$ thời gian chị An ngồi làm bài. Vậy thời gian em Tú ngồi làm bài là:



- A. 1 giờ 10 phút B. 1 giờ 9 phút C. 1 giờ 30 phút D. 1 giờ 32 phút

Câu 17 Cô Hoa có chuyến bay lúc 9 giờ 55 phút. Cô cần có mặt ở sân bay trước giờ bay 2 giờ để làm thủ tục và sắp xếp hành lý. Biết cô dự định sẽ đi bộ 10 phút ra bến xe bắt xe tới sân bay và thời gian xe di chuyển từ bến đến sân bay là 35 phút. Vậy cô Hoa cần bắt đầu đi từ nhà đến sân bay lúc:

- A. 7 giờ 45 phút B. 9 giờ 10 phút C. 8 giờ 10 phút D. 7 giờ 10 phút

Câu 18 Lúc 19 giờ 35 phút, Liên bắt đầu học bài. Sau khi làm hết bài tập, Liên chơi với em trong 25 phút rồi vệ sinh cá nhân, sau đó đi ngủ lúc 22 giờ. Biết thời gian vệ sinh cá nhân của Liên ít hơn thời gian Liên chơi với em là 10 phút. Vậy Liên học bài trong khoảng thời gian là:



- A. 1 giờ 45 phút B. 2 giờ 10 phút C. 1 giờ 20 phút D. 2 giờ

Câu 19 Một xe tải vận chuyển gạo vào ba kho. Thời gian xe tải vận chuyển gạo vào kho thứ nhất hết 1 giờ 32 phút và ít hơn thời gian xe tải vận chuyển gạo vào kho thứ hai 8 phút. Thời gian xe tải vận chuyển hàng vào kho thứ ba bằng trung bình cộng thời gian xe tải vận chuyển gạo vào kho thứ nhất và kho thứ hai. Vậy tổng thời gian xe tải đó vận chuyển gạo vào ba kho là:

- A. 1 giờ 36 phút B. 4 giờ 48 phút
C. 3 giờ 48 phút D. 4 giờ 38 phút





Câu 1 Số?



$$22,2 \text{ km/phút} = ? \text{ m/s}$$

- A. 1 332 000 B. 1 332 C. 370 000 D. 370

Câu 2 Số?



$$45 \text{ km/h} = ? \text{ m/s}$$

- A. 125 B. 12,5 C. 45 000 D. 450

Câu 3 Buổi sáng, Lan đạp xe từ nhà đến trường với vận tốc 15 km/h hết 12 phút. Buổi chiều, Lan đạp xe từ trường về nhà với vận tốc nhỏ hơn vận tốc lúc đi là 3 km/h. Vậy Lan từ trường về nhà hết số phút là:

- A. 18 phút B. 17 phút C. 15 phút D. 16 phút

Câu 4 Vào 7 giờ 30 phút, anh Hải đi ô tô xuất phát từ Hà Nội đến Hải Phòng với vận tốc 52 km/h. Biết Hải Phòng cách Hà Nội 103 km. Vậy lúc 8 giờ 45 phút anh Hải còn cách Hải Phòng số ki-lô-mét là:

- A. 52 km B. 51 km C. 65 km D. 38 km

Câu 5 Dãy số đo vận tốc được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 240 m/phút; 18 km/h; 5,2 m/s; 24,3 km/h
B. 24,3 km/h; 5,2 m/s; 18 km/h; 240 m/phút
C. 5,2 m/s; 18 km/h; 24,3 km/h; 240 m/phút
D. 240 m/phút; 24,3 km/h; 18 km/h; 5,2 m/s



Câu 6 Dãy số đo vận tốc được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 129 m/phút; 7,2 km/h; 78 m/s; 102 m/s
B. 78 m/s; 129 m/phút; 7,2 km/h; 102 m/s
C. 102 m/s; 78 m/s; 129 m/phút; 7,2 km/h
D. 102 m/s; 7,2 km/h; 129 m/phút; 78 m/s



Câu 7 Một xe ô tô và một xe máy cùng xuất phát từ bến xe Mỹ Đình đi bến xe Gia Lâm với quãng đường 14 km. Ô tô đi với vận tốc 40 km/h, xe máy đi với vận tốc 35 km/h. Vậy ô tô đến bến xe Gia Lâm trước xe máy số phút là:

A. 21 phút

B. 24 phút

C. 3 phút

D. 5 phút

Câu 8

Khánh chạy từ điểm A đến điểm B và từ điểm B quay về điểm A hết tất cả 3 phút 12 giây. Biết khoảng cách giữa hai điểm A và B là 384 m. Vậy vận tốc chạy của Khánh là:

A. 2 m/s

B. 4 m/s

C. 20 m/s

D. 1 m/s

Câu 9

Lúc 7 giờ 10 phút, Lan đạp xe từ nhà với vận tốc 10,2 km/h và đến trường lúc 7 giờ 30 phút. Trên đường đến trường, Lan dừng lại 10 phút để mua đồ. Vậy quãng đường từ nhà Lan đến trường là:

A. 1,7 km

B. 500 m

C. 850 m

D. 3,4 km

Câu 10

Bác Tú đi ô tô từ Hà Nội với vận tốc 60 km/h và sau 1 giờ 30 phút thì đến Ninh Bình. Hỏi chú Nam đi xe máy có vận tốc bằng $\frac{3}{5}$ vận tốc của bác Tú thì phải mất bao nhiêu thời gian để đi được nửa quãng đường từ Hà Nội đến Ninh Bình?



A. 1 giờ 5 phút

B. 1 giờ 30 phút

C. 1 giờ 45 phút

D. 1 giờ 15 phút

Câu 11

Nam và Hải cùng đạp xe từ trường về nhà theo hai hướng ngược chiều nhau. Biết Nam đạp xe với vận tốc 15 km/h và Hải đạp xe với vận tốc 14,5 km/h. Vậy khoảng cách của hai bạn sau 6 phút là:

A. 2,95 km

B. 29,5 km

C. 177 km

D. 17,7 km

Câu 12

Lúc 6 giờ 45 phút, anh Minh bắt đầu chạy bộ xung quanh một công viên có dạng hình vuông cạnh 270 m. Biết anh Minh hoàn thành vòng chạy thứ 5 lúc 7 giờ 21 phút. Vậy vận tốc chạy của anh Minh là:



A. 8 km/h

B. 11 km/h

C. 9 km/h

D. 10 km/h

Câu 13

Lúc 6 giờ 30 phút, một ô tô khởi hành từ nhà với vận tốc 54 km/h và phải đến sân bay lúc 8 giờ 30 phút. Đến 7 giờ 15 phút xe phải dừng lại sửa hết 15 phút. Hỏi để đến sân bay đúng giờ dự định thì ô tô đó còn phải chạy bao nhiêu ki-lô-mét và trong thời gian bao nhiêu?

A. 67,5 km và 1 giờ 5 phút

B. 65,7 km và 1 giờ

C. 40,5 km và 1 giờ 5 phút

D. 67,5 km và 1 giờ

Câu 14 Một xe ô tô xuất phát từ điểm A đi về điểm B với vận tốc 45 km/h. Cùng lúc đó, một xe ô tô khác xuất phát từ điểm B đi về điểm A với vận tốc 39 km/h. Sau 1 giờ 30 phút kể từ khi xuất phát, hai xe ô tô gặp nhau. Vậy độ dài quãng đường AB là:



A. 58,5 km

B. 126 km

C. 84 km

D. 67,5 km

Câu 15 Lúc 6 giờ, anh Bảo đi xe máy từ Hà Nội về quê với vận tốc 45 km/h. Đi được 1 giờ, anh nghỉ 40 phút, rồi tiếp tục đi với vận tốc 36 km/h. Biết quãng đường từ Hà Nội về quê dài 72 km. Vậy anh Bảo về đến quê lúc:

A. 7 giờ 25 phút

B. 8 giờ 10 phút

C. 8 giờ 25 phút

D. 9 giờ 5 phút

Câu 16 Mỗi cuối tuần, Duy đi từ nhà lúc 14 giờ 30 phút thì đến nhà bà ngoại lúc 15 giờ kém 5 phút. Tuần này, sau khi Duy đi khỏi nhà được 250 m thì quay lại lấy đồ, vì thế bạn đến nhà bà lúc 15 giờ 5 phút. Vận tốc Duy đi đến nhà bà ngoại là: (Biết thời gian Duy vào nhà lấy đồ không đáng kể)



A. 50 m/s

B. 50 m/phút

C. 5 km/h

D. 25 m/phút

Câu 17 Lúc 6 giờ 55 phút, bố đưa Nam từ nhà tới trường bằng xe máy hết 15 phút. Sau đó, bố Nam đi quãng đường dài 6 km từ trường của Nam đến công ti làm việc. Biết bố Nam đến công ti lúc 7 giờ 22 phút và vận tốc của bố đi xe máy không đổi. Vậy vận tốc đi xe máy của bố Nam là:

A. 32 km/h

B. 27 km/h

C. 25 km/h

D. 30 km/h

Câu 18 Chị An đạp xe từ nhà đến công viên với vận tốc 16,5 km/h. Chị My đạp xe từ nhà đến công viên với vận tốc 15 km/h. Hai chị đi chuyển đều hết thời gian là 12 phút. Biết để đi đến công viên, chị An phải đi qua nhà chị My. Vậy nhà chị An cách nhà Chị My số ki-lô-mét là:



A. 3 km

B. 0,3 km

C. 2,7 km

D. 3,3 km



Câu 1 Số?



$$108 \text{ km/h} = ? \text{ m/s}$$

- A. 32 B. 31 C. 30 D. 33

Câu 2 Giá trị của biểu thức **1 giờ 46 phút + 7 giờ 50 phút : 5** là:

- A. 2 giờ 56 phút B. 3 giờ 56 phút C. 2 giờ 20 phút D. 3 giờ 20 phút

Câu 3 Giá trị của biểu thức **16 phút 23 giây + 49 phút : 6 – 8 phút 59 giây** là:

- A. 15 phút 34 giây B. 15 giờ 24 phút C. 16 phút 34 giây D. 16 phút 24 giây

Câu 4 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. 2 giờ 12 phút + 11 giờ 59 phút B. 31 giờ – 18 giờ 46 phút
C. 1 giờ 36 phút $\times$ 7 D. 37 giờ 18 phút : 3

Câu 5 Nối phép tính có kết quả bằng nhau.

$$3 \text{ giờ } 10 \text{ phút} + 2 \text{ giờ } 2 \text{ phút}$$

$$1 \text{ giờ } 4 \text{ phút} \times 4$$

$$17 \text{ giờ } 4 \text{ phút} : 4$$

$$16 \text{ giờ } 3 \text{ phút} - 9 \text{ giờ } 53 \text{ phút}$$

$$7 \text{ giờ } 13 \text{ phút} - 1 \text{ giờ } 51 \text{ phút}$$

$$16 \text{ giờ } 6 \text{ phút} : 3$$

$$1 \text{ giờ } 14 \text{ phút} \times 5$$

$$3 \text{ giờ } 17 \text{ phút} + 1 \text{ giờ } 45 \text{ phút}$$

Câu 6 Lúc 6 giờ 15 phút, Hiền đi bộ từ nhà đến công viên với vận tốc 4,2 km/h. Biết nhà Hiền cách công viên 1,8 km. Vậy lúc 6 giờ 25 phút Hiền còn cách công viên số mét là:

- A. 1 100 m B. 700 m C. 1,1 km D. 0,7 km

Câu 7 Ba xe khách cùng xuất phát từ bến xe đi về một hướng. Xe thứ nhất đi với vận tốc 50 km/h và đi nhanh hơn xe thứ hai 6 km/h. Biết rằng vận tốc xe thứ ba bằng trung bình cộng vận tốc xe thứ nhất và xe thứ hai. Vậy sau 0,75 giờ thì xe khách thứ ba cách xe khách thứ nhất số ki-lô-mét là:

- A. 3,75 km B. 2,52 km C. 3,57 km D. 2,25 km

Câu 8

Anh Bảy đi xe máy xuất phát từ điểm A đi đến điểm B với vận tốc 35 km/h. Sau khi anh Bảy đi được 15 phút, anh Sáu đi ô tô xuất phát từ điểm B đi đến điểm A với vận tốc 40 km/h. Biết rằng sau khi anh Sáu đi được 1 giờ 30 phút thì hai anh cách nhau 20 km. Vậy độ dài quãng đường AB là:

- A. 141,25 km
B. 121,25 km
C. 141,52 km
D. 121,52 km

Câu 9

Hòa tính giờ làm ba bài toán. Bài toán thứ nhất Hòa làm trong 3 phút, thời gian Hòa làm bài toán thứ hai gấp 2,5 lần thời gian làm bài toán thứ nhất. Biết rằng thời gian Hòa làm bài toán thứ ba bằng trung bình cộng thời gian làm bài toán thứ nhất và bài toán thứ hai. Tổng thời gian để Hòa làm xong 3 bài toán là:

- A. 10 phút 30 giây B. 21 phút
C. 15 phút 45 giây D. 25 phút 30 giây

Câu 10

Bác Nga đi xe máy từ A đến B với vận tốc 35 km/h. Sau đó một khoảng thời gian, bác Bích cũng đi xe máy từ A đến B với vận tốc lớn hơn vận tốc bác Nga đi xe máy là 7 km/h. Biết rằng sau 0,6 giờ kể từ khi bác Nga xuất phát thì hai bác gặp nhau. Vậy bác Bích xuất phát sau bác Nga số phút là:

- A. 5 phút B. 7 phút C. 4 phút D. 6 phút

Câu 11

Lúc 7 giờ 20 phút, chú Sơn bắt đầu đi ô tô trên một đoạn đường cao tốc dài 184,8 km với vận tốc 77 km/h. Sau khi đi được 123,2 km quãng đường, chú dừng nghỉ ở trạm hết 20 phút và đi nốt quãng đường còn lại với vận tốc 88 km/h. Vậy chú Sơn đi hết đường cao tốc đó lúc:

- A. 9 giờ 58 phút B. 1 giờ 58 phút
C. 9 giờ 16 phút D. 8 giờ 56 phút

Câu 12

Lúc 6 giờ 55 phút, Hà đi bộ từ nhà tới thư viện để học bài với vận tốc $4,5 \text{ km/h}$. Sau 5 phút đi bộ, Hà quay về lấy tập vở để quên rồi tiếp tục đến thư viện với vận tốc ban đầu. Biết thời gian Hà vào nhà lấy tập vở là 5 phút và lúc Hà đến thư viện là 7 giờ 25 phút. Quãng đường từ nhà Hà đến thư viện là:

- A. 1,512 km B. 1,215 km C. 1,152 km D. 1,125 km

Câu 13 Anh Hùng đạp xe tập thể dục quanh một công viên hình vuông có diện tích $8\,100\text{ m}^2$. Biết rằng thời gian để anh Hùng đạp xe hết 3 vòng hồ 3 phút 36 giây. Vậy vận tốc đạp xe của anh Hùng là:

- A. 18 km/h B. 17 km/h C. 16 km/h D. 15 km/h

Câu 14 Lúc 6 giờ, bác Nam đi bộ từ nhà đến bến xe hết 15 phút. Sau khi đợi xe khách 10 phút thì bác lên xe và về đến quê lúc 10 giờ. Biết rằng xe khách đi với vận tốc 56 km/h và giữa đường xe nghỉ 20 phút. Vậy quãng đường từ bến xe về đến quê bác Nam dài số ki-lô-mét là:

- A. 224 km B. 182 km C. 128 km D. 242 km

Câu 15 Hằng ngày, Huy đạp xe từ nhà lúc 7 giờ 18 phút và đến trường lúc 7 giờ 30 phút. Biết quãng đường từ nhà đến trường dài 2 km. Hôm nay, Huy đến trường sớm hơn mọi ngày 2 phút. Vậy hôm nay Huy đạp xe với vận tốc là:



- A. 2 km/h B. 12 km/h C. 10 km/h D. 5 km/h

Câu 16 Xe máy thứ nhất đi từ điểm A đến điểm B với vận tốc 40 km/h. Cùng lúc đó, xe máy thứ hai đi từ điểm B đến điểm A với vận tốc lớn hơn xe máy đi từ điểm A là 2 km/h. Sau 1,3 giờ đi đường hai xe còn cách nhau 13 km. Vậy quãng đường từ điểm A đến điểm B dài số ki-lô-mét là:

- A. 116,9 km B. 106,6 km C. 116,6 km D. 119,6 km

Câu 17 Một đoàn tàu dài 150 m chạy qua một chiếc cầu với vận tốc 30 km/h. Biết thời gian từ lúc tàu bắt đầu lên cầu cho đến khi toa cuối của đoàn tàu đi hết cầu là 4,5 phút. Vậy chiếc cầu đó dài số mét là:



- A. 2 100 m B. 210 m C. 2 250 m D. 225 m

Câu 18 Bác Hải lái ô tô từ nhà tới điểm du lịch. Ban đầu, bác đi với vận tốc 60 km/h hết $\frac{2}{3}$ quãng đường trong 3 giờ. Trên quãng đường còn lại, vì đường xấu nên bác đi với vận tốc 45 km/h. Vậy thời gian để bác Hải đi từ nhà đến điểm du lịch là:

- A. 4 giờ B. 5 giờ C. 3 giờ D. 6 giờ



Bảng dưới đây cho biết số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023.

Tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Lượng khách (nghìn người)	871	933	895	984	916	975

Câu 1 Tháng có lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam nhiều nhất là:

- A. Tháng 2 B. Tháng 4 C. Tháng 6 D. Tháng 5

Câu 2 Các tháng được sắp xếp theo thứ tự có lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam theo thứ tự giảm dần là:

- A. Tháng 4, tháng 6, tháng 2, tháng 5, tháng 3, tháng 1
 B. Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 2, tháng 6, tháng 4
 C. Tháng 1, tháng 2, tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6
 D. Tháng 6, tháng 5, tháng 4, tháng 3, tháng 2, tháng 1



Câu 3 Những tháng có lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam nhiều hơn 900 nghìn người là:

- A. Tháng 1, tháng 2, tháng 3, tháng 4 B. Tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6
 C. Tháng 2, tháng 4, tháng 5, tháng 6 D. Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 6

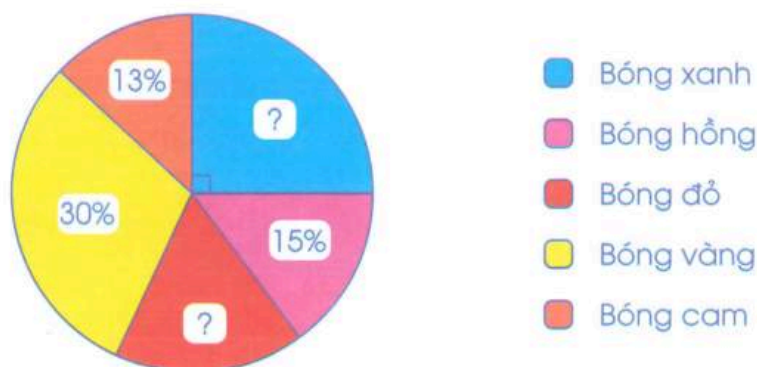
Câu 4 Trong tháng 4 có số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam nhiều hơn tháng 1 là:

- A. 113 nghìn người B. 131 nghìn người
 C. 89 nghìn người D. 98 nghìn người

Câu 5 Trung bình lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam mỗi tháng là:

- A. 892 nghìn người B. 829 nghìn người
 C. 929 nghìn người D. 992 nghìn người

Một cửa hàng trong tuần đầu của tháng 5 bán được 400 quả bóng gồm 5 màu: xanh, hồng, đỏ, vàng và cam. Biểu đồ hình quạt tròn dưới đây cho biết tỉ số phần trăm của số lượng bóng bán được của cửa hàng trong tuần đó.



Câu 6 Tỉ số phần trăm của số bóng xanh của hàng bán được là:

- A. 0,25% B. 25% C. 17% D. 42%

Câu 7 Tỉ số phần trăm của số bóng đỏ của hàng bán được là:

- A. 0,17% B. 17% C. 0,42% D. 42%

Câu 8 Loại bóng của hàng bán được nhiều nhất là:

- A. Bóng hồng B. Bóng cam C. Bóng xanh D. Bóng vàng

Câu 9 Cửa hàng đó bán được số quả bóng vàng là:

- A. 120 quả bóng B. 100 quả bóng C. 68 quả bóng D. 102 quả bóng

Câu 10 Tên các màu bóng được sắp xếp theo số lượng bán được từ nhiều đến ít là:

- A. Vàng, xanh, đỏ, cam, hồng B. Cam, hồng, đỏ, vàng, xanh
C. Cam, hồng, đỏ, xanh, vàng D. Vàng, xanh, đỏ, hồng, cam

Cô giáo tổ chức cho lớp 5A một buổi sinh hoạt trả lời câu hỏi chủ đề "An toàn giao thông". Các học sinh trả lời đúng sẽ được quay vòng quay để nhận một phần quà ngẫu nhiên. Bảng dưới đây cho biết kết quả quay của các học sinh.

Quà	Hộp màu	Quyển sổ	Bình nước	Gấu bông
Số lần lặp lại	2	5	4	1

Câu 11 Có số học sinh trả lời đúng câu hỏi là:

- A. 9 học sinh B. 12 học sinh C. 11 học sinh D. 10 học sinh

Câu 12 Tỷ số của số lần học sinh quay được hộp màu so với tổng số lần quay là:

- A. $\frac{2}{7}$ B. $\frac{7}{2}$ C. $\frac{12}{2}$ D. $\frac{2}{12}$

Câu 13 Tỷ số của số lần học sinh quay được gấu bông so với số lần học sinh quay được bình nước là:

- A. $\frac{1}{12}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{12}{1}$ D. $\frac{4}{1}$

Cho dãy số liệu biểu diễn khối lượng trái cây của một cửa hàng bán được theo ngày trong hai tuần như sau:

84,9 kg; 128 kg; 138,2 kg; 100 kg; 134 kg; 148,9 kg; 95,7 kg; 150 kg;

165,8 kg; 105 kg; 133,6 kg; 129,4 kg; 157,3 kg; 115,7 kg

Cửa hàng đã lập bảng thống kê khối lượng trái cây bán được như dưới đây:

Khối lượng	Dưới 100 kg	100 kg - dưới 125 kg	125 kg - dưới 150 kg	150 kg trở lên
Số ngày	?	?	?	?

Câu 14 Số ngày cửa hàng bán được từ 100 kg - dưới 125 kg trái cây là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 15 Cửa hàng bán được ít trái cây trong khoảng nào nhất?

- A. Dưới 100 kg B. 100 kg - dưới 125 kg
C. 125 kg - dưới 150 kg D. 150 kg trở lên

Câu 16 Cửa hàng bán được nhiều trái cây trong khoảng nào nhất?

- A. Dưới 100 kg B. 100 kg - dưới 125 kg
C. 125 kg - dưới 150 kg D. 150 kg trở lên

Câu 17 Tỷ số của số ngày cửa hàng bán được 150 kg trái cây trở lên so với tổng số ngày cửa hàng thống kê là:

- A. $\frac{1}{14}$ B. $\frac{5}{14}$ C. $\frac{2}{14}$ D. $\frac{3}{14}$

Tuần 31

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM THU THẬP, PHÂN TÍCH, BIỂU DIỄN CÁC SỐ LIỆU THỐNG KÊ (TIẾT 2)
LUYỆN TẬP CHUNG. ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN, PHÂN SỐ, SỐ THẬP PHẦN



Quét mã QR xem đáp án và video bài giảng chi tiết

Bạn lớp trưởng làm bảng thống kê về loại nước ép hoa quả yêu thích nhất của các bạn học sinh lớp 5B như sau:

Loại nước	Nước ép cam	Nước ép táo	Nước ép lê	Nước ép ổi
Số học sinh chọn	13	10	8	5

Câu 1 Lớp 5B có số học sinh là:

- A. 35 học sinh B. 36 học sinh C. 37 học sinh D. 34 học sinh

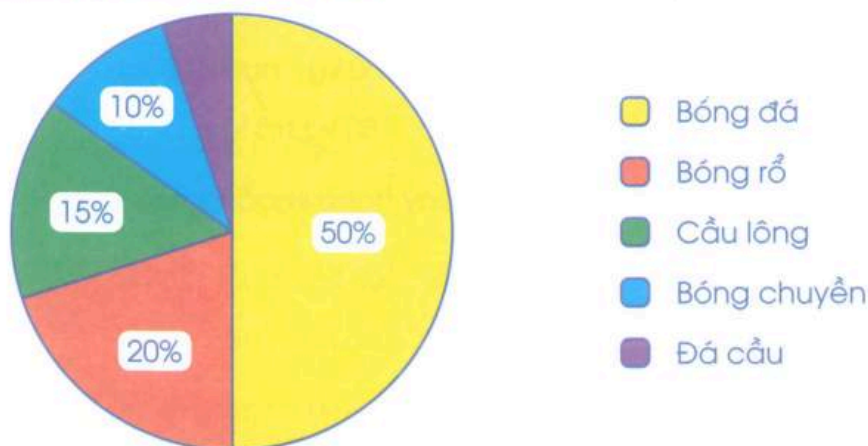
Câu 2 Loại nước ép hoa quả được nhiều học sinh yêu thích nhất là:

- A. Nước ép ổi B. Nước ép táo C. Nước ép cam D. Nước ép lê

Câu 3 Tỷ số của số bạn học sinh thích nước ép ổi nhất so với tổng số bạn học sinh của lớp 5B là:

- A. $\frac{5}{31}$ B. $\frac{31}{5}$ C. $\frac{36}{5}$ D. $\frac{5}{36}$

Biểu đồ hình quạt tròn dưới đây cho biết tỉ số phần trăm của các môn thể thao được các bạn nam lớp 5A thích xem nhất:



Câu 4 Môn thể thao được nhiều bạn nam lớp 5A thích xem nhất là:

- A. Bóng đá B. Bóng rổ C. Cầu lông D. Đá cầu

Câu 5 Tỷ số phần trăm số bạn nam lớp 5A thích xem môn đá cầu nhất là:

- A. 20% B. 5% C. 15% D. 10%

Câu 6 Biết số lượng các bạn nam trong lớp 5A là 20 bạn. Vậy số bạn nam thích xem môn cầu lông là:

- A. 1 bạn nam B. 2 bạn nam
C. 4 bạn nam D. 3 bạn nam

Câu 7 Số liền sau của số **12 566 782** đọc là:

- A. Mười hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi mốt
B. Mười hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám ba
C. Mười hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba
D. Mười hai triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi ba

Câu 8 Tổng giá trị của các chữ số **3** trong số **135 363 453** là:

- A. 30 303 003 B. 3 303 003 C. 30 330 003 D. 30 303 030

Câu 9 Dãy số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. 3 298 316; 3 998 315; 3 298 654; 1 941 005; 11 000 283
B. 11 000 283; 3 998 315; 3 298 654; 3 298 316; 1 941 005
C. 3 998 315; 3 298 654; 3 298 316; 11 000 283; 1 941 005
D. 1 941 005; 3 298 316; 3 298 654; 3 998 315; 11 000 283



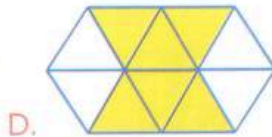
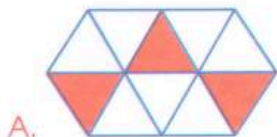
Câu 10 Số tự nhiên lớn nhất có 5 chữ số khác nhau là:

- A. 99 999 B. 99 987 C. 98 765 D. 99 000

Câu 11 Trong các phân số dưới đây, phân số lớn nhất là:

- A. $\frac{4}{3}$ B. $\frac{7}{2}$ C. $\frac{17}{12}$ D. $\frac{9}{4}$

Câu 12 Phân số $\frac{3}{10}$ chỉ số phần đã tô màu của hình nào dưới đây?



Câu 13 Trong số thập phân **7 892,007**; giá trị của chữ số **7** ở phần nguyên gấp giá trị của chữ số **7** ở phần thập phân số lần là:

- A. 1 000 000 B. 100 000 C. 10 000 000 D. 10 000

Câu 14 Trong các phân số dưới đây, phân số tối giản là:

- A. $\frac{12}{105}$ B. $\frac{31}{53}$ C. $\frac{236}{802}$ D. $\frac{24}{38}$

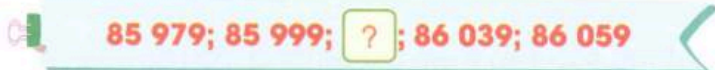
Câu 15 Phần phân số của hỗn số **$9\frac{3}{8}$** được viết dưới dạng phân số thập phân là:

- A. $\frac{1\,000}{375}$ B. $\frac{125}{1\,000}$ C. $\frac{24}{1\,000}$ D. $\frac{375}{1\,000}$

Câu 16 Số thập phân **77,501** được viết dưới dạng hỗn số là:

- A. $77\frac{51}{1\,000}$ B. $77\frac{501}{100}$ C. $77\frac{501}{1\,000}$ D. $77\frac{1\,000}{501}$

Câu 17 Số thích hợp điền vào ô vuông có tổng các chữ số là:

 **85 979; 85 999; ?; 86 039; 86 059**

- A. 25 B. 23 C. 24 D. 14

Câu 18 Cho các thẻ **4; 7; 8; 0; ,**. Số thập phân nhỏ nhất gồm 2 chữ số ở phần nguyên, 2 chữ số ở phần thập phân ghép được từ các thẻ số này có giá trị của chữ số 7 là:

- A. 0,07 B. 0,7 C. 7 D. 70

Câu 19 Cho số thập phân 12 656,8. Sau khi dời dấu phẩy của số này sang bên trái hai chữ số và làm tròn số mới đến số tròn chục gần nhất, ta được số:

- A. 126,6 B. 120 C. 130 D. 126,57

Câu 20 Minh nghĩ ra một số thập phân có tất cả 5 chữ số, gồm 3 chữ số ở phần nguyên và 2 chữ số ở phần thập phân. Biết tổng các chữ số của số đó là 42. Vậy nếu chia số lớn nhất mà Minh có thể nghĩ được cho 3 thì sẽ được thương là:

- A. 333,32 B. 333,33 C. 333,31 D. 333,30

Tuần 32

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN, PHẦN
SỐ, SỐ THẬP PHẦN
ÔN TẬP TỈ SỐ, TỈ SỐ PHẦN TRĂM (TIẾT 1)



Quét mã QR xem đáp án và
video bài giảng chi tiết

Câu 1 Kết quả của biểu thức $823,56 + 113,63 - 222,04$ được làm tròn đến hàng phần mười là:

- A. 715 B. 715,1 C. 715,2 D. 715,15

Câu 2 Số?

$$1\ 342\ 031 + \boxed{?} = 3\ 856\ 122$$

- A. 2 541 019 B. 2 514 091 C. 2 514 019 D. 2 541 091

Câu 3 Số?

$$94,6 - \boxed{?} = 28,55$$

- A. 66,05 B. 66,5 C. 66,15 D. 65,6

Câu 4 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $1\ 373\ 189 + 8\ 132\ 201$ B. $593\ 750 \times 16$
C. $10\ 987\ 600 - 1\ 152\ 560$ D. $18\ 210\ 442 : 2$



Câu 5 Giá trị của biểu thức $121\ 482 \times 4 - 20\ 367 + 1\ 008$ là:

- A. 486 936 B. 465 561 C. 485 928 D. 466 569

Câu 6 Tỉ số phần trăm của **43,71** và **94** là:

- A. 45% B. 46,5 % C. 46% D. 4,65%

Câu 7 Số?

$$\frac{4}{5} \times \frac{\boxed{?}}{13} < \frac{68}{65}$$

- A. 15 B. 19 C. 17 D. 18

Câu 8 Kết quả của phép tính $83\ 500 - 28\ 150$ bằng kết quả của phép tính nào dưới đây?

- A. $30\ 850 + 24\ 500$ B. $319\ 458 : 6$
C. $1\ 566 \times 34$ D. $75\ 122 - 20\ 006$

Câu 9 Mẹ đi siêu thị mua 2 hộp bánh và 3 vỉ sữa. Giá mỗi hộp bánh là 24 000 đồng và mỗi vỉ sữa là 32 000 đồng. Vậy số tiền mẹ cần thanh toán là:



- A. 120 000 đồng B. 136 000 đồng C. 144 000 đồng D. 160 000 đồng

Câu 10 Một hình chữ nhật có chiều dài bằng $\frac{1}{4}$ m, chiều rộng kém chiều dài $\frac{1}{7}$ m. Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. 28 m² B. $\frac{3}{112}$ m² C. $\frac{1}{28}$ m² D. $\frac{112}{3}$ m²

Câu 11 Một cửa hàng có 105 kg gạo nếp. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được $\frac{2}{5}$ số gạo nếp. Ngày thứ hai cửa hàng bán được $\frac{1}{3}$ số gạo nếp còn lại sau ngày thứ nhất bán. Vậy sau hai ngày bán, cửa hàng còn lại số gạo nếp là:

- A. 70 kg B. 28 kg C. 42 kg D. 63 kg

Câu 12 Mảnh vườn của bác Hiếu dạng hình thang có đáy lớn 18 m, đáy bé 14 m và chiều cao bằng $\frac{5}{6}$ đáy lớn. Bác sử dụng 65% diện tích đất để trồng rau, còn lại để trồng hoa. Vậy diện tích bác Hiếu dùng để trồng hoa là:



- A. 240 m² B. 480 m² C. 168 m² D. 84 m²

Câu 13 Một mảnh đất hình tam giác có độ dài đáy bằng 8 m. Người ta mở rộng diện tích mảnh đất bằng cách tăng độ dài đáy thêm 2,3 m. Biết chiều cao tương ứng của mảnh đất nhỏ hơn độ dài đáy sau khi mở rộng là 1,5 m. Vậy diện tích của mảnh đất đó sau khi mở rộng diện tích là:

- A. 33,475 m² B. 45,32 m² C. 26 m² D. 35,2 m²

Câu 14 Một cửa hàng có 3 cuộn vải gồm vải xanh, vải hoa và vải sọc. Cuộn vải xanh có độ dài là 18,6 m; cuộn vải hoa dài hơn cuộn vải xanh 5,4 m. Biết rằng tổng độ dài cuộn vải xanh và cuộn vải hoa gấp 3 lần độ dài cuộn vải sọc. Vậy độ dài của cuộn vải sọc là:

- A. 14,2 dm B. 12,4 m C. 24 m D. 14,2 m

Câu 15 Ba bạn Nam, Thủy và Bình có tất cả 160 viên bi. Số viên bi của Nam chiếm 35% tổng số viên bi của ba bạn và Thủy có nhiều hơn Bình 24 viên bi. Tỷ số phần trăm số viên bi của Bình và tổng số viên bi của ba bạn là:



- A. 25% B. 30% C. 15% D. 20%



Câu 1 Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000, một khu đô thị dạng hình chữ nhật có tổng chiều dài và chiều rộng là 42 cm, chiều dài hơn chiều rộng 2 cm. Vậy trong thực tế, diện tích của khu đô thị đó là:

- A. 4,4 km² B. 404 ha C. 440 ha D. 4,04 km²

Câu 2 Đường kính của một hình tròn bằng cạnh của một hình vuông có diện tích bằng 64 dm². Vậy diện tích của hình tròn đó bằng số xăng-ti-mét vuông là:

- A. 5 024 dm² B. 50,24 dm C. 5 024 cm² D. 50,24 cm²

Câu 3 Một hình tam giác có trung bình cộng độ dài đáy và chiều cao là 48 dm. Biết rằng chiều cao bằng $\frac{5}{11}$ độ dài đáy. Diện tích của hình tam giác đó là:

- A. 99 dm² B. 990 dm² C. 990 cm² D. 99 cm²

Câu 4 Hòa cắt một tờ giấy màu dạng hình tam giác thành 1 mảnh giấy lớn và 2 mảnh giấy nhỏ. Mảnh giấy nhỏ có diện tích 11,25 cm² và bằng một nửa diện tích mảnh giấy lớn. Biết tờ giấy ban đầu của Hòa có chiều cao bằng 12 cm. Vậy độ dài cạnh đáy tờ giấy ban đầu của Hòa là:

- A. 7,5 cm B. 7 cm C. 75 cm D. 7,5 dm

Câu 5 Một đại lí có tất cả 240 tạ gạo. Ngày hôm qua, đại lí bán được 35% số gạo đó. Ngày hôm nay, đại lí bán được 20% số gạo còn lại. Vậy ngày hôm nay đại lí đã bán được số tạ gạo là:

- A. 31,2 tạ B. 156 tạ C. 84 tạ D. 16,8 tạ

Câu 6 Bà Hoa trồng ngô trên một mảnh đất hình thang có tổng độ dài hai đáy là 25 m và chiều cao kém trung bình cộng hai đáy 3,5 m. Biết cứ mỗi mét vuông đất bà Hoa thu hoạch được 2 kg ngô. Vậy bà Hoa có thể thu hoạch được số yến ngô trên mảnh đất đó là:

- A. 25,2 yến B. 22,5 yến C. 2,25 yến D. 2,52 yến

Câu 7 Chú Bình gửi tiết kiệm số tiền 12 000 000 đồng với lãi suất 0,4% một tháng. Biết rằng tiền lãi tháng trước được gộp vào tiền gốc để gửi tháng sau. Vậy số tiền lãi chú Bình nhận được trong tháng thứ hai là:

A. 48 000 đồng

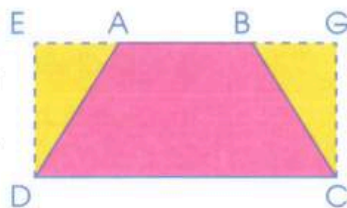
B. 48 192 đồng

C. 96 480 đồng

D. 96 000 đồng

Câu 8

Cho hình thang ABCD, độ dài đáy bé bằng 6 cm và độ dài đáy lớn bằng 14 cm. Người ta kéo dài đáy bé về hai phía với E độ dài như nhau để tạo thành hình chữ nhật EGCD thì phần diện tích mở rộng bằng 22 cm^2 . Vậy diện tích của hình thang ABCD là:



A. 81 cm^2

B. $55,8 \text{ cm}^2$

C. $58,5 \text{ cm}^2$

D. 55 cm^2

Câu 9

Phương có 8 khối lập phương nhỏ bằng nhau, tổng độ dài các cạnh của mỗi khối lập phương đó là 48 cm. Phương xếp 8 khối lập phương đó thành 1 khối lập phương lớn. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của khối lập phương lớn là:

A. 384 cm^2 và 256 cm^2

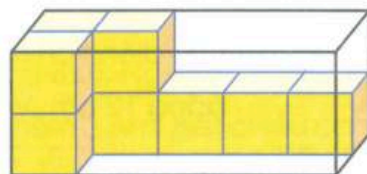
B. 256 cm^2 và 348 cm^2

C. 265 cm^2 và 384 cm^2

D. 256 cm^2 và 384 cm^2

Câu 10

Nam xếp các khối lập phương cạnh 8 cm vào một chiếc thùng (như hình bên). Vậy thể tích phần chưa xếp các khối lập phương của chiếc thùng đó là:



A. $5 632 \text{ cm}^2$

B. $5 623 \text{ cm}^3$

C. $5 632 \text{ cm}^3$

D. $5 623 \text{ cm}^2$

Câu 11

Cho một hình hộp chữ nhật có thể tích bằng 140 cm^3 , diện tích xung quanh bằng 110 cm^2 và diện tích toàn phần bằng 166 cm^2 . Vậy chiều cao của hình hộp chữ nhật đó là:

A. 5 cm

B. 7 cm

C. 4 cm

D. 6 cm

Câu 12

Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có tổng chiều dài và chiều rộng bằng 16,8 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài và chiều cao bằng 2 m. Biết rằng thể tích nước có trong bể bằng 80% thể tích của bể. Vậy thể tích nước đang có trong bể là:

A. $127,592 \text{ m}^3$

B. $110,592 \text{ m}^3$

C. $138,24 \text{ m}^3$

D. $27,648 \text{ m}^3$



Câu 1 Số?

$287\ 000\text{ cm}^3 = \boxed{?}\text{ m}^3$

- A. 0,287 B. 2,87 C. 28,7 D. 287

Câu 2 Trong các số đo dưới đây, số đo lớn nhất là:

- A. $1\ 400\text{ dm}^3$ B. $150\ 000\text{ cm}^3$ C. $0,14\text{ m}^3$ D. $1,5\text{ m}^3$

Câu 3 Phép so sánh đúng là:

- A. $7,541\text{ m}^3 > 7\ 600\text{ dm}^3$ B. $0,042\text{ m}^3 = 4,2\text{ dm}^3$
 C. $0,071\text{ m}^3 = 71\ 000\text{ cm}^3$ D. $19,4\text{ dm}^3 < 1\ 940\text{ cm}^3$

Câu 4 Khoảng cách từ nhà Yến đến thư viện là $1\ 200\text{ m}$. Lúc 9 giờ, Yến đi bộ từ nhà đến thư viện với vận tốc $4,8\text{ km/h}$. Trên đường đi, Yến ghé vào siêu thị mua nước hết 10 phút. Vậy Yến đến thư viện lúc:

- A. 9 giờ 15 phút B. 9 giờ 25 phút C. 9 giờ 20 phút D. 10 giờ 25 phút

Câu 5 Lúc 6 giờ 5 phút, chú Minh bắt đầu đạp xe tập thể dục với vận tốc 17 km/h quanh một công viên có chu vi bằng $3,4\text{ km}$. Vậy đến 6 giờ 29 phút chú Minh đã đạp xe được số vòng quanh công viên là:

- A. 1 vòng B. 2 vòng C. 3 vòng D. 4 vòng

Câu 6 Trên đĩa có 1 quả táo, 3 quả cam, 1 quả lê, 1 quả xoài. Phương không nhìn vào đĩa, lấy ngẫu nhiên 4 quả bất kì. Phương chắc chắn lấy được quả:

- A. Quả táo B. Quả cam C. Quả lê D. Quả xoài

Câu 7 Chú Dũng dự định đi ô tô từ tỉnh A tới tỉnh B với vận tốc là 48 km/h trong thời gian 2 giờ 30 phút. Trên thực tế, thời gian chú đi từ tỉnh A tới tỉnh B ít hơn thời gian dự định là 6 phút. Vậy trong thực tế, ô tô đã đi với vận tốc là:



- A. 52 km/h B. 51 km/h C. 49 km/h D. 50 km/h

Câu 8 Quảng đường từ nhà An đến trường dài 1,16 km. Khi tan học, An đi bộ về nhà với vận tốc 3,6 km/h. An đi bộ được 6 phút thì gặp anh Minh đi xe đạp tới đón An về nhà. Biết vận tốc đi xe đạp của anh Minh là 12 km/h. Vậy tổng thời gian An đi từ trường học về nhà là:

- A. 10 phút B. 4 phút C. 6 phút D. 20 phút

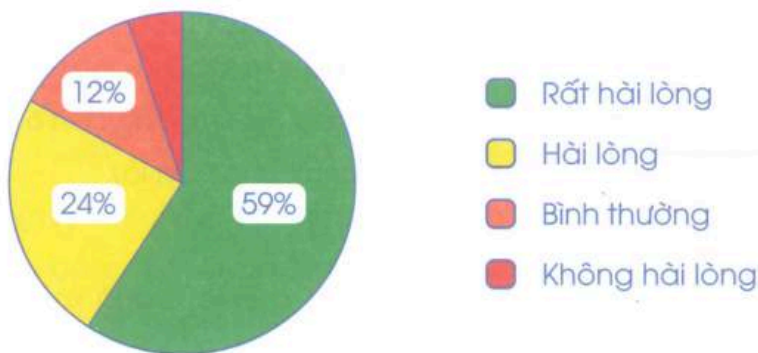
Câu 9 Một bể nước làm bằng kính có chiều dài 1,5 m; chiều rộng 0,8 m và chiều cao 0,5 m. Biết rằng trong bể đang chứa nước và diện tích lượng nước trong bể tiếp xúc với các mặt kính của bể là 258 dm^2 . Vậy trong bể chứa số lít nước là:

- A. $0,6 \text{ m}^3$ nước B. $0,3 \text{ m}^3$ nước C. $0,36 \text{ m}^3$ nước D. 360 l nước

Câu 10 Lúc 8 giờ, Quang đạp xe 4 km từ nhà mình sang nhà Vũ. Quang ở lại nhà Vũ chơi trong 1 giờ 15 phút rồi về đến nhà lúc 10 giờ. Biết trên đường trở về nhà, Quang ghé vào hiệu sách mua đồ dùng học tập hết 15 phút và vận tốc đạp xe của Quang không đổi. Vậy vận tốc đạp xe của Quang là:

- A. 20 km/h B. 12 km/h C. 16 km/h D. 15 km/h

Biểu đồ dưới đây cho biết mức độ hài lòng của 200 khách hàng dùng thử sản phẩm mới của cửa hàng.



Câu 11 Tỷ số phần trăm số người không hài lòng với sản phẩm dùng thử là:

- A. 0,5% B. 15% C. 10% D. 5%

Câu 12 Số người cảm thấy hài lòng với sản phẩm dùng thử là:

- A. 47 người B. 48 người C. 50 người D. 49 người

Câu 13 Số người cảm thấy rất hài lòng và hài lòng với sản phẩm dùng thử là:

- A. 166 người B. 116 người C. 118 người D. 181 người



Câu 1 Giá trị của biểu thức $189,06 : 6 - 12,83 \times 1,2$ sau khi làm tròn đến hàng phần mười là:

- A. 16,114 B. 16,1 C. 16,2 D. 16,11

Câu 2 Số liền sau của giá trị của biểu thức $90\,065 + 45\,621 \times 4 - 32\,880 : 8$ là:

- A. 268 440 B. 268 441 C. 268 438 D. 268 439

Câu 3 Giá trị của biểu thức $(17 \times \frac{1\,313}{5\,151} + \frac{2}{3}) - 5$ là:

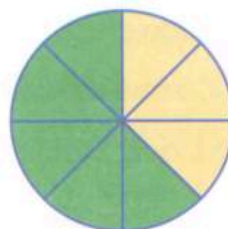
- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 4 Trung bình cộng của ba số tự nhiên là **345 213**. Nếu cộng thêm vào số thứ nhất **23 403** và trừ đi số thứ ba **12 111** thì trung bình cộng của ba số mới là:

- A. 348 877 B. 348 976 C. 348 977 D. 349 977

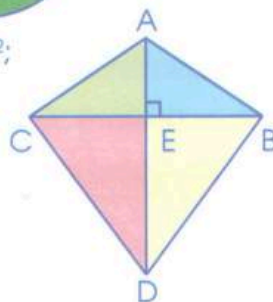
Câu 5 Hình tròn bên có đường kính bằng 12 cm. Vậy diện tích phần tô màu vàng là:

- A. 42,93 cm² B. 70,65 cm²
C. 13,14 cm² D. 42,39 cm²



Câu 6 Cho hình bên. Biết diện tích tam giác ABC là 5,85 cm²; độ dài đoạn AE là 2 cm và độ dài đoạn AD là 6 cm. Vậy diện tích của tứ giác ABCD là:

- A. 23,4 cm² B. 17,56 cm²
C. 17,55 cm² D. 24,3 cm²



Câu 7 Tổng số trang của ba quyển sách là 1 320 trang. Số trang ở quyển thứ nhất bằng 37,5% số trang ở quyển thứ ba. Số trang ở quyển thứ hai bằng trung bình cộng số trang của ba quyển. Vậy số trang ở quyển thứ nhất, quyển thứ hai lần lượt là:

- A. 240 trang, 440 trang B. 440 trang, 240 trang
C. 240 trang, 640 trang D. 440 trang, 640 trang

Câu 8 Một thửa ruộng hình thang có độ dài đáy lớn hơn độ dài đáy bé 12 m và 2 lần độ dài đáy lớn bằng 3 lần độ dài đáy bé. Biết chiều cao hơn đáy bé 5 m. Vậy diện tích của thửa ruộng đó là:

- A. 1 740 m B. 1 740 m² C. 870 m² D. 870 m

Câu 9 Quân tung đồng xu với một số lần có kết quả như sau: 13 lần xuất hiện mặt ngửa và 14 lần xuất hiện mặt sấp. Vậy tỉ số của số lần xuất hiện mặt sấp so với tổng số lần Quân tung đồng xu là:

- A. $\frac{13}{14}$ B. $\frac{14}{13}$ C. $\frac{14}{27}$ D. $\frac{13}{27}$



Câu 10 Trên bản đồ thứ nhất với tỉ lệ 1 : 200, một sân chơi dạng hình vuông có cạnh bằng 5 cm. Trên bản đồ thứ hai, sân chơi đó có độ dài cạnh gấp 4 lần so với trên bản đồ thứ nhất. Vậy bản đồ thứ hai được vẽ với tỉ lệ là:

- A. 1 : 100 B. 1 : 50 C. 1 : 150 D. 1 : 20



Câu 11 Cô Xuân đi xe máy từ nhà lúc 7 giờ 15 phút đến 7 giờ 35 phút thì đến bến xe. Cô chờ xe khách 10 phút và lên xe đi đến lúc 10 giờ thì tới quê. Biết vận tốc cô Xuân đi xe máy là 30 km/h và bằng $\frac{5}{8}$ vận tốc của xe khách. Vậy quãng đường từ nhà cô Xuân về đến quê là:

- A. 118 km B. 108 km C. 10 km D. 181 km



Bảng dưới đây cho biết khối lượng trái cây của một cửa hàng bán được trong tuần trước.

Loại trái cây	Cam	Táo	Lê	Xoài	Dưa hấu
Khối lượng (kg)	230	153	164	106	147

Câu 12 Tuần trước loại trái cây của hàng bán được nhiều nhất là:

- A. Lê B. Cam C. Dưa hấu D. Táo

Câu 13 Trung bình mỗi loại trái cây của hàng bán được số ki-lô-gam là:

- A. 170 kg B. 150 kg C. 160 kg D. 200 kg

Câu 14 Tỷ số phần trăm của số ki-lô-gam cam và tổng số ki-lô-gam trái cây của hàng bán được là:

- A. 28,57% B. 28,7% C. 29% D. 28,75%

Câu 15 Tỷ số phần trăm của tổng khối lượng táo và dưa hấu và tổng khối lượng trái cây của hàng bán được là:

- A. 37,5% B. 37% C. 35,7% D. 375%

Câu 16 Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài bằng 26 cm và chiều rộng kém chiều dài 2 cm. Bình cắt đi bốn hình vuông cạnh 4 cm ở bốn góc ở tấm bìa đó rồi gấp thành một hình hộp chữ nhật không có nắp. Vậy diện tích phần bìa để làm hình hộp chữ nhật đó là:



- A. 400 cm^2 B. 560 cm^2 C. 288 cm^2 D. 688 cm^2

Câu 17 Diện tích toàn phần của một hình lập phương bằng diện tích xung quanh của một hình hộp chữ nhật có kích thước: chiều dài 9 cm, chiều rộng 6 cm và chiều cao 5 cm. Vậy thể tích của hình lập phương đó là:

- A. 152 cm^3 B. 152 cm^2 C. 125 cm^2 D. 125 cm^3

Câu 18 Một hình hộp chữ nhật có chiều cao bằng 5 dm. Nếu tăng chiều cao lên một đoạn bằng 40% chiều cao ban đầu của hình hộp chữ nhật thì thể tích của hình hộp chữ nhật sẽ tăng thêm 96 dm^3 . Vậy thể tích ban đầu của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. 240 dm^3 B. 48 dm^3 C. 336 dm^3 D. 480 dm^3

Câu 19 Một bể nước bằng kính có dạng hình hộp chữ nhật với diện tích đáy là 500 cm^2 và bể đang chứa nước. Biết rằng nếu cho một khối đá dạng hình lập phương cạnh 10 cm vào bể thì khối đá đó vừa ngập trong nước (mặt trên của khối đá bằng mặt nước). Vậy chiều cao ban đầu của mực nước là:

- A. 10 cm B. 9 cm C. 8 cm D. 7 cm

